BẤT TỊNH QUÁN TỤNG
Pháp sư Tỉnh Am
Người dịch: Giới Nghiêm

Phật vì những chúng sanh tham dục mà nói bất tịnh quán, quán một thời gian lâu, tham dục liền trừ, có thể vượt ái hà và siêu khổ hải. Tôi rảnh rỗi đọc "Đại Trí Độ Luận", rồi nhân đó lấy ý, diễn thành kệ, để tự nhắc mình, đồng thời nhắc nhở thế gian, kệ rằng:

Tử tưởng: Ân ái rồi cũng chết, thân này có bền lâu? Thay ai khóc vô ích, ai khéo hiểu tư lường?

Trướng tưởng: Vừa đang độ thanh xuân, bỗng thành thân sình trướng; tuổi niên thiếu trước mắt, dung mạo lại thế nào?

Thanh ứ tưởng: Tướng trắng đỏ rõ ràng, thân xanh vàng ứ nát; xin anh mở mắt coi, đó chẳng phải người khác.

Hoại tưởng: Da thịt đã rơi xuống, ngũ tạng trong hiện ra; nếu nhìn cho thấu đáo, chỗ nào đáng luyến lưu?

Huyết đồ tưởng: không còn mỹ miều nữa, toàn máu mủ tanh hôi; muốn tìm tướng xấu đẹp, hình chất dần phôi phai.

Nùng lạn tưởng: Thối rữa thật khó nhìn, tanh hôi không thể ngửi; đâu ngờ nơi mủ chảy, là chỗ từng bôi son.

Đạm tưởng: dê chó ăn thịt người, người từng ăn dê chó; không biết người và thú, ai thối lại ai thơm?

Tán tưởng: Hình hài đã tan rã, tay chân cái mỗi đường; quán kỹ tướng xinh đẹp, rốt cuộc đi về đâu?

Cốt tưởng: Vốn bộ xương trắng xoá, mà từng dối người ta; ngày xưa xem là giả, ngày nay thấy chân thường.

Thiêu tưởng: Thế lửa nóng hừng hực, xương tàn chốc hoá không; nhìn xem trong khói lửa, có khởi tham tâm không?

Kệ trên hơi sơ lược, chưa quán kỹ, làm thêm luật ngũ ngôn, cho rộng hơn.

Tử tưởng: ái luyến rồi cũng biệt, thê lương không nỡ nhìn; thức vừa ra khỏi thể, thân đã mặc áo quan; lửa đêm sưởi nhà trống, gió thu lạnh màu tang; khuyên ai gặp ngày ấy, hãy quán tưởng thân tàn.

Trướng tưởng: Phong đại thổi bên trong, chốc lát đã sình trướng; thân như bịch nước đầy, bụng tợ dưa bứt dây; nước bứa ra ghê tởm, rồi ruồi nhặng bu đầy; từng vì da mỏng dối, hối hận sai năm xưa.

Thanh ứ tưởng: Nắng gió thổi nướng lâu, xanh vàng rất đáng thương; da khô đầu tiên háp, xương mục nửa phần trên; tai mũi khuyết lỗ hổng, gân cốt đứt liên hồi; người đá tuy không nói, nhìn đây cũng hỡi ôi.

Hoại tưởng: Da thịt vừa vữa ra, hình chất liền lở loét; nứt nẻ nhiều đường nứt, giòi bọ rúc ngổn ngang; dây khô quấn tóc rối, rêu ẩm vụn áo quần; gửi lời người xinh đẹp, thôi bôi vẽ túi dơ.

Huyết đồ tưởng: Một mảng máu vô tình, ngàn năm người không dậy; đầm đìa bết tử thi, bừa bộn dơ đất cát; Chớ hỏi tướng xấu đẹp, ai hay thân gái trai; thương thay đôi mắt thịt, lầm nhận giả làm chân.

Nùng lạn tưởng: Da mỏng dán giấy rách, thịt thối bỏ canh thiu; máu huyết từ trong chảy, ruồi nhặng bên ngoài tranh; ăn lòng heo dễ ói, nước rửa chó khó trong; nếu không cực ghê tởm, làm sao đoạn vọng tình?

Đạm tưởng: Thi hài bị thú ăn, nham nhở xương trắng hếu; không no bụng chim đói, không hết chó thèm thuồng; năm xưa yêu mình quá, ngày nay chẳng ai thương; không bằng thịt heo chó, còn bán được nhiều tiền.

Tán tưởng: Tứ chi bỗng chia lìa, đâu còn thân nguyên vẹn; đâu chỉ vẻ đẹp mất, mà tên tuổi cũng không; thọ yểu nhìn cỏ thu, mập ốm hỏi gió chiều; xin ai mở to mắt, suy ngẫm kỹ việc này.

Cốt tưởng: Da thịt đã tiêu trừ, chỉ còn xương trắng hếu; mưa khiến cho ẩm mốc, nước ngập đất in xương; bao trùng kiến kéo đến, thâu tàng vắng cháu con; nét phong lưu đâu mất, hồn vất vưởng lang thang.

Thiêu tưởng: Lửa dữ táp hài cốt, chốc đã bùng lên cao; đỏ bay đầu ngọn lửa, đen tới đỉnh tối cao; vọng niệm đồng tro hết, chân tâm tợ mặt trời; muốn siêu đường sanh tử, quán này phải tinh chuyên.

Tứ Niệm Xứ Tụng

Lúc Phật sắp vào Niết-bàn, căn dặn các Tỳ-kheo, hãy nương vào Tứ Niệm Xứ, như Phật không khác. Nay nhằm vào thời mạt pháp, người giữ chánh niệm ít ỏi, nhìn lại pháp môn này, không mấy ai tu học. Đâu chỉ không tư duy về nghĩa lý của kinh, mà ngay cả tên kinh còn chưa biết, thật là đáng bùi ngùi! Tôi ở núi nhân rảnh rỗi, đọc phẩm Di Giáo của kinh Niết-bàn, nhân đó rút ý nghĩa, viết thành thi kệ, để cho người ca vịnh, chánh niệm tăng trưởng, vọng niệm tiêu trừ, răn nhắc mình hằng ngày, đồng thời không quên di giáo.

Quán thân bất tịnh:

Hễ khởi điên đảo tưởng, liền có huyễn duyên thân; máu mủ thường hỗn hợp, tanh hôi mãi hiện bày; giấy dán da vào thịt, dây quấn cốt với gân; lông mọc đầy rậm rạp, trùng sanh khắp nơi thân; nội tạng toàn xú uế, trang sức chỉ áo khăn; tứ đại vốn không thật, các căn chẳng lẽ chân; nói năng tiếng tự vang, hít thở khí tự hoàn; miễn cưỡng gọi nam nữ, hư danh lập anh tôi; trăm năm ba thước đất, vạn cổ một nấm mồ; quý tiện đều sanh tử, hiền ngu thảy ưu sầu; uổng sanh rồi uổng tử, ai biết bổn lai nhân.

Quán thọ thị khổ:

Các khổ từ đâu khởi, biết chắc từ Thọ sanh; thuận nghịch vừa lãnh nạp, lấy bỏ liền tung hoành; còn có thạnh và suy, thì còn vinh và nhục; oán từ thân

mà khởi, buồn do vui mà sanh; nhà Vương, Tạ còn đâu, nước Tào, Lưu đã đổ; vui buồn mấy giấc mộng, thắng bại một ván cờ; sự với tâm trái nghịch, bần với bệnh tìm nhau; tiền thần hô không tới, nghèo quỷ đuổi không đi; lật đật rồi vô ích, uất ức khắp bất bình; không cầu ti như quý, tri túc thiếu thành dư; ngộ được chân không lý, vui buồn chỗ nào sanh?

Quán tâm vô thường:

Vọng tâm không chỗ mắc, thể tướng rốt là sao? lập loè đèn trong gió, lao xao sóng nước trên; một nhà sáu căn khác, sáu thức anh em nhiều; lộn xộn chạy theo cảnh, dồn dập mỗi khác nhau; xanh vàng mắt thay đổi, động tĩnh tai đổi thay; thúi thơm mũi phân biệt, mặn lạt lưỡi khen chê; nóng lạnh thân khó dễ, đẹp xấu ý khen chê; cảnh diệt tâm tạm ổn, tình vong trí lẻ loi; lật đổ hang ngũ dục, dập nát ổ sáu căn; giặc cướp vua chuyển hoá, chim bay khỏi võng la; khi nào ngộ thường trụ, các vọng thảy tiêu ma.

Quán pháp vô ngã:

Các pháp duyên sanh ra, vốn không có tự ngã; nhân duyên có sanh diệt, nghĩ suy liền kém hơn; muốn được trở thành mất, cầu nhàn gặp bận hơn; sợ lạnh đông không dứt, khổ nóng hạ miên trường; nghèo mong giàu có sướng, già bám tuổi tráng niên; đâu ai ghét thuận lợi, nào ai thích nguy vong; tự tại mới là chủ, đổi thay đâu phải thường; lìa *căn* niệm nào khởi, không *thức* cảnh hoàn vong; trong ngoài không gì cả, ở giữa cũng trống trơn; sáu cửa không tịch tĩnh, căn nhà lộ rõ ràng; chỉ cần trần lao hết, lộ rõ đại giác vương.

Tượng Tán

Tiên sinh Chu An Sĩ ở Côn Sơn, trước tác rất nhiều loại sách, Nhĩ Đán đọc những sách ấy, thu được lợi ích rất nhiều. Quá khứ đức Thế Tôn vì nửa bài kệ (các hành vô thường, là pháp sanh diệt…), mà còn xả thân cúng dường. Nay ơn của tiên sinh, Nhĩ Đán tôi không biết lấy gì để báo đáp. Uông Tử, Thạch Tâm lấy vẽ tượng làm đề, ngoài vui mừng chiêm lễ, còn cung kính làm kệ tứ ngôn nhị thập vận khen ngợi tượng của tiên sinh. Thật sự thì khen ngợi không thể hết, hay khen ngợi cũng thừa, ý tôi chỉ muốn phổ biến cho mọi người biết về việc trước tác rất nhiều sách của ngài, cái chính là để kết duyên vãng sanh Tịnh độ, nghĩ tiên sinh ở trong đài sen, chắc cũng mĩm cười. Một ngày sau ngày sóc vọng mùa đông năm Canh Tý niên hiệu Đạo Quang, Trương Nhĩ Đán.

Chỉ có đại cư sĩ, sanh vào thời Khang Hy. Biện tài vô ngại, nói pháp rất hay. Cư sĩ có khả năng viết lách, nói năng, nhanh như sấm sét. Sách vở Phật, Lão, Nho cư sĩ đều thông suốt. Khí như mây cuộn, từ như sóng nhồi. Là sứ giả Như Lai, làm đại đạo sư. Thương cho mạt pháp, chúng sanh ngu si. Nếu chẳng phải Bồ-tát, ai có tiếng rống như sư tử (chỉ đức Phật)? Chết sanh Tây Phương, tôi sanh đâu trễ. Viết sách vạn lời, xiển minh nguồn ấy. Xưa nghe luận thuyết, nay thấy dung nhan. Gậy nón về Tây, gió đùa râu trắng. Tôi coi mình là đệ tử không được truyền thừa, cúi đầu lễ bái, cảm động chảy nước

mắt, danh đức của ngài thật bằng với Phật. Tất cả đồng đạo, đều vạn phần kính ngưỡng ngài; trước mắt tuy là hình tượng, nhưng trong đó lại có đại nhân duyên. Ngài có nguyện lực lớn, người đời không thể trắc lượng được. Mắt nhìn di tượng, trước mắt vọt ra hoa sen. Ai biết đảnh lễ, ngài sẽ dùng sức từ bi tiếp dẫn họ. Vô lượng chúng sanh, được qua biển khổ, vãng sanh Tây phương Tịnh độ.

Cởi bỏ phàm trần, sớm về Tịnh độ, tiết tháo cao vời, đến nay còn mãi. Trước tác đường đường, ngang với kinh Phật, ái hộ chúng sanh, với tâm tha thiết. Thân ở trần thế, tâm sớm xuất ly, nguyện lực hoằng thâm, không lìa chúng sanh. Nay tuy về tây, nhưng tượng vẫn còn, gương mặt tươi tắn, tự tại như sống. (Chu Triệu Canh)

Tánh tịnh minh diệu, người người đều đủ, tinh tấn tu hành, ắt sẽ giác ngộ. Nhất trần bất nhiễm, tại thế xuất thế, kính ngưỡng cư sĩ, tôn túc Lộc Thành. Phát đại bi tâm, tạo vô lượng phước, trước tiếp Long Thư, sau dẫn Xích Mộc. Đài vàng sừng sững, một mình trên cao, nguyện khắp đại thiên, thoát ly ô trược, khi thiện quả tròn, đồng sanh Cực Lạc. (Khâu Hồng Nghiệp)

Biển ái ngày một sâu, sóng khổ ngày một lớn, thương thay cho thế nhân, đời ác trược khó đổi. An Sĩ ở Lộc Thành, phát đại Bồ-đề nguyện, soạn bốn cuốn sách lớn, mỗi chữ đều nhắc nhở. Thí như trong phòng tối, ánh đèn và điện chớp. Lại như rơi núi cao, được vớt bởi lụa trắng. Tự độ cùng độ người, bi mẫn từ tâm hiện. Một mai thiện quả thành, đài vàng xuống đón rước. Hậu sanh mất chuẩn mực, sùng mộ hoài vô ích. Giỏi thay ngài An Sĩ, hậu duệ hỏi tìm khắp. Vui mừng được di tượng, khéo tay vẽ giống in. Tôi sanh ra quá trễ, không thấy tướng mạo người. Học đạo có thành tâm, đọc sách như thấy mặt. Huống hồ thấy hình này, đảnh lễ sanh lưu luyến. Tái bái không lên tiếng, nguyện mượn thuyền phương tiện, tiếp dẫn người thế gian, cùng lên bất thoái chuyển. (Chu Triệu Tiêu)

Đọc hoài sách An Sĩ, tái bái tượng tiên sinh. Lời nhân lợi càng rộng, đạo mạo thấy nghiêm trang. Nhiều đời hành Bồ-tát, một hiện cư sĩ thân. Vào ra trong nho Phật, rốt ráo về Tây phương. Đáng thương người thế gian, lang thang khổ sanh tử. Di thư khắp nhân gian, vang như tiếng trống trời. Hận tôi sanh quá muộn, không thể hầu cận bên. Bốn mươi năm hành đạo, đệ tử ngưỡng cao sơn. Kính đốt một nén hương, kiền thành lễ hoa tạng. Ta-bà nguyền trở lại, độ chúng sanh vô lượng. (Khâu Tôn Cầm)

Cư sĩ là tiên sinh ở quê tôi, cao sơn ở chỗ dừng lại của sự kính ngưỡng. Quê tôi văn bút đẹp ngọc phong, cận đại danh nhân liên tiếp khởi. Trang Cừ lý học được chân truyền, Bá Lô kế thừa mỗi cụ thể. Văn chương độc số Quy Chân Xuyên, khảo chứng Đình Lâm quán kinh sử. Cư sĩ càng thông cảnh (giới) Phật nho, thấu rõ sanh tử. Soạn hai loại sách giới Dâm, Sát, vào đầu vừa hét động lỗ tai. Trước độ chúng sanh khỏi bờ mê, sau dẫn con đường quy trực chỉ. Một lòng niệm Phật hướng Lạc bang, mười ngàn ức cõi như bên

cạnh. Trong hồ thất bảo nở hoa sen, cười bảo người nhà Phật đã đến. Tôi sinh trễ đến 60 năm, hận không được thấy Như Lai sứ. Cứu cánh tôn sùng không gì khác, nhân duyên xuất thế là ở đây. Cư sĩ tự gọi là Hoài Tây, còn Hoài của tôi là cư sĩ. (Phương Bộ Doanh)

Hiện thân cư sĩ, thí pháp cho người, sau Long Thư, chỉ có Chu An Sĩ. Long Thư khuyên tu Tịnh độ, giáo hoá sơ cơ, niệm liên tục, vào sâu Phật trí. An Sĩ trực chỉ, ba căn (thượng căn trung căn hạ căn) đều vẹn, nhân duyên thí dụ, đều ở bên trong. Uông Tử thâm tâm, thêu tượng cúng dường, để cho người đời, mỗi mỗi kính tín. (Chu Hiếu Cai)

Thiện tri thức, đại Bồ-tát. Mũ khăn Nho, nói Phật pháp. Gìn giới luật, giới dâm sát. Tam thừa giáo, ý sâu rộng. Mang thân tâm, phụng trần sát. Hoằng trì danh, xiển Tịnh độ. Thương Lỗ Dương, mặt trời thụt. Đọc sách ngài, như thấy mặt. Bái tượng ngài, đạo khí ắp. Trước Long Thư, sau Xích Mộc. Ngài ở giữa, đảnh ba chân. Tượng pháp suy, các ngài cứu. Dứt tà thuyết, chấn đồi phong. Tôi sau ngài, cả trăm năm. Chiêm di tượng, vuốt di thư. Tâm bi hỷ, mắt ràn rụa. Ngài hoài tây, tôi cũng thế. Nguyện gia bị, ngài cánh sen. (Thích Tổ Quán)

Cuộc đời cư sĩ Chu An Sĩ

Chu Mộng Nhan, còn gọi Tư Nhân, tự An Sĩ, nho sinh Côn Sơn. Bác thông kinh tạng, tin sâu pháp môn Tịnh độ, tự hiệu Hoài Tây cư sĩ. Chúng sanh tạo vô lượng tội, nhất là hai nghiệp dâm sát, vì đó viết hai cuốn giới sát giới dâm. Cuốn giới sát đặt tên “Vạn Thiện Tiên Tư”, lời lẽ khẩn thiết. Tự bảo mỗi khi đi qua tất cả miếu thần, đều chú nguyện rằng: “Mong chư tôn thần, phát tâm xuất thế, không nhận rượu thịt, một lòng thường niệm A-di-đà Phật, cầu sanh Tịnh độ. Tư Nhân từ nay (24 tuổi) cho đến mạng chung, nếu có giết một con vật nhỏ, cho đến quyến thuộc trong nhà, nếu có một người giết trùng kiến, mong tôn thần cải chánh, trừng phạt, nổi sấm đánh nát sách tôi trước tác. Tư Nhân từ nay (24 tuổi) cho đến mạng chung, xuống nước thấy cá, ngưỡng mặt thấy chim, không nghĩ đến cứu độ, mà ngược lại nghĩ đến sát hại, thì cũng sẽ bị phạt giống như thệ này. Tư Nhân từ nay (24 tuổi) cho đến mạng chung, nếu trong mộng, thấy người sát sanh, mà không thể chí tâm xưng danh hiệu Phật, phát tâm cứu độ, mà ngược lại còn vui theo, thì cũng sẽ bị phạt giống như thệ này”. Cuốn giới dâm đặt tên “Dục Hải Hồi Cuồng”, khuyên người dâm dục, trước quán thai ngục, rõ đủ các khổ, đó là phương tiện dứt dâm đầu tiên; kế đến quán thân này, là ổ vi trùng, ăn tuỷ não người, đó là phương tiện bất tịnh ban đầu; kế nữa quán nam nữ, máu mủ mũi giải, những chất bất tịnh, giống như hầm xí, đó là phương tiện đối trị dứt dâm; kế nữa quán tưởng người chết nằm ngửa, băng lạnh thấu xương, nước vàng chảy ra, thúi không chịu nổi, khắp thân thể đầy giòi bọ chui rúc, da thịt vữa ra, gân cốt lòi ra, thân ta, rốt cuộc cũng thế; kế nữa quán niệm tướng sanh, tướng diệt và tướng bất sanh bất diệt mà kinh “Pháp Hoa” nói, đó là phương tiện

đoạn dâm tận gốc; kế nữa quán tự thân, trong hoa sen ở ao thất bảo, nước Cực Lạc, hoa sen nở ra, thấy Phật A-di-đà, ngồi hoa sen báu, đủ các thuỵ tướng trang nghiêm, cũng thấy tự thân, lễ bái cúng dường Phật, quán như thế xong, phát nguyện vãng sanh thế giới Cực lạc, vĩnh viễn ra khỏi lưới dâm, đó là phương tiện giải thoát rốt ráo. Lại viết "Âm Trắc Văn Quảng Nghĩa" 3 quyển, "Tây Quy Trực Chỉ" 4 quyển. Tháng giêng năm thứ 4 niên hiệu Càn Long, từ biệt mọi người, nói sẽ về Tây Phương, người nhà xin tắm nước thơm, đưa tay ngăn bảo: "Ta tắm nước thơm lâu rồi!" Rồi cười nhẹ mà đi, hương lạ thơm khắp cả phòng, thọ 84 tuổi.

Tây phương có 1 loại thù thắng:

Hoá sanh trong hoa sen – khác với sanh trong bào thai

Tướng hảo đoan nghiêm – khác với thân thịt xấu xí

Trải vàng làm đất – khác với đất cát dơ uế (dơ sạch khác nhau trời vực)

Ăn uống áo quần tự nhiên – khác với đói lạnh

Cung điện tuỳ ý – khác với xây dựng vất vả

Phi hành tự tại – khác với túi da nhiều bệnh (khổ vui khác nhau trời vực)

Thiện hữu ái kinh – khác với oan gia hội tụ

Thọ mạng vô lượng – khác với thoát sanh thoát tử

vĩnh viễn không còn thoái chuyển – khác với nghiệp duyên chướng đạo (khó dễ như trời với đất)

Thọ ký thành Phật – khác với liên tiếp sanh vào tam đồ.

Tây Quy Trực Chỉ

quyển 1

Hoài Tây Cư Sĩ Chu Mộng Nhan An Sĩ Dân Vựng Tập

Cương Yếu của Tịnh độ

Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện nơi đời, đó là vì thương tưởng chúng sanh, luân hồi trong lục đạo, ra rồi lại vào, chịu khổ vô lượng. Do đó trong mười phương cõi Phật, chỉ ra thế giới Tây Phương Cực Lạc, để mọi người biết chỗ hướng về. Lại trao cho pháp môn cực kỳ giản dị, chỉ cần niệm Phật, liền được vãng sanh, quả là chiếc thuyền đại từ trong biển sanh tử. An Sĩ tôi phước báo sâu dày, may mắn gặp được pháp môn này, không dám phụ ân đức của Phật, nên mang đại tiểu bổn Di-đà yếu chỉ, trích lục đại yếu, khiến người đọc vừa đọc liền hiểu, gọi là "Tịnh độ cương yếu".

A-nan khải thỉnh

Đại bổn "A-di-đà Kinh" nói: "Một ngày nọ, đức Thích-ca Như Lai, dung nhan bỗng khác thường, A-nan bạch: Bạch đức Như Lai, nhan sắc Như Lai hôm nay bỗng khác, chắc đức Như Lai sắp nói thắng pháp? Phật khen: Ông hỏi hay lắm! lời ông hỏi phước hơn cúng dường Thanh-văn, Duyên-giác bốn châu thiên hạ, và bố thí chư thiên nhân dân, cho đến các loài bò bay cựa động. Dù cúng dường muôn kiếp, cũng không bằng. Vì sao? Vì chư thiên, đế

vương, nhân dân, cho đến các loài bò bay cựa động, đều nhờ ông hỏi mà được đạo giải thoát.

Lời bàn: Theo đây thì biết, pháp môn Tịnh độ, không chỉ là pháp môn dành cho con người, mà cho cả chư thiên chư tiên. Chớ có coi thường.

Phật Độ Song Tiêu

Tiểu bổn "A-di-đà Kinh" nói: Lúc ấy Phật bảo với trưởng lão Xá-lợi-phất. Từ đây đi về phía tây qua 100.000 ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực lạc, cõi ấy có Phật tên A-di-đà, hiện đang thuyết pháp. Xá-lợi-phất, cõi Phật ấy vì sao gọi là Cực-lạc? Bởi chúng sanh ở trên cõi Phật ấy, không có các khổ nạn, chỉ thọ hưởng an vui, nên gọi là Cực-lạc.

Pháp Tạng Nhân Địa

Đại Bổn Kinh nói: Vô lượng vô số kiếp về trước, có Phật Thế Tự Tại Vương ra đời, hoá độ chúng sanh. Lúc bấy giờ có đại quốc vương, nghe Phật thuyết pháp, liền giác ngộ, từ bỏ vương vị, theo Phật xuất gia, hiệu Pháp Tạng Tỳ-kheo, tức nay chính là Phật A-di-đà. Pháp Tạng Tỳ-kheo phát 48 đại nguyện trước Thế Tự Tại Vương Phật, vì cứu độ chúng sanh, tinh tấn tu hành, nhập Bồ-tát địa. Trong thì tu huệ, ngoài thì tu phước. Đối với tất cả thế gian, không gì không biết, không gì không thấy. Lại thác sanh trong tất cả chúng sanh, để giáo hoá. Cho nên trên từ thiên đế, dưới đến côn trùng, không loài nào là không khiến họ sanh về Cực Lạc.

Nguyện Xong Thành Phật

Đại bổn kinh nói: Phật A-di-đà, trải qua đại a-tăng-kỳ kiếp, hành Bồ-tát hạnh, không từ các khổ, thường ban áo quần, ăn uống, âm nhạc, cho đến các vật dụng cần thiết tối thượng cho chúng sanh, khiến họ hoan hỷ. Phát tâm vô thượng Bồ-đề, mới được thành tựu 48 lời nguyện trước, mà thành Phật. Do đó vô lượng chúng sanh trong mười phương, một niệm quy y, liền sanh nước ấy.

Bốn mươi tám nguyện:

<u>Nguyện thứ nhất</u>: khi tôi thành Phật, thì trong nước tôi không có địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú, thậm chí không có côn trùng nhỏ nhít, không được như thế tôi không thành Phật.

<u>Nguyện thứ hai</u>: khi tôi thành Phật, thì trong nước tôi không có phụ nữ, chư thiên các cõi nước, thậm chí côn trùng nhỏ nhít sanh ở nước tôi, đều sanh ra từ hoa sen trong ao thất bảo, không được như thế tôi không thành Phật.

<u>Nguyện thứ ba</u>: khi tôi thành Phật, thì trong nước tôi khi ai nghĩ đến ăn uống, hàng trăm món ngon được đựng trong chén ngọc hiện ngay trước mắt. Ăn xong chén bát tự biến mất, không được như thế tôi không thành Phật.

<u>Nguyện thứ tư</u>: khi tôi thành Phật, thì người trong nước tôi, nghĩ đến áo quần liền hiện trên thân, không phải cắt may giặt nhuộm, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ năm: khi tôi thành Phật, thì trong nước tôi từ mặt đất cho đến hư không, nhà cửa, lầu các, dòng sông, cây cối, đều được làm bằng vô lượng châu báu, trăm ngàn thứ hương thơm, kỳ diệu thù thắng không đâu hơn, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ sáu: khi tôi thành Phật, thì người trong nước tôi, chỉ thương yêu nhau không đố kỵ nhau, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ bảy: khi tôi thành Phật, thì người trong nước tôi, hoàn toàn không có tâm dâm dật, sân hận, ngu si, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ tám: khi tôi thành Phật, thì người trong nước tôi chỉ một lòng tốt, ai muốn nói gì người kia đã biết, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ chín: khi tôi thành Phật, thì người trong cõi nước tôi, không nghe đến cái tên bất thiện, huống hồ là thật có, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ mười: khi tôi thành Phật, thì người trong cõi nước tôi, biết thân như huyễn không tâm tham trước, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ mười một: khi tôi thành Phật, trong nước tôi tuy có người, trời khác nhau, nhưng hình dung đều một màu sắc vàng, mặt mày đoan chánh đẹp đẽ, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ mười hai: khi tôi thành Phật, cho dù vô số chư thiên của vô số thế giới trong mười phương, cho đến các loại côn trùng nhỏ nhít, đều được làm người, đều làm Thanh-văn, Duyên-giác, đều toạ thiền nhất tâm, muốn tính đếm tuổi thọ những người trong cõi nước tôi, mấy thiên ức vạn kiếp không ai đếm được, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ mười ba: khi tôi thành Phật, cho dù vô số chư thiên của vô số thế giới trong mười phương, cho đến các loại côn trùng nhỏ nhít, đều được làm người, đều làm Thanh-văn, Duyên-giác, đều toạ thiền nhất tâm, muốn tính đếm số người trong cõi nước tôi, mấy ngàn ức vạn không ai đếm được, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ mười bốn: khi tôi thành Phật, thì người trong nước tôi tuổi thọ là vô số kiếp, không ai có khả năng tính đếm, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ mười lăm: khi tôi thành Phật, thì người trong cõi nước tôi, đều được niềm vui của một vị Tỳ-khưu A-la-hán, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ mười sáu: khi tôi thành Phật, thì người trong cõi nước tôi ở vào ngôi vị chánh tín, lìa điên đảo tưởng viễn ly phân biệt, các căn tịch tĩnh Niết-bàn, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ mười bảy: khi tôi thành Phật, nói kinh hành đạo gấp mười chư Phật, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ mười tám: khi tôi thành Phật, thì người trong cõi nước tôi đều thấy được kiếp trước của mình, biết hết việc của trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ mười chín: khi tôi thành Phật, thì người trong cõi nước tôi, hết thảy đều được thiên nhãn, thấy trăm ngàn ức na-do-tha thế giới, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi: khi tôi thành Phật, thì người trong cõi nước tôi, tất cả đều được thiên nhĩ, nghe hết tiếng thuyết pháp của trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật, đồng thời thọ trì trọn vẹn, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi mốt: khi tôi thành Phật, thì người trong cõi nước tôi được tha tâm trí, biết tâm niệm của chúng sanh trăm ngàn ức na-do-tha thế giới, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi hai: khi tôi thành Phật, thì người trong cõi nước tôi đều được thần túc, chỉ trong một niệm, đi khắp trăm ngàn ức na-do-tha thế giới, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi ba: khi tôi thành Phật danh hiệu tôi vang khắp vô số thế giới trong mười phương, hết thảy chư Phật trong vô số thế giới đều khen công đức và quốc độ tôi là thù thắng hơn hết, trời người cho đến côn trùng nhỏ nhít, khi nghe danh hiệu tôi mà sanh lòng vui mừng, hoan hỉ, tất cả sau khi chết đều được sanh lên nước tôi, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi bốn: khi tôi thành Phật, thì ánh sáng trên đỉnh đầu tôi tuyệt diệu hơn cả ánh sáng mặt trăng mặt trời trăm ngàn ức vạn lần, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi lăm: khi tôi thành Phật, thì ánh sáng chiếu vào vô lượng chỗ u tối, tất cả đều được sáng rỡ, trời người cho đến côn trùng nhỏ nhít, thấy ánh sáng tôi, tất cả đều sanh từ tâm, đời sau sanh vào nước tôi, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi sáu: khi tôi thành Phật, trời người trong vô số thế giới trong mười phương, cho đến côn trùng nhỏ nhít, nhờ ánh sáng tôi chiếu vào thân chúng, nên thân tâm từ hoà hơn cả trời người, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi bảy: khi tôi thành Phật, thì trời người trong vô lượng vô số thế giới trong mười phương, ai phát tâm bồ-đề, thọ trì trai giới, hành sáu pháp Ba-la-mật[1] (pāramitā), tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sanh nước tôi, khi mạng sắp chung tôi cùng đại chúng, hiện ra trước

[1] Sáu ba-la-mật: bố thí ba-la-mật, trì giới ba-la-mật, nhẫn nhục ba-la-mật, tinh tấn ba-la-mật, thiền định ba-la-mật, trí huệ ba-la-mật.

mặt người ấy tiếp dẫn vãng sanh, người ấy đắc quả vị Bồ-tát bất thối chuyển, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi tám: khi tôi thành Phật, thì trời người trong vô lượng vô số thế giới trong mười phương, nghe danh hiệu tôi, đốt đèn thắp hương rải hoa, cúng dường trai tăng xây dựng chùa tháp, trai giới thanh tịnh làm nhiều việc lành, một lòng ghi nhớ đến tôi, tuy chỉ một ngày đêm, cũng được sanh vào nước tôi, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi chín: khi tôi thành Phật, thì trời người trong vô lượng vô số thế giới trong mười phương, một lòng tin vui muốn sanh nước tôi, chỉ cần niệm mười danh hiệu liền được vãng sanh, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi: khi tôi thành Phật, thì trời người trong vô lượng vô số thế giới trong mười phương, cho đến côn trùng nhỏ nhít, đời trước tạo nghiệp, nghe danh hiệu tôi liền sám hối làm lành, thọ trì kinh giới nguyện sanh nước tôi, sau khi chết không bị đoạ trong ba đường ác, sanh thẳng lên nước tôi, không một ước muốn nào không được toại ý, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi mốt: khi tôi thành Phật, thì trời người trong vô lượng vô số thế giới trong mười phương, nghe danh hiệu tôi, đảnh lễ năm vóc sát đất, tin vui tu hạnh Bồ-tát, trời người không ai không hết sức thành kính, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi hai: khi tôi thành Phật, thì hết thảy người nữ trong vô lượng vô số thế giới trong mười phương, nghe danh hiệu tôi, tin ưa, phát tâm bồ-đề chán ghét thân nữ, sau khi mạng chung không còn trở lại làm thân nữ, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi ba: khi tôi thành Phật, thì bất cứ chúng sanh nào sanh lên nước tôi, một đời được bổ xứ làm Phật, chỉ trừ những ai nguyện sanh cõi khác, giáo hoá chúng sanh tu Bồ-tát hạnh, cúng dường chư Phật tự tại vãng sanh, tôi dùng sức oai thần, làm cho người ấy giáo hoá tất cả chúng sanh đều phát tín tâm, tu hạnh bồ-đề, hạnh Phổ Hiền, hạnh tịch diệt, hạnh tịnh phạm, hạnh tối thắng và tất cả các hạnh lành, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi bốn: khi tôi thành Phật, thì những người trong nước tôi muốn sanh nước khác, đều được như nguyện không phải rơi trở lại trong ba đường ác, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi lăm: khi tôi thành Phật, thì chư Bồ-tát trong nước lấy hương hoa phướn lọng chân châu anh lạc… đến vô lượng thế giới khác cúng dường chư Phật, trong khoảnh khắc một bữa ăn là đi cùng khắp, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi sáu: khi tôi thành Phật, chư Bồ-tát trong nước muốn ngàn vạn đồ vật để cúng dường vô lượng chư Phật trong mười phương,

thì ngàn vạn đồ vật hiện đủ trước mặt, trong ngày hôm đó chưa đến giờ ngọ đã về đến nước, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi bảy: khi tôi thành Phật, chư Bồ-tát trong nước thọ trì kinh pháp, phúng tụng tuyên thuyết, chắc chắn được trí tuệ biện tài, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi tám: khi tôi thành Phật, chư Bồ-tát trong nước có khả năng diễn thuyết tất cả pháp, trí tuệ biện tài của họ không thể hạn lượng, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi chín: khi tôi thành Phật, thì chư Bồ-tát trong nước được sức kim cang na-la-diên, thân họ đều màu hoàng kim sắc tía, đủ 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, thuyết kinh hành đạo không khác chư Phật, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi: khi tôi thành Phật, sự thanh tịnh trong nước tôi chiếu thấy vô lượng thế giới trong mười phương, Bồ-tát muốn thấy tất cả cõi Phật nghiêm tịnh trong cây bảo thọ, liền hiện ra ngay như cầm gương soi mặt, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi mốt: khi tôi thành Phật, thì những Bồ-tát trong nước tuy ít công đức cũng thấy biết được cây đạo tràng cao 4000 do-tuần của tôi, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi hai: khi tôi thành Phật, trời người và vạn vật trong nước, đều phát ra ánh sáng đặc biệt, vi diệu vô lượng không thể tán thán, chúng sanh được thiên nhãn nhiều không thể tính đếm, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi ba: khi tôi thành Phật, thì những người trong nước tôi tuỳ theo chí nguyện, muốn nghe pháp gì tức liền được nghe, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi bốn: khi tôi thành Phật, thì chư Bồ-tát Thanh-văn trong nước đều trí tuệ thành thần, trên đảnh đều có ánh sáng phát ra âm thanh, nói kinh hành đạo không khác chư Phật, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi lăm: khi tôi thành Phật, thì chúng sanh ở các thế giới khác, nghe danh hiệu tôi quy y, tinh tấn, đều được Tam-muội thanh tịnh giải thoát, trong Tam-muội ấy trong tích tắc khởi ý, cúng dường chư Phật không thể nghĩ bàn, nhưng không mất định ý, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi sáu: khi tôi thành Phật, thì chúng sanh ở các thế giới khác, nghe danh hiệu tôi quy y, tinh tấn, đều được Tam-muội Phổ đẳng, cho đến thành Phật, thường thấy vô lượng không thể nghĩ bàn tất cả chư Phật, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi bảy: khi tôi thành Phật, thì chúng sanh ở các thế giới khác, nghe danh hiệu tôi quy y, tinh tiến, liền được quả bất thối chuyển, không được như thế tôi không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi tám: khi tôi thành Phật, thì chúng sanh ở các thế giới khác, nghe danh hiệu tôi quy y, tinh tiến, liền được tuần tự tam pháp nhẫn, không còn thoái chuyển trong Phật pháp, không được như thế tôi không thành Phật.

Phật bảo: Lúc ấy Tỳ-kheo Pháp Tạng phát 48 lời nguyện này xong, đại địa chấn động, trời mưa hoa báu, trên không trung có lời khen rằng: Pháp Tạng Tỳ-kheo nhất định thành Phật.

Đắc Như Lai danh

Tiểu bổn kinh nói: Xá-lợi-phất, ông có biết vì sao đức Phật ấy có tên là A-di-đà không? Xá-lợi-phất, ánh sáng vô lượng của đức Phật ấy, chiếu khắp các quốc độ trong mười phương mà không bị trở ngại, nên có tên là A-di-đà. Xá-lợi-phất, thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân trên cõi Cực-lạc là vô lượng vô biên vô số kiếp không thể tính đếm, nên có tên là A-di-đà.

Đường Vũ Bảo Trì

Đại bổn kinh nói: Phật A-di-đà, giảng đường tinh xá, đều bằng thất bảo. Lại dùng thất bảo để tạo các lan can của lầu các, hơn chỗ ở của Thiên Đế Thích của Lục Dục Thiên của thế giới này trăm ngàn vạn lần. Ngoài ra cung điện của Bồ-tát, Thanh-văn, cũng lại như thế. Trời người ở đó, áo quần ăn uống, nhạc trời vi diệu, tuỳ ý hiện ra. Cung điện lầu các, tuỳ theo hình sắc mà cao thấp lớn nhỏ, được làm bằng một hai loại châu báu, cho đến vô lượng châu báu, đều hoá hiện mà thành. Song, các cung điện ấy, có cái theo ý lớn nhỏ cao thấp, lơ lửng trong không; có cái không thể theo ý lớn nhỏ, nằm trên mặt đất, là do đời trước khi tu đạo, đức có dày mỏng. Chỉ có áo quần ăn uống, là như nhau. Trong ngoài cung điện, lại có suối nước chảy và hồ tự nhiên. Suối hồ nào được làm bằng một hai loại châu báu, thì cát dưới hồ cũng được làm bằng một hai loại châu báu; Như hồ bằng vàng, thì cát bằng bạc; hồ bằng thuỷ tinh, thì cát bằng lưu li. Nếu hồ nào được làm bằng ba bốn loại châu báu, cho đến bảy loại châu báu, thì cát dưới đáy hồ cũng như thế. Trong hồ đều có nước tám công đức, thanh tịnh hương khiết, vị như cam lộ. Trong hồ lại có trăm loài hoa lạ, mỗi cành ngàn đoá hoa; ánh sáng màu sắc đã khác, mà hương thơm cũng khác, thơm nức, không thể diễn tả.

Thiên Nhạc Vũ Hoa

Tiểu bổn kinh nói: Nước Phật ấy thường trổi nhạc trời, vàng làm đất, ngày đêm sáu thời mưa hoa trời mạn-đà-la. Mọi người trên thế giới Cực-lạc thường vào buổi sáng, mỗi người mang một cái lẵn, nhặt đầy những hoa đẹp, đi cúng dường hàng chục vạn ức Phật trong mười phương, đến giờ ăn cơm, tất cả đều về lại nước của mình, ăn cơm xong rồi đi kinh hành.

Trì Ngạn Hoa Thọ

Đại bổn kinh nói: Bờ các hồ báu, có vô số cây chiên-đàn, hoa quả cát tường, hương thơm bay khắp. Lại có hoa sen đủ màu, che kín mặt nước. Lại có hàng cây bảy báu, những hàng cây nào được làm bằng một loại châu báu, thì cành lá hoa quả của chúng cũng đều bằng một loại châu báu… Như vậy như nhau, cành cành chuẩn nhau, hoa hoa thuận nhau, quả quả giống nhau, cho đến đầy khắp thế giới, không thể nhìn hết.

Thọ Võng Tuyên Âm

Tiểu bổn kinh nói: Nước Phật ấy mỗi khi gió nhẹ thổi qua các hàng cây báu và lưới báu, liền phát ra những âm thanh vi diệu, giống như trăm ngàn loại nhạc cụ đồng nổi lên một lần. Bất cứ ai nghe âm thanh ấy cũng đều sanh tâm niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng một cách tự nhiên.

Đức Thuỷ Hương Hoa

Đại bổn kinh nói: Sanh lên nước Cực Lạc, nếu vào tắm trong ao thất bảo, ý muốn nước không ngập chân, nước liền không ngập chân; muốn đến ngang gối, ngang lưng, ngang cổ, nước cũng đến ngang gối, ngang lưng, ngang cổ. Điều hoà ấm lạnh, không có ý muốn nào là không được đáp ứng. Khi tắm xong, mỗi người đều ngồi trong hoa sen, tự nhiên gió nhẹ thổi vào các hàng cây, các hàng cây phát ra tiếng nhạc; thổi vào bảo hoa, bảo hoa phát ra các mùi hương lạ, phảng phất quanh chư Bồ-tát, Thanh-văn. Sáng sủa đẹp đẽ hết tầm nhìn, hoa hương không đâu sánh. Thậm chí hoa tàn rụng xuống, gió liền thổi đi. Đại chúng ai muốn nghe pháp, nghe âm nhạc, thích ngửi hương hoa, đều được như ý.

Điểu Tuyên Kệ Tụng

Tiểu bổn kinh nói: Nước ấy thường có đủ các loài chim đủ màu kỳ lạ như: hạc trắng, chim khổng tước, chim anh vũ, chim xá-lợi, chim ca-lăng-tần-già, chim hai đầu. Các loài chim ấy ngày đêm sáu thời phát ra những âm thanh hoà nhã; những âm thanh ấy xiển dương các pháp ngũ căn, ngũ lực, thất bồ-đề-phần, bát thánh đạo phần. Các chúng sanh trên cõi Cực-lạc khi nghe âm thanh ấy rồi, tất cả đều niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng. Xá-lợi-phất! Thầy chớ bảo rằng những loài chim ấy là do tội báo mà sanh ra, vì sao? Vì nước Cực-lạc không có ba đường ác. Xá-lợi-phất, nước Cực-lạc ngay cả cái "tên" ba đường ác còn không có, huống hồ là ba đường ác làm sao có được. Các loài chim ấy, đều do Phật A-di-đà vì muốn tiếng pháp vang khắp mà hoá hiện ra.

Cảnh Tượng Thù Thắng

Đại bổn kinh nói: Chư thượng thiện nhân trong cõi Phật A-di-đà, thọ mạng đều vô số kiếp, đều thấy xa nghe khắp. Diện mạo đoan chánh đẹp đẽ, trí tuệ. Mỗi ý niệm, đều là đạo đức; nói năng, đều là chánh sự. Ái kính lẫn nhau, không có đố kỵ. Chư thượng thiện nhân trên đó đều biết đời trước của mình, tuy trải qua vạn kiếp, nhưng đều thông tỏ các kiếp một cách rõ ràng. Lại biết tất cả những việc trong ba đời của mười phương thế giới, lại biết tất

cả tâm niệm của chúng sanh trong vô số thế giới, lại biết những chúng sanh ấy kiếp nào được sanh làm người, được vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Đồ Ăn Uống Tự Nhiên

Đại bổn kinh nói: Trong cõi Phật A-di-đà, chúng sanh sanh lên trên đó, khi giờ ăn đến, ai muốn chén vàng, có chén vàng; ai muốn chén thuỷ tinh, có chén thuỷ tinh, cho đến ai muốn chén châu minh nguyệt, chén châu ma ni, đều được như ý, hiện ra trước mặt. Trong bát đầy thức ăn trăm vị, nhiều cũng không dư, ít cũng không thiếu. Ăn xong, chén bát tự nhiên biến mất, không phải rửa dọn. Có khi thấy sắc nghe hương, tự nhiên no đủ. Sự sung sướng ở cõi ấy, chỉ sau Niết-bàn.

Tuỳ Nghi Tu Tập

Đại bổn kinh nói: Nhân dân ở nước ấy, có người giảng kinh dưới đất, có người tụng kinh dưới đất, có người nghe kinh, tư đạo, toạ thiền dưới đất. Cũng có người giảng kinh trên không, có người tụng kinh trên không, có người nghe kinh, tư đạo, toạ thiền trên không. Do đó những người chưa đắc Tu-đà-hoàn, nhờ đây đắc Tu-đà-hoàn; những người chưa đắc Tư-đà-hàm, nhờ đây đắc Tư-đà-hàm; cho đến những người chưa đắc A-la-hán, và bất thối chuyển Bồ-tát, nhờ đây mà đắc A-la-hán, và bất thối chuyển Bồ-tát.

Âm Dung Tướng Mạo

Phật hỏi A-nan: Nếu một người ăn mày, đứng cạnh một đế vương, thì hình tướng dung nghi có giống nhau không? A-nan trả lời: Người ăn mày ốm o xấu xí, làm sao sánh với đế vương được. Phật nói: Đế vương tuy quý, nhưng so sánh với Chuyển Luân Thánh Vương, thì cũng như người ăn mày vậy. Chuyển Luân Thánh Vương, chỉ làm vua của bốn châu thiên hạ, so với Đao Lợi Thiên Vương, thua trăm ngàn vạn lần; Đao Lợi Thiên Vương so với Đệ Lục Thiên Vương, thua trăm ngàn vạn lần; Đệ Lục Thiên Vương so với chư Bồ-tát, Thanh-văn, chư thượng thiện nhân, thua trăm ngàn vạn lần.

Tác Quán Kiến Phật

“Thập Lục Quán Kinh” ghi hoàng hậu Vi-đề-hi vợ vua Tần-bà-sa-la, vì con trai là A-xà-thế giết cha chiếm ngôi, không muốn sống ở thế giới Ta-bà xấu ác này nữa, cầu sanh cõi Phật thanh tịnh ở phương Tây. Phật dạy tu pháp Thập Lục Quán. Đến quán thứ 7, liền thấy hồ báu lưu li của Tây phương hiện ra, thấy Phật A-di-đà tướng hảo quang minh, đứng trong hư không, Quan Âm hầu bên trái, Thế Chí hầu bên phải. Thế Tôn bèn thọ ký cho Vi-đề-hi và 500 thị nữ, đều được vãng sanh Tịnh độ. Đây là dùng pháp quán tưởng để vãng sanh. Nhưng Phật bảo Vi-đề-hi: Ngươi là phàm phu, tâm tưởng yếu liệt, Như Lai có phương tiện khác dạy ngươi, vẫn được vãng sanh. Cho nên đại sư Liên Trì nói: Pháp quán thâm huyền, nên niệm Phật dễ hơn.

Xưng Danh Kiến Phật

Thế Tôn nói Đại “A-di-đà Kinh”, nói đủ các thứ trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Bảo A-nan rằng: “Ngươi đứng dậy chỉnh tề y áo, chắp tay cung

kính, hướng về phía Tây đảnh lễ Phật A-di-đà". A-nan y giáo phụng hành, bạch Phật rằng: "Mong thấy Phật A-di-đà, và thế giới Cực Lạc, cùng đại chúng Bồ-tát Thanh-văn". Nói như vậy xong, Phật A-di-đà, liền phóng đại quang minh, chiếu khắp các thế giới. Lúc ấy, A-nan thấy Phật A-di-đà, dung mạo sừng sững, như núi hoàng kim. Bốn chúng lúc đó, cũng đều thấy Phật, và thấy tất cả sự trang nghiêm của quốc độ. Lúc bấy giờ người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm biết nói, người què biết đi, địa ngục ngạ quỷ đều được an lạc, nhạc khí của cõi trời, không đánh mà vang.

Trì Danh Vãng Sanh

"Kinh A-di-đà" nói: Này Xá-lợi-phất, thiện nam tín nữ nào nghe nói về Phật A-di-đà liền niệm danh hiệu từ một ngày, hai ngày… cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn, thì người ấy khi mạng chung, được Phật A-di-đà và chư Bồ-tát hiện ra trước mặt. Người ấy khi chết tâm không điên đảo, liền được vãng sanh về nước Cực-lạc của Phật A-di-đà. Này Xá-lợi-phất, vì thấy lợi ích ấy nên ta mới nói lời này. Nếu có người nào khi nghe lời ấy, nên phát nguyện vãng sanh về nước Cực-lạc.

Lời bàn: đoạn này là yếu chỉ của kinh, trọng nơi chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn.

Vãng Sanh Không Phải Là Chuyện Dễ

Phật bảo Xá-lợi-phất: Không thể có chút ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh lên nước ấy.

Lời bàn: Trên nói: Ai có lòng tin, hãy nên phát nguyện. Cho nên "tin" việc chính yếu của nhập môn. Nếu không tin, thì không thể niệm Phật; không thể niệm Phật, chính là không có thiện căn, không có phước đức, không có nhân duyên. Pháp môn cam lộ như vậy, mà mình lại vô phần, chẳng phải là đáng tiếc lắm sao? Tôi thường tụng kinh đến đây, bất giác rùng mình, sởn tóc gáy, có lúc khóc như mưa. Rồi lại nhanh chóng tự an ủi rằng: Chỉ lo không muốn vãng sanh mà thôi, nếu tin thật có A-di-đà Phật, chính là thiện căn của ta; nếu phát được tâm Bồ-đề, chính là phước đức của ta; nếu niệm được danh hiệu Phật, chính là nhân duyên của ta, có lý nào không vãng sanh? Kinh Pháp Hoa nói: "Tâm sanh đại hoan hỷ, tự biết sẽ thành Phật".

Dặn Dò Cuối Cùng

Này Xá-lợi-phất, nếu những ai đó đã phát nguyện, đang phát nguyện và sẽ phát nguyện muốn sanh lên nước của Phật A-di-đà, thì những người ấy đều được vô thượng chánh đẳng chánh giác không còn thối chuyển, hoặc là đã sanh, hoặc là đang sanh, hoặc là sẽ sanh nơi nước Phật ấy. Cho nên Xá-lợi-phất, các ngươi hãy nên tin lời ta nói, và lời chư Phật nói.

Lời bàn: Người ta ở trong ba cõi, như ở trong thành bị bao vây. Gấp tìm đường ra, mới có thể thoát. Rồi may mắn mở được một lối, có thể về thẳng quê cũ, cơ duyên đâu thể để lỡ? Pháp môn Tịnh độ, chính là con đường ra khỏi thành bị bao vây, về thẳng quê cũ. Đức Thích-ca, đại từ đại bi, thương

xót những người bị vây, ắt sẽ bị hại, cho nên mở ra con đường thẳng tắt này, gọi người ra nhanh. Đoạn kinh này, là lời dặn dò cuối cùng, không chỉ dạy người tin chắc vào lời của chính Như Lai, mà còn tin vào lời của mười phương chư Phật, tâm bi quả là thâm thiết! Chúng ta thân mang ân lớn, không cách gì báo đáp, chỉ có như lời dạy mà tu hành, lập hoằng thệ nguyện, cầu sanh Tịnh độ mà thôi.

Pháp Môn Tu Trì

Mỗi sáng: Thay nước thắp hương, chắp tay hướng về phía tây (nếu có tượng Phật, thì hướng về tượng), chí tâm phụng vì tứ ân tam hữu pháp giới chúng sanh, đảnh lễ.

Nam mô Ta Bà Thế Giới Tam Giới Đạo Sư Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lạy)

Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhất Thiết Chư Phật (1 lạy)

Nam Mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhất Thiết Tôn Pháp (1 lạy)

Nam mô Thập Phương Tận Hư Không Giới Nhất Thiết Hiền Thánh Tăng (1 lạy)

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A-di-đà Phật (1 lạy)

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy)

Nam Mô Đại Thế Chí Bồ-tát (1 lạy)

Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát (1 lạy)

Bồ-tát Tứ Hoằng Thệ Nguyện

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ (1 lạy), phiền não vô tận thệ nguyện đoạn (1 lạy), pháp môn vô lượng thệ nguyện học (1 lạy), Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành (1 lạy). Lạy xong, tụng kinh A-di-đà, trì tụng hay trì chú hằng ngày, ít nhiều cũng được, chỉ cần chí tâm trì tụng. Tụng xong, hồi hướng Tây Phương. Tạm dừng, tức nhất tâm niệm Phật.

Niệm Phật Khởi Chỉ Nghi

A-di-đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẳng luân, bạch hào uyển chuyển ngũ tu di, hám mục trừng thanh tứ đại hải,. quang trung hoá Phật vô số ức, hoá Bồ-tát chúng diệc vô biên, tứ thập bát nguyện độ chúng sanh, cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn. Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A-di-đà Phật.

Tuỳ ý niệm lục tự hồng danh (nam mô A-di-đà Phật), hoặc tứ tự (A-di-đà Phật), niệm bao nhiêu tuỳ ý. Niệm xong, niệm danh hiệu Bồ-tát Quan Âm, Thế Chí, rồi hồi hướng.

Nếu thời khoá mỗi ngày, niệm đến mấy vạn danh hiệu, nên phân ra làm nhiều thời. Mỗi thời khoá, hồi hướng một lần. Văn hồi hướng, có sơ lược, có kỹ càng. Kỹ càng, theo bài hồi hướng của Vân Thê; sơ lược, theo bài hồi hướng của Từ Vân Sám Chủ. Giản lược nhất, tức 16 câu cuối kinh.

Pháp Môn Thập Niệm (cho người bận rộn)

Mỗi sáng sớm, thay nước thắp hương, chắp tay hướng về phía tây, chí tâm đảnh lễ:

Nam mô bổn sư thích ca mâu ni Phật (1 lạy)

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A-di-đà Phật (1 lạy)

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ-tát (1 lạy)

Nam Mô Đại Thế Chí Bồ-tát (1 lạy)

Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát (1 lạy)

Chắp tay hướng về phía Tây, chí tâm niệm sáu chữ "nam mô A-di-đà Phật". Hết một hơi, là một niệm, 10 hơi như vậy, là 10 niệm. Tuỳ hơi dài ngắn, không hạn lượng bao nhiêu danh hiệu, lấy hết hơi làm hạn độ, niệm không cao không thấp, không chậm không nhanh, mười hơi nối liền, khiến tâm định tĩnh. Chuyên tinh làm công phu, cái gọi là thập niệm, chính là mượn hơi mà buộc tâm vậy. Niệm thập niệm này xong, niệm 16 câu kệ hồi hướng:

Con nay xưng niệm A-di-đà,
Danh hiệu Phật công đức chân thật,
Xin nguyện từ bi thương nhiếp thọ,
Chứng biết sám hối và sở nguyện.
Con xưa đã tạo bao ác nghiệp,
Đều do vô thỉ tham sân si,
Từ thân miệng ý phát sanh ra,
Tất cả con nay đều sám hối.
Mong cho con khi mạng sắp chung,
Trừ hết tất cả các chướng ngại,
Mắt thấy đức Phật A-di-đà,
Liền được vãng sanh nước an lạc.
Con đã vãng sanh nước ấy rồi,
Hiện tiền thành tựu nguyện lớn này,
Nguyện khắp các chúng sanh trôi hụp,
Nhanh về cõi Phật vô lượng thọ.

Pháp Môn Báo Ân

Người tu Tịnh độ, quán tưởng ta đời nay, chịu ơn lớn nhất, không ai qua cha mẹ. Từ mười tháng mang thai, ba năm bú mớm, cho đến nuôi dưỡng dạy dỗ, ân này đức này, làm sao có thể báo đáp? Lại nghĩ ta từ vô lượng kiếp đến nay, trải qua số lần thác sanh, không thể cùng tận. Thì ân cha mẹ chưa báo đáp, cũng không thể cùng tận. Cha mẹ của vô lượng kiếp này, hiện tại có người đang ở trong địa ngục, chịu khổ nấu chiên cắt xé; có người đang ở trong ngạ quỷ, chịu khổ lửa đói thiêu thân; có người đang ở trong súc sanh, chịu khổ mang nặng kéo, cày. Nếu ta không tin điều này, thì giống như gà mẹ bị giết, mà gà con không tin. Nếu ta không nghĩ đến cứu độ, giống như gà

con tuy thấy mẹ bị giết, nhưng không biết làm sao để cứu. Nói đến đây, liền khóc ròng, dập đầu, phát tâm Bồ-đề thế cho cha mẹ nhiều đời, và quyến thuộc, ân sư, chí tâm xưng niệm thánh hiệu Phật A-di-đà. Mỗi mỗi niệm khỏi được trọng tội sanh tử 80 ức kiếp, đợi sau khi ta vãng sanh, trở lại Ta-bà, rồi độ thoát hết.

Pháp Môn Trợ Duyên

Người tu Tịnh độ, mỗi sáng sớm, quán tưởng trong cõi Diêm-phù-đề, cho đến đại thiên thế giới, những loài heo dê gà vịt chim chóc cá tôm bị giết, mỗi ngày không biết bao nhiêu mà tính. Xác có thể chất cao hơn núi; máu có thể nhiều hơn nước biển. Những loài này, chỉ vì đời trước tạo nghiệp, không biết có Tây phương, nên chịu khổ luân hồi. Ta phải thay chúng phát tâm Bồ-đề, chí tâm xưng niệm thánh hiệu Phật A-di-đà. Mỗi mỗi niệm khỏi được trọng tội sanh tử 80 ức kiếp, đợi sau khi ta vãng sanh, trở lại Ta-bà, rồi độ thoát hết. Lại quán tưởng trong cõi Diêm-phù-đề, cho đến đại thiên thế giới, tất cả ngạ quỷ, bị đói khát bức bách, cổ họng phát ra lửa, chịu vô lượng khổ. Lại nghĩ đến trong tám địa ngục lạnh, địa ngục nóng lớn nhỏ, chém đốt giã xay, một ngày một đêm sống chết muôn lần, chịu vô lượng khổ. Chỉ vì đời trước tạo nghiệp, không biết có Tây phương, nên chịu khổ luân hồi. Ta phải thay chúng phát tâm Bồ-đề, chí tâm xưng niệm thánh hiệu Phật A-di-đà. Mỗi mỗi niệm khỏi được trọng tội sanh tử 80 ức kiếp, đợi sau khi ta vãng sanh, trở lại Ta-bà, rồi độ thoát hết.

Lại người tu Tịnh độ, trong ngày, tuỳ sức làm việc bố thí, tạo tượng, phóng sanh. Được chút phước nào, đều hồi hướng hết cho chúng sanh chịu khổ trong mười phương, vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Nghi Vấn Chỉ Nam

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tin là nguồn của đạo, là mẹ của các công đức, nuôi lớn tất cả căn lành”. Cho nên tám vạn bốn ngàn pháp môn, đều từ niềm tin mà vào. Nếu không có niềm tin, thì cũng như hạt giống thúi, không thuốc gì có thể chữa. Huống hồ niệm Phật vãng sanh, càng là pháp khó tin. Những trưởng lão thiền tông xưa, cho đến những đại nho học rộng, đều có những câu vấn đáp xiển dương Tịnh nghiệp. Như “Tịnh Độ Thập Nghi Luận” của Thiên Thai Trí giả, “Tịnh Độ Hoặc Vấn” của Thiên Như lão nhân, “Tịnh Độ Quyết Nghi Tập” của Vương Thị Lang, “Tây Phương Hiệp Luận” của Viên Trung Lang. Ngoài ra còn có những bài lẻ ngắn, không thể đọc hết, tất cả đều muốn cho mọi người kiên cố niềm tin, cùng về Cực Lạc. Ở đây đặc biệt góp nhặt tất cả các sách, toát yếu những điểm chính của chúng, thêm một chút cái thấy của mình, bù vào những chỗ còn thiếu sót, đặt tên “Nghi Vấn Chỉ Nam”.

Câu hỏi 1:

Hỏi: Chư Phật Bồ-tát, lấy đại bi làm gốc. Nếu muốn cứu độ chúng sanh, thì phải nguyện sanh vào ba cõi, tam đồ ác đạo, ngũ trược ác thế, sao lại cầu

sanh Tịnh độ, chỉ vì tự lợi, bỏ mặc chúng sanh, há chẳng phải thiếu đại từ bi, chướng ngại đạo Bồ-tát sao?

Trả lời: Bồ-tát có hai loại: 1. Bồ-tát tu hành lâu, đã từng thân cận chư Phật, chứng đắc vô sanh pháp nhẫn. 2. Bồ-tát mới phát tâm, chưa từng thân cận chư Phật, chưa được vô sanh pháp nhẫn. Bồ-tát tu hành lâu có thần thông lớn, có oai lực lớn, nên có thể ra vào sanh tử, từ trời người quỷ thần súc sanh, quảng độ chúng sanh. Nếu người mới tu hành, sức còn yếu, tuy phát tâm Bồ-đề, nhưng còn ở trong địa vị phàm phu, mình còn chưa cứu được mình, làm sao cứu được người khác? Cho nên "Đại Trí Độ Luận" nói: Phàm phu đang bị trói buột mà nguyện sanh vào đời ác trược để cứu độ chúng sanh, là chuyện không thể có. Vì sao? Vì trong cõi ngũ trược, danh lợi sắc thanh luôn quấy rầy; phiền não oan gia luôn vây kín. Một bước sai, là sa đường dữ. Cho dù có sanh được làm người, khó gặp Phật xuất thế; dù gặp Phật xuất thế, cũng khó sanh khởi niềm tin. Nếu may mắn có niềm tin Phật, xuất gia tu hành, đời sau được giàu sang phú quý, khó tránh khỏi đắm trước duyên trần, rộng tạo ác nghiệp. Từ đó một khi mất thân người, đến lúc nào mới được giải thoát? Cho nên người có trí tuệ, muốn độ sanh, trước cầu thấy Phật, nếu được nhất tâm bất loạn, được thân kim cang bất hoại, rồi có thể tuỳ nguyện độ sanh. Như cứu người chết đuối, phải biết bơi, mới cứu được người, không khéo chết chìm theo, thì oan uổng lắm. Không phải là thiếu từ bi, mà chính là khéo dùng từ bi ấy vậy.

Câu hỏi 2:

Hỏi: Thể các pháp là không, xưa nay không sanh, bình đẳng tịch diệt, sao lại bỏ đây cầu kia, muốn sanh Tây Phương? Kinh nói: "Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh". Muốn cầu về Tịnh độ, trước phải tịnh tâm. Sao lại không cầu tịnh tâm, mà cầu về Tịnh độ?

Trả lời: Người muốn sanh Tây Phương, gọi bỏ đây mà cầu kia; còn người không muốn sanh Tây Phương, há không phải bỏ kia mà cầu đây sao? Nếu nói đây kia đều không cầu, là chấp đoạn; nếu bảo đây kia đều không bỏ, là chấp thường. Kinh Duy Ma nói: "Tuy biết các cõi Phật và chúng sanh đều không, nhưng vẫn thường tu Tịnh độ để giáo hoá chúng sanh". Cho nên tuy vãng sanh rõ ràng, nhưng không chướng ngại lý vô sanh. Còn về thuyết "tâm tịnh Phật độ tịnh", có lý có sự. Về lý, chẳng lẽ người cầu sanh Tịnh độ tâm không tịnh, ngược lại người không cầu sanh Tịnh độ tâm tịnh sao? Về sự, tâm tịnh ở cõi ngũ trược, sao bằng tâm tịnh ở cõi Cực Lạc? Huống chi người ở cõi ngũ trược cầu tịnh mà không tịnh, còn người ở Cực Lạc không cầu tịnh mà tự tịnh?

Câu hỏi 3:

Hỏi: Các cõi Phật mười phương, công đức như nhau, sao không niệm hết tất cả công đức, sanh tất cả cõi Phật, mà chỉ cầu sanh một cõi Phật?

Trả lời: Tịnh độ chư Phật, cố nhiên là như nhau. Nhưng vì chúng sanh phần nhiều căn tánh chậm lụt, tán loạn. Nếu không chuyên tâm một chỗ, Tam-mội khó thành. Nên chuyên niệm Phật A-di-đà, tức là Nhất tướng Tam-muội. Kinh Tuỳ Nguyện Vãng Sanh nói: “Bồ-tát Phổ Quảng hỏi Phật: Mười phương đều có Tịnh độ, vì sao Thế Tôn chỉ khen Tịnh độ của Phật A-di-đà ở phương Tây, khuyên nên sanh về nước ấy? Phật bảo Phổ Quảng: Chúng sanh của cõi Diêm-phù-đề, tâm phần nhiều tán loạn, vì thế chỉ khen cõi Phật ở phương Tây, khiến các chúng sanh, chuyên tâm một cảnh, dễ được vãng sanh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thân tất cả chư Phật, tức là thân một Phật. Thí như trăng sáng đầy, chiếu tất cả dòng nước”. Nên biết niệm danh hiệu của một đức Phật, tức là niệm tất cả Phật. Sanh về một Tịnh độ, không khác sanh tất cả Tịnh độ.

Câu hỏi 4:

Hỏi: Cõi Phật mười phương, vô lượng vô biên, niệm một Phật nào đó, đều được vãng sanh, vì sao chỉ niệm Phật A-di-đà?

Trả lời: Có ba nhân duyên: 1. Phật A-di-đà, có duyên với thế giới Ta-bà. Vô lượng kiếp về trước, phát 48 đại thệ nguyện, đều muốn tiếp dẫn những chúng sanh niệm Phật. Nay nhân loại ở thế giới Ta-bà, miệng tin niệm Phật, ắt xưng niệm A-di-đà. Chúng sanh tương lai phước mỏng, khi pháp sắp diệt, các kinh đều mất hết, chỉ có kinh A-di-đà lưu lại thế gian 100 năm, chẳng phải là một bằng chứng sao? 2. Do Phật Thích-ca Mâu-ni chỉ thị. Tam tạng 12 bộ kinh, quá rộng lớn, chỉ có pháp môn trì danh, niệm Phật A-di-đà, không niệm Phật nào khác. Nếu chẳng phải rất ư thiết yếu, sao Phật căn dặn nhiều lần? 3. Vì mười phương đều chứng minh. Bởi pháp môn Tịnh độ, là pháp khó tin, nên Thế tôn mỗi khi nói đến Phật A-di-đà, là có mười phương chư Phật cùng chứng minh, để người nghe không thể không tin. Vậy thì người tu Tịnh độ, làm sao có thể không chuyên niệm Phật A-di-đà?

Câu hỏi 5:

Hỏi: Phàm phu, phước mỏng nghiệp dày, làm sao niệm Phật mà được vãng sanh, trong khi Tây phương siêu xuất tam giới, vượt hơn Thiên đế, Thiên tiên trăm ngàn vạn ức hằng hà sa lần?

Trả lời: Đây nhờ sức của Phật A-di-đà, chẳng phải nhờ sức mình. Thí như người què, cả ngày đi không được mấy dặm, nhưng nếu cỡi voi báu của vua Chuyển Luân, thì một chốc có thể đi khắp bốn châu thiên hạ. Lại như học trò nghèo, muốn thân cận đế vương, nếu từ châu huyện ứng thí, mong đăng khoa giáp, làm quan cao, thanh danh lớn, thì khó mà chưa chắc. Nếu được thác thai sanh làm vương tử, thì không đầy một tháng, đã ở chung nhà với đế vương. Người vãng sanh nhờ vào Phật lực, cũng lại như vậy. Người tu nếu không cầu sanh Tịnh độ, chỉ tu hành trong cõi ác thế ngũ trược, thì sáng ra chiều lại vào, không biết trải qua bao nhiêu kiếp, còn không thể thành một A-la-hán, huống hồ lên địa vị Bồ-tát! Nếu tu pháp môn Tịnh độ, chỉ cần tinh tấn

tu trì, nhất tâm bất loạn, hiện đời liền được vãng sanh, vào ngôi bất thoái, mãi đến thành Phật, rất là thẳng tắt. Thí như con sâu trong thân cây tre, muốn ra bằng đường thẳng (thụ xuất), thì phải cắn từng đốt tre, vất vã biết bao. Nếu cắn vào thành tre (hoành xuất), liền ra được ngay, rất dễ. Cho nên người tu Tịnh độ, gọi là hoành xuất tam giới.

Câu hỏi 6:

Hỏi: Trong chín phẩm, ba phẩm dưới, phần nhiều là người ác, chỉ nhờ khi lâm chung niệm Phật, nên được vãng sanh. Nhỡ đã sanh lên nước ấy, mà vẫn còn tà kiến ba độc tham sân si, làm sao?

Trả lời: Chỉ lo không được vãng sanh, không lo vãng sanh rồi còn ác. Vì sao? Có năm nhân duyên: 1. Nhờ nguyện lực của Phật A-di-đà; 2. sở cầu như ý, không có gì để tham cầu nữa; 3. Chim hót gió reo, đều tuyên dương diệu pháp; 4. Thuần lấy Bồ-tát làm bạn, không còn duyên ác; 5. Thọ mạng lâu dài, lịch kiếp tu hành. Cho nên hễ đã vãng sanh, là thẳng đến thành Phật, vĩnh viễn không còn thoái chuyển, chắc chắn là có nguyên do.

Câu hỏi 7:

Hỏi: Người thành Phật kế tiếp sau Phật Thích-ca, là đức Di-lặc, hiện tại đang thuyết pháp trên cung trời Đâu-suất, người nào tu thượng phẩm Thập Thiện có thể được sanh lên nước ấy. Sao không vãng sanh lên cung trời Đâu-suất, thân cận đức Di-lặc, sau này khi ngài hạ sanh thành Phật, có thể theo ngài xuống trần?

Trả lời: Thượng phẩm Thập Thiện, cố nhiên là được sanh thiên, nhưng sanh Đâu-suất thiên, thì e chưa chắc. Chưa đọc kinh "Di Lặc Thượng Sanh" sao? Kinh nói: "Thực hành các Tam-muội, vào sâu chánh định, mới được sanh Đâu-suất thiên". Thử hỏi người tu Thập Thiên có khả năng không? Nếu tu niệm Phật, chỉ niệm danh hiệu, không ai là không được nhiếp thọ, thì so với người rộng tu Thập Thiện, dễ hơn nhiều. Huống nữa cung trời Đâu-suất, nhiều thiên nữ, thiên tử còn đắm nhiễm, huống hồ phàm phu. Tát Giá Ni Kiền Tử Kinh nói: "Chư thiên bị trói buộc, không gì qua nữ sắc; người nữ trói chư thiên, dẫn vào ba nẽo ác". So với Tây Phương, vạn không bằng một, huống nữa dù gặp Di Lặc, chưa được thánh quả, còn sanh Tây phương, vĩnh viễn không còn thoái chuyển?

Câu hỏi 8:

Hỏi: Phàm phu nhiều đời, tạo biết bao ác nghiệp, lâm chung mười niệm, làm sao liền được vãng sanh?

Trả lời: Người đời nay tạo nghiệp, lâm chung mười niệm vãng sanh, chắc chắn đời trước tu hành, chẳng qua đời này bị mê mờ mà thôi. Nếu không khi lâm chung, ác duyên ắt đến, làm sao có thể gặp được thiện tri thức, dạy họ niệm Phật? Cho dù có dạy họ niệm Phật, chưa chắc họ đã tin theo. Đây lại khi niệm Phật, người ta hoàn toàn giác ngộ, tha thiết hối lỗi lầm xưa, lòng đại sợ hãi, vạn duyên đều bỏ, chỉ một con đường Tây phương, không đi

con đường nào khác. Niệm Phật như thế, tuy là một câu, cũng đáng ngàn lời, cho nên kinh Thập Lục Quán nói: "Một câu niệm Phật diệt 80 ức kiếp tội sanh tử", quả thật có thể chứng minh cho tinh thần này, lại thêm phước nghiệp đời trước, Phật đến tiếp dẫn, còn nghi gì nữa!

Câu hỏi 9:

Hỏi: Cõi Cực Lạc, cách thế giới Ta-bà tới 10 vạn cõi Phật. Xa xôi như vậy, phàm phu chẳng nhẽ đến được liền? Lại nghe nói người nữ, những người thiếu căn, và hàng nhị thừa đều không được vãng sanh, có phải không?

Trả lời: Đường xa khó tới, là tướng; một niệm tới được, là tâm. Người niệm Phật sanh lên nước Phật, chỉ ở tâm này, chớ không phải vãng sanh bằng hình hài này. Như người nằm mộng đến các nước khác, tuy ở xa ngàn vạn dặm, nhưng vừa gọi liền tỉnh, há vì đường gần dễ giác, đường xa khó giác sao? Người nữ và người thiếu căn không sanh, có nghĩa nước Cực Lạc không có người nữ và người thiếu căn, chớ chẳng phải người nữ và người thiếu căn không được vãng sanh. Nếu người nữ không được vãng sanh, thì Vi-đề-hi và 500 thị nữ, vì sao Thế tôn thọ ký được vãng sanh hết? Trong 48 lời nguyện của kinh Vô Lượng Thọ, có một nguyện rằng: "Khi tôi thành Phật, thì hết thảy người nữ trong vô lượng vô số thế giới trong mười phương, nghe danh hiệu tôi, tin ưa, phát tâm bồ-đề chán ghét thân nữ, sau khi mạng chung không còn trở lại làm thân nữ, không được như thế tôi không thành Phật". Người nữ như thế, người thiếu căn cũng thế. Ngay cả chim sáo, anh vũ niệm Phật còn được vãng sanh, chẳng nhẽ người thiếu căn, ngược lại không bằng loài vật? Còn về hàng nhị thừa, là người có quả vị, phàm phu còn được vãng sanh, lẽ nào có lý loại bỏ nhị thừa? Kinh A-di-đà nói: "Phật ấy có vô lượng đệ tử Thanh-văn, đều là A-la-hán". Là nhị thừa hết đó. Cho nên bảo sanh lên nước ấy, không có chấp tâm nhị thừa, đó chính là nhị thừa không sanh; nếu nói, hàng nhị thừa không được vãng sanh, thì không đúng.

Câu hỏi 10:

Hỏi: Nay muốn quyết định cầu sanh Tây phương, không biết làm công hạnh gì, phát tâm như thế nào, mới được sanh lên nước ấy? Lại người đời, đều có vợ con, không biết không đoạn dâm dục, có được vãng sanh không?

Trả lời: Người muốn quyết định sanh Tây phương, ngoài trì danh, đủ hai loại niệm lực, ắt được vãng sanh. Một là phải sanh khởi ý niệm chán lìa cõi trược, hai là phải phát khởi ý niệm vui thích Tịnh độ. Lại phải phát tâm Bồ-đề, tuỳ sức làm lành hồi hướng Tây phương. Còn về duyên vợ con, ở đời cũng không chướng ngại gì, chỉ cần làm cho họ cùng được nếm pháp vị, đoạn dứt nhân ác. Gọi là chán lìa cõi trược, là trong cõi trược ác, động chút là phiền não. Người đời chỉ vì hai chữ "cơm áo" mà khốn khổ một đời, vì hai đường "danh lợi" mà bôn ba cả kiếp, tay chân lúng túng, cam chịu vợ con làm gia nô. Ngày nghĩ đêm mơ, luôn vì sắc thân tìm phiền não. Tự quán tưởng cái thân một thước mấy này, bên ngoài chỉ vì một lớp da, mà vọng thấy

mình oách; nếu dùng thiên nhãn mà nhìn, bên trong đầy những phẫn uế, máu mủ hôi thối mà thôi. Cho nên kinh Niết-bàn nói: “Cái thân thịt ấy, la-sát ngu si, ẩn cư trong đó”. Có người có trí nào mà lại ham cái thân này? Gọi là vui thích Tịnh độ, vì là niềm vui ở cõi Cực Lạc, thiên cung cũng không thể so sánh, không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả. Hằng ngày chỉ cần làm theo lời trong kinh dạy, cảm giác ta tương lai nhất định đến đó, thì ý niệm vui thích tự nhiên sanh, duyên Tịnh độ tự thành thục. Thế nào là phát tâm Bồ-đề? Vãng Sanh Luận nói: “Tâm Bồ-đề, là tâm thệ nguyện thành Phật. Người thệ nguyện thành Phật, thương xót tất cả chúng sanh luân hồi trong sáu nẻo, chịu khổ không cùng, do đó phát tâm cứu độ, khiến họ ra khỏi ba cõi, cùng về Cực Lạc”. Người niệm Phật, nếu đủ hai niệm lực này, lại thêm phát tâm Bồ-đề, hợp ý độ người của Phật, mà không quyết định vãng sanh, mong Phật thọ ký, là không thể có.

Luận Mười Câu Hỏi Trên

Có người hỏi Thiên Như lão nhân: Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ, được suy tôn bậc thầy trong nước, mà tự tu Tịnh độ, lại dạy người rằng: “Có thiền không Tịnh độ, mười người lạc hết chín; không thiền có Tịnh độ, vạn tu vạn người chứng”, phải chăng quá khen Tịnh độ không?

Trả lời: Đại sư Vĩnh Minh không quá khen Tịnh độ đâu. Pháp môn Tịnh độ, tối quảng đại; pháp tu Tịnh độ, tối giản dị. Quảng đại là, tất cả căn cơ, đều thâu nhiếp hết. Trên từ Bồ-tát Đẳng giác, dưới đến kẻ ngu, ngũ nghịch thập ác, lâm chung niệm Phật hối lỗi, không ai không được vãng sanh. Giản dị là, dễ hành trì, chỉ cần sáu chữ hồng danh “Nam mô A-di-đà Phật”, liền được vãng sanh, được bất thối chuyển, mãi đến thành Phật. Thử hỏi tu hành xuất thế, có pháp môn nào thẳng tắt như pháp môn này không?

Hỏi: Quảng đại giản dị, đã biết rồi. Nhưng ngài Ngộ Đạt, đã gọi là thấy tánh thành Phật, cần gì lại phải cầu sanh Tịnh độ? Vì ngộ đạt, nên nguyện cầu sanh, còn anh chưa ngộ. Nếu anh đã ngộ, thì ý nguyện cầu sanh, vạn con trâu cũng khó kéo lại. Lại nữa một khi anh đã ngộ, thì tập khí cũ đã trừ, các lậu đã hết, những oán đối vô lượng kiếp không còn, còn thọ hậu hữu sao? Hay là còn tập nghiệp chưa trừ, không tránh khỏi tội nặng chịu nhẹ? Hay là một khi giác ngộ, liền đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, hàng phục thiên ma cứu độ thập phương thế giới sao? Hay là oai lực thần thông, nhất thời còn chưa đủ, phải đợi đời sau? Nếu bảo vừa ngộ liền tiêu hết tập nghiệp, mọi sự đều xong, thì chư đại Bồ-tát rộng tu lục độ, trải qua bao kiếp, chắc là thua anh! Kinh Quán Phật Tam Muội, ghi Bồ-tát Văn Thù, tự thuật túc nhân, bảo đắc niệm Phật Tam-muội, Thế tôn thọ ký rằng: “Ông nên vãng sanh thế giới Cực Lạc”. Kinh Hoa Nghiêm, ghi Bồ-tát Phổ Hiền, lấy Thập đại nguyện vương, dạy Thiện Tài Đồng tử, cũng cuối cùng khuyên về Cực Lạc. Trong kinh lăng Già, Thế Tôn thọ ký Long Thọ, cũng bảo vãng sanh Cực Lạc. Đến như kinh Đại Bảo Tích, Thế tôn ấn ký vua Tịnh Phạn và 7 vạn người trong dòng họ Thích, đồng

sanh Cực Lạc. Kinh Thập Lục Quán, chỉ thị Vi-đề-hy, và năm trăm thị nữ, đồng bái kiến Di-đà. Đến như ngài Viễn Công ở Lô Sơn, ngài Hiền Thủ của tông Thiên Thai, các bậc tôn túc, không ai là không tuyên dương tịnh nghiệp, cùng phát nguyện vãng sanh. Chẳng lẽ sở tu sở chứng của họ, thua người thời nay sao?

Hỏi: Tịnh độ nhiếp hết mọi căn cơ, quả là quảng đại. Nhưng cái gọi là Tịnh độ ấy, nằm ngoài mười vạn ức cõi Phật, so với thuyết duy tâm Tịnh độ, bổn tánh Di-đà, tợ hồ hữu vi (một cõi có tướng)?

Trả lời: Kinh Lăng Nghiêm nói: "Ngoài sắc thân, từ sơn hà đại địa hư không, đều là vật trong chân tâm diệu minh". Lại nói: "Các pháp đều do tâm hiện". Làm gì có cõi Phật ở ngoài tâm? Nên biết ngoài tâm không có quốc độ, ngoài quốc độ không có tâm; cái gọi là quốc độ nhiều như vi trần, chỉ là quốc độ trong tâm ta; chư Phật nhiều như cát sông Hằng, chỉ là Phật trong tâm ta. Biết được điều này, thì biết không một quốc độ nào không nương vào tâm ta mà có, không một Phật nào không nhờ tánh ta mà hiện. Vậy thì nước Cực Lạc ngoài mười vạn ức cõi Phật, chẳng lẽ không phải duy tâm Tịnh độ sao? Giáo chủ của nước Cực Lạc, chẳng lẽ không phải bổn tánh Di-đà sao?

Hỏi: Thuyết Tịnh độ, đại khái biểu thị pháp. Người trí phải trực ngộ thiền tông, mới là thượng sách. Nếu chỉ tán dương Tịnh độ, hẳn là chấp sự mà bỏ lý rồi!

Trả lời: Quy nguyên tánh vô nhị, phương tiện có nhiều môn. Biết được ý này, thì thiền tịnh, khác đường nhưng cùng một chỗ về. Đại sư Trung Phong nói: Thiền là thiền của Tịnh độ, Tịnh độ là Tịnh độ của thiền. Tuy xiển dương qua lại, nhưng người tu, cần phải một cửa vào sâu. Cho nên Bồ-tát Đại Thế Chí, đắc niệm Phật Tam-muội, mà nói lấy tâm niệm Phật, nhập vô sanh nhẫn. Bồ-tát Phổ Hiền, nhập Hoa Nghiêm Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới, mà nói: "Nguyện tôi khi lâm chung, vãng sanh nước Cực Lạc". Hai đại sĩ ấy, một hầu Phật Thích-ca, một hầu Phật Di-đà, đáng lẽ mỗi vị đều lập một biệt phái, nhưng lại hoà hội viên dung, cả hai không chướng ngại nhau, làm sao có thể còn chấp thiên kiến? Cái mà anh nói Tịnh độ biểu thị pháp, đâu không coi tịnh tâm tức là Tịnh độ, không còn có Tịnh độ được trang nghiêm bằng thất bảo nữa? Nếu đúng như thế, thì cũng có thể bảo thiện tâm là thiên đường, không cần có trời Dạ-ma, trời Đao-lợi nữa; ác tâm tức là địa ngục, không cần có ngục đao kiếm, ngục dầu sôi nữa; ngu si tức là súc sanh, không cần có mang lông đội sừng nữa. Vậy thì đã có Tịch quang Tịnh độ, ắt có Thật báo trang nghiêm Tịnh độ… huống hồ ngoài sự không lý, ngoài tướng không tánh, nhất định phải bỏ sự cầu lý, bỏ tướng tìm tánh, thì lý sự còn không thể vô ngại, làm sao có thể mong sự sự vô ngại? Lại nữa anh tuy đầy đủ tánh Phật, nhưng hiện tại còn là thân phàm phu, nếu quả có thể ở đâu cũng là Tịnh độ, thì thử hỏi ở trong nhà xí, anh có khả năng coi như ở trên chiếu không? Có khả năng ăn cùng máng với heo dê không? Có nằm chung ngủ chung được

với tử thi đầy ruồi nhặng, giòi bọ rúc rỉa không? Nếu được như thế, anh có thể nói “cao sơn bình địa thảy Tây phương, dù gặp tên đao thường an định” sao cũng được. Còn nếu chưa được như thế, thì là thấy uế tịnh chưa không, tâm yếu ghét còn đó, mà nói khoác, khiến cho những kẻ thiển kiến, đọc qua mấy cuốn kinh, xem qua mấy công án, liền huỷ báng pháp, thì là tội của ai?

Hỏi: Tu hành cầu ra khỏi sanh tử, nên quý ở vô sanh, vậy hâm mộ Tây phương nguyện về, hẳn là nương vào nghĩa của vô sanh?

Trả lời: Coi sanh làm sanh, là thường kiến; coi vô sanh là vô sanh, là đoạn kiến. Sanh mà vô sanh, vô sanh mà sanh, là đệ nhất nghĩa đế. Bởi tánh diệu chân như, vốn tự vô sanh, nhân duyên hoà hợp, mới có tướng sanh, do tánh có khả năng hiện tướng, nên gọi vô sanh tức sanh; tướng do tánh hiện, nên gọi sanh tức vô sanh. Biết thế liền biết sanh Tịnh độ, sanh bởi duy tâm. Nếu nghi ngờ xa khó tới, thì tâm bao thái hư, lượng khắp pháp giới, nào có xa gần?

Hỏi: Cõi Phật khắp mười phương, đều đẹp đẽ. Nay chỉ khuyên về Cực Lạc, lại chỉ khen ngợi cảnh giới Cực Lạc, là vì sao?

Trả lời: Những quốc độ này, còn có các khổ, dù có lạc, đều là những lạc đưa tới quả khổ. Tây phương không thế, cho nên kinh nói: “Các chúng sanh ấy, không có các khổ, chỉ hưởng niềm vui, nên gọi Cực Lạc”. Thử so sánh cõi này và Tịnh độ, đâu chỉ khác nhau trời vực. Như cõi này đầu thai, phải ở trong thai 10 tháng, khi sanh, quỷ đến bên cạnh hút tinh khí. Tịnh độ hoá sanh hoa sen, ở trong cung điện hương thơm vi diệu, đã không bị sự ô uế của bào thai, lại không phiền mẹ nuôi nấng. Cõi này tuổi già, tóc bạc da nhăn, lưng còng gối mỏi, đi đứng cần người. Tịnh độ pháp vị trợ thần, không có già yếu, mười phương cõi nước, chớp mắt đến nơi. Cõi này hễ mắc bệnh tật, là rên rĩ, kêu gào. Tịnh độ đủ đại thần thông, có đại oai lực, trong nước không nghe đến tiếng đau khổ. Cõi này sống ắt có chết, chết ắt có tội, chỉ có cúi đầu chịu trói, dắt đến Diêm la. Tịnh độ hễ sanh hoa sen, liền thành thân kim cang bất hoại, tướng hảo quang minh, thọ mạng vô lượng. Cõi này có hợp ắt có ly, cha mẹ nhọc nhằn, khó giữ sống lâu; vợ chồng ái ân, phần nhiều ly tán. Tịnh độ thì bạn pháp, vĩnh viễn thân nhau, lẽ nào có cái khổ ái biệt ly? Cõi này thù địch tìm nhau, có oán ắt báo, sợ hãi, nhưng không thể trốn thoát. Tịnh độ thì tương thân tương kính, đều là Bồ-tát làm bạn, nào có cái khổ oán tằng hội. Cõi này nhân loại, đều bôn ba vì cơm ăn áo mặc, vợ con sai khiến, khốn khổ vạn trạng. Tịnh độ nghĩ áo có áo, nghĩ ăn có ăn, vườn rừng nhà cửa, toàn bằng bảy báu, mỗi mỗi thọ dụng tự nhiên, nào có cái khổ cầu bất đắc. Không chỉ có thế, cõi này hình hài xấu xí, các căn khiếm khuyết. Tịnh độ thì ánh sáng chói lọi, tướng đẹp trang nghiêm. Cõi này thì ra rồi lại vào, luân hồi sáu nẽo. Tịnh độ thì hễ chứng vô sanh, không còn thoái chuyển. Cõi này thì gò nổng hầm hố, gai góc um tùm. Tịnh độ thì cây báu chọc trời, trải vàng làm đất. Lại cõi này thì Quan Âm, Thế Chí, chỉ bái vọng xa. Tịnh độ thì hai đại

Bồ-tát, đều là bạn tốt. So sánh Ta-bà Tịnh độ, cảnh duyên khác hẳn. Cảnh thù thắng, có thể nhiếp thủ tịnh tâm; duyên thù thắng, có thể trợ lực tu hành.

Hỏi: Tâm chán thích (chán Ta-bà thích Tịnh độ), tức niệm yêu ghét, yêu ghét chính là việc bên bờ sanh tử, người tu không nên có, làm thế nào?

Trả lời: Chán Ta-bà thích Tịnh độ, tuy cũng là tâm yêu ghét, nhưng chẳng phải là cái yêu ghét của thế gian, mà chính là cái yêu ghét chuyển phàm thành thánh của mười phương chư Phật. Nếu không chán lìa, làm sao ra khỏi Ta-bà ác trược này? Nếu không yêu thích, làm sao có thể sanh về Cực Lạc liên bang? Có chán lìa sau mới chuyển phàm, có yêu thích sau mới thành thánh.

Hỏi: ở thế gian này, ẩm thực y phục, nhà cửa chén bát, đều phải làm, rồi mới có dùng. Vì sao thế giới Cực Lạc, vừa nghĩ đến, mọi vật dụng tự nhiên hiện ra?

Trả lời: Việc hưởng phước, đều từ tu phước mà được. Bắc Cu Lô Châu, ẩm thực y phục của họ, đều có sẵn để thọ dụng, huống hồ cõi Phật A-di-đà, vạn phước trang nghiêm? Đại A-di-đà Kinh nói: "Những giảng đường cung thất này, không ai làm cả, cũng không từ đâu đến, do nguyện lớn đức trọng của Phật ấy, tự nhiên hoá sinh". Lại nói: "Những cõi Phật khác, đều làm thiện, không làm ác. Cho nên phước đức ở đó, cũng đều tự nhiên. Kế đến có những thế giới, người làm thiện nhiều, người làm ác ít, cũng có phước tự nhiên, không cần phải lao động làm ra vật phẩm. Còn thế giới này, làm ác quá nhiều, làm thiện quá ít, nên không làm, thì không có".

Hỏi: Người niệm Phật, khi lâm chung đều thấy Phật và Bồ-tát đến tiếp dẫn. Kinh nói: "Trì tụng chú Vãng Sanh 30 vạn biến, Phật A-di-đà thường ở trên đỉnh đầu, hộ vệ người ấy". Giả như mười phương thế giới, đều tụng chú Vãng Sanh hết, đều cầu Phật Bồ-tát đến tiếp dẫn, Phật A-di-đà làm sao có thể đều ở hết trên đỉnh đầu mọi người, đồng thời làm sao đến tiếp dẫn hết?

Trả lời: Ánh sáng mặt trời, còn có thể chiếu khắp thế giới, huống hồ thệ nguyện thần thông của Phật?

Hỏi: Trên hội Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền, hiện ra ngồi giữa đạo tràng, các Bồ-tát dùng hết thần lực, cũng không thấy được Bồ-tát Phổ Hiền. Nay người vãng sanh, đều phàm phu chay, làm sao có thể lập tức thấy Phật? Lại Phật mà phàm phu thấy, không khác Phật mà Bồ-tát thấy sao?

Trả lời: Tướng Phật vốn như vậy, nhưng mỗi hạng bậc thấy khác nhau. Người mới vãng sanh Tây phương, Phật mà họ thấy chỉ là Phật thô tướng (như 32 tướng 80 vẻ đẹp). Còn nếu như tướng "Như Lai có Thập Hoa Tạng Thế giới Hải Vi Trần Số Đại nhân Tướng" mà kinh Hoa Nghiêm nói, e rằng chẳng phải đại Bồ-tát, thì không thể thấy. Thí như vị cam lộ của trời, đựng trong mỗi loại bát, màu sắc mùi vị khác nhau. Lại như người có bệnh với người không bệnh, cùng ăn một vật, ngọt đắng khác hẳn. Cho nên quốc độ của Phật Thích-ca, vốn rất nghiêm tịnh, Loa Kế Phạm Vương, chỉ thấy như

cung trời Tự Tại, còn lại đều thấy đồi núi gò nỗng, đầy uế ác. Thấy Phật cũng như thế.

Hỏi: Ở đây niệm Phật, trên Tây phương trong ao thất bảo nở ra một đoá sen. Nếu tinh tấn, sen lớn dần; còn nếu giải đãi, hoa sẽ tàn rụng, có đáng tin không?

Trả lời: Điều này dễ hiểu. Thí như chiếc gương lớn, có vật gì để trước mặt, liền hiện hình vật ấy. Lại như lầu các của Thọ-đề-già ở thành Vương-xá, chẳng qua chỉ được làm bằng bạch ngân, lưu li, mà trong bức tường có thể hiện ra hết những việc trong thành. Huống hồ cõi thanh tịnh trang nghiêm của Phật A-di-đà ? Ở đây niệm Phật, nước kia sen nở, không có gì đáng nghi.

Hỏi: Đới nghiệp vãng sanh, được bất thoái chuyển. Vậy thì khi sanh tiền, duyên đời chưa hết, sao không lo sự nghiệp thế gian, đợi lúc lâm chung, rồi niệm Phật cũng được?

Trả lời: Đó là tà thuyết. Có ý niệm này, chính mình lầm; nói ra lời này, làm người khác lầm. Người ác khi lâm chung, niệm Phật vãng sanh, là nhờ thiện căn đời trước, lại gặp được thiện tri thức, mới được may mắn này. Đó chỉ là một trong ngàn vạn người, đâu phải ai lâm chung, cũng được như vậy! Quần Nghi Luận nói: "Ở đời có mười hạng người, lâm chung không thể niệm Phật. 1. Không gặp thiện tri thức, 2. Nghiệp luỵ trói thân, không rảnh niệm Phật, 3. Bị bệnh cấm khẩu, 4. Cuồng loạn, 5. Hoặc gặp nước lửa, 6. Gặp lang sói, 7. Bạn ác phá hoại tín căn, 8. Ăn no quá độ, hôn mê đột tử, 9. Chết trận, 10. Trược chân núi cao. Gặp mười nạn này, khó mà niệm Phật. Cho dù bệnh nhẹ mà chết, thì khi tứ đại phân ly, cũng không tránh khỏi phong đao cắt thể, sợ hãi hoảng loạn, đâu rảnh an tâm niệm Phật? Lại hoặc nghiệp duyên chưa hết, niệm đời chưa thôi, gia tài chưa chia, hậu sự chưa liệu, mà còn tìm thầy coi bói, nhiễu loạn tâm thần, con kêu vợ khóc, kinh hoảng bên tai, ngay lúc này, mà muốn họ thung dung niệm Phật, mong họ nhất tâm bất loạn, hoàn toàn không có lý này. Cho nên người xưa nói: "Chớ đợi tuổi già mới niệm Phật, mồ hoang lắm kẻ tuổi còn xanh". Lại nói: "Bình thời khuyên ai niệm Phật, đều nói tôi bận, một khi vô thường đến, bận mấy cũng thôi". Người ta ở đời, đâu được bao lâu, nhân khi chưa già chưa bệnh này, bỏ hết duyên đời, sống một ngày, niệm Phật một ngày, công phu một giờ, tu tịnh nghiệp một giờ. Không thế, một khi mất thân người, vạn kiếp khó tìm lại được!

Hỏi: Đợi già tu hành, cố nhiên là không có lý này. Nhưng phàm phu đều ở trong lưới đời, có việc không thể bỏ được, phải làm sao?

Trả lời: Người ta ở đời, chắc chắn có một ngày phải chết. Tu với không tu, rốt cuộc không ai tránh khỏi. Nhưng đoạ lạc, chi bằng siêu thăng? Nếu ai thống niệm vô thường, lo gì dụng tâm không tha thiết. Bất luận bận hay rảnh, cảnh thuận hay nghịch, đều không trở ngại gì với niệm Phật cầu sanh. Cho dù duyên đời cực nặng, cũng phải tranh thủ thời gian, định công khoá, hoặc vạn

hoặc ngàn, không được gián đoạn. Những người quá bận rộn, sáng sớm mười niệm, quyết không để khuyết.

Hỏi: Nhất tâm bất loạn, một ngày đến bảy ngày, liền được vãng sanh. Vậy thì trong một ngày dến bảy ngày nhất tâm, rồi sau đó không thể nhất tâm, không biết có được vãng sanh không?

Trả lời: Đã được nhất tâm, sau đó tâm sẽ không tán loạn nhiều. Như Nhan Tử ba tháng không lìa lòng nhân, vậy thì trong ba tháng, cố nhiên là người nhân đức, chẳng lẽ sau ba tháng, lại trở thành người ác sao? Chỉ cần luôn tự kiểm điểm, thường phát hoằng nguyện, thì không ai không được vãng sanh.

Hỏi: Người niệm Phật, phải niệm niệm tương tục, mới dễ thành khối. Nhưng tháng hè trời nóng, phần nhiều ở trần. Không biết khi ăn uống nằm ngồi, ở trần tắm giặt, có thể niệm Phật được không?

Trả lời: Niệm thầm không sao, gọi là "khi vội vả tâm cũng ở nơi nhân, khi nguy hiểm tâm cũng ở nơi nhân vậy".

Hỏi: Khi nhất tâm xưng danh, lại phát tâm cầu sanh Tịnh độ, tợ hồ như có hai tâm, làm sao?

Trả lời: Xưng danh, là cầu sanh vậy. Kinh nói: "nên phát nguyện, nguyện sanh nước ấy". Lại nói: "Chấp trì danh hiệu". Thì biết rõ ràng là một việc, chẳng phải hai việc. Thí như xây dựng tương lai, cái mong muốn công danh, chính là cầu sanh Tịnh độ; sự siêng năng học hành, chính là chấp trì danh hiệu. Ở đây tợ có vi phân. Nguyện cầu sanh Tịnh độ, nên nơi lúc phát nguyện sớm tối. Còn khi xưng danh, phải chuyên tâm, không phát nguyện khiến tâm lẫn lộn.

Hỏi: Cả ngày niệm Phật, gặp phước liền làm, cố nhiên là bổn phận của người tu. Nhưng khi làm phước, e tâm để ở nơi làm phước, không để ở nơi câu niệm Phật, không biết có chướng ngại cho nhất tâm bất loạn không?

Trả lời: Gương sáng vốn không, cảnh đến liền hiện, đâu có chướng ngại gì cho cái "tánh không" của gương. Việc chưa tới đã đón, việc qua rồi còn giữ, mới là bệnh mà thôi!

Hỏi: Ân cha mẹ, khó báo đáp nhất, nếu vãng sanh Tây phương, không biết có cách gì báo đáp hay không? Lại người ta sanh ra một đời, có một cha mẹ; sanh ra trăm ngàn vạn ức ngàn đời, có trăm ngàn vạn ức ngàn cha mẹ, không biết sau khi vãng sanh rồi, có thể nhớ hết tên họ của mỗi mỗi cha mẹ, mỗi mỗi báo đáp hết hay không?

Trả lời: "Muốn báo ân sâu, trời cao lồng lồng", là câu nói thế gian. Lấy đạo thế gian báo đáp ân cha mẹ, quả là không có cách gì báo đáp. Còn nếu sau khi vãng sanh, muốn báo ân cha mẹ, thì dễ vô cùng. Đâu chỉ báo ân cha mẹ một đời, mà ngay cả muốn báo đáp ân đức của cha mẹ trăm ngàn vạn ức kiếp trước, cũng có cách báo đáp. Bởi một khi đã đến Tây phương, ắt có thiên nhãn, có thể thấy những việc của vô số thế giới; ắt có thiên nhĩ, có thể

nghe được âm thanh vô số thế giới; ắt có tha tâm thông, có thể biết được tâm của tất cả chúng sanh; ắt có túc mạng thông, có thể biết được những việc chết đây sanh kia của vô lượng kiếp về trước. Một người nào ở đâu, tên gì, họ gì, chủng tánh gì, đều biết rõ một cách tường tận, có thể lấy chỉ việc ta làm, báo đáp được hết. Há có ân cha mẹ, không thể báo đáp sao? Ngày xưa Mạnh Tử xưng việc hiếu của Thuấn, là làm cha vua, tôn trọng đến cực điểm vậy. Dùng thiên hạ nuôi cha, là nuôi đến cực điểm. Ta vãng sanh làm Bồ-tát, để cha mẹ làm cha mẹ của Bồ-tát, không phải càng tôn trọng hơn nhân loại sao? Lại làm cho cha mẹ được vãng sanh Tịnh độ, nghĩ đến áo có áo, nghĩ đến ăn có ăn, nhận phước tự nhiên, hưởng thọ không cùng, không phải càng hơn lấy thiên hạ nuôi sao? Huống hồ trong một nước, bất quá chỉ một vua, nếu có hai hiếu tử, đều muốn lấy thiên hạ nuôi, ắt mưu làm loạn, trở ngược làm loạn thần tặc tử. Chi bằng pháp môn Tịnh độ hết thảy mọi người có thể báo hiếu, vẫn không trở ngại gì đối với pháp thế gian?

Hỏi: Súc sanh chịu khổ trong ba đường, số ấy vô lượng, làm sao chúng ta mỗi mỗi cứu hết được, mà phát nguyện cho vô ích?

Trả lời: Bồ-tát muốn độ chúng sanh, thì tất cả chúng sanh chịu khổ trong ba đường, đều là những người ta đáng phải độ. Đâu phải vì nhiều mà sợ hãi, đâu phải vì nhiều mà chán ngán, mệt mỏi? Bồ-tát Địa Tạng nói: “Địa ngục chưa không, thệ không thành Phật”. Mười đại nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, mỗi nguyện lấy hết chúng sanh giới làm kỳ hạn. Như vậy người tu Tịnh độ, muốn sanh Tây phương, không phải để trở lại Ta-bà, thề cứu ba đường làm nguyện sao?

Hỏi: Những loài côn trùng nhỏ nhít, số ấy rất nhiều. Giả sử mỗi khi nhìn thấy chúng, liền phát tâm cứu độ, không biết tâm này chỉ có thể hoàn thành chí nguyện của ta thôi, hay vẫn có ích cho chúng?

Trả lời: Phải nhìn lại phát tâm có chân thành không, nếu hết lòng thành, thì ắt có ích cho chúng. Nhìn lại Thế tôn kiếp xưa làm tiên nhẫn nhục, Mục-liên kiếp trước làm tiều phu, liền biết phát tâm có ích. Thích-ca Như lai, vô lượng kiếp trước, làm tiên nhẫn nhục tu đạo trong núi, gặp quốc vương đi săn, đuổi theo một con thú, hỏi đạo nhân: “Con thú chạy hướng nào?” Lúc ấy nếu nói thật, thì hại thú; không nói thật, thì vọng ngữ. Tiên nhân im lặng không nói, quốc vương giận, chặt đứt cánh tay. Lại hỏi, tiên nhân cũng im lặng không nói, vua lại chặt đứt cánh tay nữa. Tiên nhân liền phát nguyện rằng: “Sau khi ta thành Phật, sẽ độ người này trước, không để cho người đời bắt chước làm ác”. Sau Tỳ-kheo Kiều-trần-như được độ đầu tiên, chính là quốc vương bấy giờ vậy. Thời Phật có một làng người khó độ. Phật bảo: “Những người này có duyên với Mục-liên”. Bèn sai Mục-liên đến đó để độ, quả nhiên độ được. Hỏi nguyên do, Phật nói: “Mục-liên kiếp trước, từng làm tiều phu, làm động vô số ong rừng, Mục-liên bỏ nghề, nói: “Các ngươi đều có Phật tánh, khi nào thành đạo, ta sẽ đến độ các ngươi”. Nay người làng này, chính

là những con ong đời trước. Do Mục-liên từng phát nguyện, nên có duyên với làng này. Xem đây đủ biết, không chỉ thấy tất cả mọi người, đều khuyên niệm Phật, phát nguyện cứu độ, mà ngay cả thấy tất cả loài súc sanh, cũng thay chúng niệm Phật, phát nguyện cứu độ tất cả.

Hỏi: Niệm Phật dù có chân thành, nhưng số niệm hữu hạn. Giả sử một trăm con vật niệm cho được một ngàn danh hiệu Phật, thì một trăm con vật tự nhiên thầm được phước ấy. Ngộ nhỡ hằng sa mạng sống, mà cũng niệm cho được một ngàn danh hiệu Phật, phước ấy trở thành nhỏ, phải làm sao?

Thí như một cây đuốc, chia lửa cho trăm người, ngọn lửa đuốc ấy vẫn không hao mất. Chia cho ngàn vạn người, ngọn lửa ấy cũng không hao mất.

Hỏi: Ngày xưa có hai vị tăng, khi niệm Phật, quán tưởng thân ngồi trong hoa sen lớn, quán tưởng hoa sen nở-búp, năm tháng như vậy, đều được vãng sanh. Không biết người niệm Phật, có thể bắt chước phương thức đó không?

Trả lời: Có thể. Nhưng vẫn lấy niệm Phật làm chính.

Trên đây là 22 câu hỏi đáp của Thiên Như lão nhân.

Khởi Tín Tạp Thuyết

(Phát minh) Dùng thuyết Tịnh độ, khuyến hoá người đại trí rất dễ, bởi họ phước báo sâu dày, căn trí vượt phàm. Dùng thuyết Tịnh độ, khuyến hoá ngu phu ngu phụ cũng rất dễ, bởi trong họ không có thành kiến, như ngọt dễ hoà, trắng dễ nhuộm. Chỉ có bọn lươn ươn như chúng ta, là khó giáo hoá, vì có sẵn một chút kiến thức nông cạn trong tâm, nên dù có đạo lớn cũng không muốn nghe, dù có lời hay cũng không chịu nghe. Vì thế gom góp những lời chỉ mê quy tín, và trích lục một số điều trong "Tịnh độ Tướng Phát Minh", đặt tên "Khải Tín Tạp Thuyết".

Văn Khuyên Tu Của Như Như Cư Sĩ Nhan Bính

Người ta ai cũng yêu sắc thân này, đâu ai tin thân là gốc khổ. Lúc nào cũng đam mê khoái lạc, đâu biết lạc là nhân của khổ. Đời người dễ qua, đâu thể sống lâu, huyễn chất chẳng bền, rốt rồi cũng chết. Người sống lâu, tám chín mươi tuổi cũng chết; kẻ yểu mạng, bất quá hai ba mươi tuổi đã xong. Lại hôm nay chẳng biết ngày mai, tối ngủ sáng không dậy, thở ra không hít vào, là đã qua đời khác. Gân cốt chằng chịt quanh thân, dưới da là một khối thịt; tóc lông móng răng, nhóm như đống rác; đàm giải máu mủ, dơ tợ đại tiện. Đông lạnh hạ nóng, ngày ngày vật vạ với cơn sốt rét; muỗi mòng cắn đốt, đêm đêm cùng giòi bọ ngủ chung. Thân này không thể vui thích, mọi người hãy quyết xuất ly. Sao ngu muội còn khoe phong lưu, hồ đồ còn sanh điên đảo. Trên đầu lâu khô, cài hoa cài cỏ; bên da thịt thúi, bôi mỡ bôi hương. Áo lụa che bọc máu, mền gấm đắp thùng phân. Dùng hết trăm mưu ngàn kế, ngỡ rằng trụ thế vạn năm. Đâu ngờ nhức đầu chóng mặt, liền mau đến trước Diêm vương. Lại thêm bạc tóc rụng răng, quỷ vô thường gửi thư tìm đến. Niệm niệm luyến sắc mến tài, là con đường tắt để mất thân người; ngày ngày

đam mê rượu thịt, là ngày ngày trồng sâu nhân địa ngục. Trước mắt mong khoái lạc nhất thời, sau thân chịu khổ đau vạn kiếp. Một mai ở bên bờ vực cái chết, khi tứ đại phân ly, bên ngoài tay chân kéo rút, bên trong gan ruột đứt lìa, cho dù vợ con có thương tiếc, cũng không cách nào giữ lại thế gian. Giả sử con cháu đầy nhà, ai thay mình chết? Sinh, thống thiết khóc oan cho mình; chết, chỉ giác thần thức kẻ khác. Đường trước mờ mịt, xung quanh chẳng có lấy một ai. Ngang qua cõi chết, thấy không ai là không bi thương; vừa vào địa ngục, tới nơi tự nhiên thê thảm. Lìa đời vừa mới bảy ngày, địa ngục trải qua các án; pháp quan tố giác chẳng tình người, ngục tốt cầm chày mặt dữ tợn. Bình sinh làm thiện, chết sanh thiên đạo, tiên đạo, nhân đạo; Khi sống tạo ác, chết vào hầm lửa, nước sôi, rừng đao. Ban đầu không tin nhân quả, lúc này mới biết không sai; trong gương tội mỗi mỗi rõ ràng, nơi địa ngục đủ mọi khổ sở. Núi đao rừng kiếm, chịu bất tận vạn thứ dày vò; mang lông đội sừng, trả không hết bao nhiêu nợ nghiệp. Dù anh gan to mật lớn, cũng phải cúi đầu trước quỷ tốt; ai kia báng đạo huỷ tăng, cũng phải quỳ gối trước Diêm vương. Hồn phách tuy xa trần thế, nhưng thân xác vẫn ở trong áo quan, ba ngày năm ngày, mười ngày nửa tháng, thối rữa giòi bọ nghinh ngang, xú uế xông trời xông đất. Người nghèo, vứt ngoài đồng nội; kẻ giàu, chôn tận núi sâu. Ngày xưa mỹ lệ hồng nhan, trở thành tro bụi; ngày nay hoang vu bạch cốt, trở thành trần ai. Trước kia ân ái, đến đây thành không; xưa kia anh hùng, nay còn đâu nữa? Cỏ xanh leo đầy bia đá, tiền giấy treo kín cây dương. Nghĩ đến đầu cành kết cục, đâu ai tránh khỏi như vầy. Nếu muốn vượt khỏi luân hồi, cần phải quy tâm chánh giác. Thôi chớ chạy theo tà pháp, trên thân này đây có chân nhân. Già trẻ gái trai đều tu được, là tục là tăng cũng có phần. Gấp tìm đường sống, phải nghĩ cuộc sống đời sau; chẳng phải quy y, ắt phải luân hồi sáu nẻo. Nếu ngày mai lại hẹn ngày mai, nháy mắt tuổi xuân qua mất; khiến người sau lại khóc người sau, xương trắng chất cao như núi. Di-đà khéo niệm, chớ để lỡ kim đài đến rước; Diêm chúa vô tâm, chớ chọc ghẹo ông bung gậy sắt. Bỏ ác theo thiện, cải tà quy chánh. Với người lợi ích mọi người, với nhà cả nhà giải thoát. Dạy cho người người đều giác ngộ, dạy cho chốn chốn khỏi trầm luân. Lời Phật không tin, lời ai mới đáng tin? Cõi người không tu, cõi khác khó tu. Xin ai ngay đó nhận ra, chớ để trôi qua vô ích.

Lý Chướng Càng Nặng Hơn Dục

Những người mù bẩm sinh không biết con voi ra sao. Một quốc vương nọ, cho gọi một số người mù đến, hỏi: “Các ông có muốn biết hình tướng con voi thế nào không? Các người mù đồng thanh đáp: “muốn biết”. Vua liền sai quản tượng dẫn voi đến trước điện, bảo các người mù dùng tay sờ voi. Sờ xong, vua hỏi: “Các ngươi đã biết hình tướng con voi chưa?” Đã biết. Các người mù đồng thanh đáp. Vậy thì hình tướng con voi thế nào, vua hỏi. Người rờ trúng vòi voi nói: “Con voi giống như con đĩa”. Người rờ chân nói: “Con voi giống như cột nhà”. Người rờ bụng voi nói: “Con voi giống như cái

trống chầu". Người rờ tai voi nói: "Con voi giống như cái quạt". Người rờ đuôi voi nói: "Con voi giống như cái chổi". Mỗi người chấp theo ý mình, tranh cãi không thôi, đến nỗi ẩu đả nhau. Vua cười nói: "Các ngươi đều chưa biết voi là gì. Con đĩa, là cái vòi; cột nhà, là cái chân; trống chầu, là cái bụng; cái quạt, là cái tai; cái chổi, là cái đuôi". Đám người mù im lặng không dám nói, nhưng vẫn nghĩ những gì mình biết là đúng, và những người khác đều sai, vì thế đám người mù suốt đời chẳng biết con voi như thế nào. Giả sử không bảo dùng tay rờ, thì hình trạng con voi, chỉ cần nói mấy lời liền biết, đâu đến nỗi cãi ẩu đả nhau. Chính vì rờ, mà người ta chấp vào kinh nghiệm của bàn tay, đoạn vô nghi hoặc, cố chấp trong lòng. Người không học, dạy tu Tịnh độ, cho dù không tin trọn, nhưng ắt không đến nỗi phỉ báng. Còn những kẻ có học chút ít, liền cho mình là đúng, bụng trống tâm cao, cho rằng đây chẳng qua là của Phật giáo, còn lời thành thật, ngược cho hoang đường, cam lộ, cho là thuốc độc. Nên nói: Lý chướng càng nặng hơn dục.

Trước Phải Biết Thuyết Ba Đời

Nhà nho có người không tin đời trước đời sau, cho nên không tin Tịnh độ. Không biết đời trước đời sau, như vậy hôm qua ngày mai, là cái vốn có, chẳng phải nhà Phật tạo ra. Giống như lục phủ ngũ tạng, vốn ở trong người bệnh nhân, làm sao vì nó được nói ra từ miệng của các bác sĩ, liền cho là những thứ ở trong tủ thuốc được? "Khuyến Sĩ Tử Văn" của Văn Xương Đế Quân, mở lời liền bảo "ta mười bảy đời làm thân sĩ đại phu", là rõ ràng có ba đời vậy. Sĩ tử khoa danh, đều phải trải qua sự quản lý của ông ấy, chẳng lẽ lời ông ấy không đáng tin?

Lại Phải Rõ Lý Nhân Quả

Nhà nho không tin nhân quả, chẳng phải không tin Phật, là không tin nho. Kinh Dịch nói: "nhà làm thiện có dư niềm vui, nhà làm ác mang nhiều tai hoạ" (Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương). Kinh Thư nói: "Làm thiện được phước, làm ác tai ương" (tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương). Làm thiện làm ác, là nhân; được phước bị hoạ, là quả. Giống như mặt trời và thái dương, cùng là một vật. Nên nói: "Muốn biết nhân đời trước, chính quả nhận đời này". Nếu ai tin lời trên, tự nhiên không dám làm ác, nếu cho báo ứng là hoang đường, là rơi vào dối trá người, chẳng nể nang gì. Giả như trong một ấp, một người tin mà làm thiện, vạn người tức thành vạn thiện; một người không tin mà tạo ác, vạn người tức thành vạn ác. Nên nói: "Người người tin nhân quả, là yên bình; người người không tin nhân quả, là đại loạn".

Lý Ba Đời Khổng Tử Chắc Chắn Đã Nói

Thuyết ba đời, khảo cứu trong sử thư, thấy ghi chép rất nhiều. Nhà nho chỉ vì Khổng tử chưa từng nói tới, cho nên không dám nói ra. Song Khổng tử há đã không nói tới? Nếu bảo Khổng tử không biết ba đời, thì không thể là thánh nhân vậy. Trong bộ Luận Ngữ, lời của Khổng tử, chỉ có 8503 chữ, chắc

chắn những lời Khổng tử nói ra mà không được chép lại rất nhiều. Nếu chờ phải thấy trong kinh sách mới tin, thì trong Tứ Thư Ngũ Kinh, Khổng tử chưa từng nói tới cha mẹ mình, nhà nho cũng phải giấu giếm những người sanh ra họ; Khổng tử chưa từng nói đến anh em của mình, nhà nho không nên nói đến anh em mình; Khổng tử chưa từng nói đến nhà cửa đất đai của mình, nhà nho không nên ở cung thất có của cải. Không những thế, giấy bút mực nghiên, trong kinh thư không có nói tới, chắc chữ viết của Khổng tử kém lắm! Ngoài áo vải bố mùa hè áo lông cừu mùa đông, chưa từng nói đến quần, e rằng thời nay mặc quần sai mất! Ở Kim Tích, Giang Nam, nhà nho không nên làm; ở Đơn Thanh, Tây Thục, nhà nho không nên tạo màu, vì sao? Vì Khổng tử chưa từng nói. Vậy mà trong kinh thư, Khổng tử dạy người hiếu đễ, nhà nho lại không chịu hiếu đễ; dạy người trung thứ, nhà nho lại không chịu trung thứ. Lại chưa từng khuyên người bài bạc, nhà nho lại thích bài bạc; chưa từng dạy người làm việc này việc kia, lại chạy đi làm việc này việc kia, là sao? Nói tóm lại, là chẳng suy nghĩ!

Người Trí Chớ Cho Rằng Mình Chết

Thân người tối sơ không có chết, chữ "chết", là từ nơi thân thịt mà có. Thân thịt tuy có thay đổi, nhưng chân tánh vốn không thay đổi. Điều này như đi xa, ngồi thuyền ngồi xe. Thuyền, xe, là thân thịt; người ngồi thuyền, ngồi xe, là chân tánh. Ngay nơi thân thịt mà nói, người sống thọ không được trăm năm; nếu nói bản lai diện mục của ta, đâu chỉ sống lâu bằng trời đất, ngẫm kỹ, sung sướng biết bao! Những người không tin đời sau, chỉ biết có thân thịt, mà không biết có chân tánh. Đó rõ ràng coi mình có chết, là cái thấy sai lầm vậy!

Người Có Trí Không Thể Có Kiến Văn Hẹp Hòi

Trong tâm nhãn người nông phu, không biết cảnh giới của phú ông; trong tâm nhãn của phú ông, không biết cảnh giới của đế vương. Cùng là con người với nhau, mà lớn nhỏ cách nhau như trời với đất. Huống hồ từ người tới trời, từ trời đến Phật? Người ta bảo người có học, kiến văn ắt rộng. Đâu biết càng có học, kiến văn càng hẹp. Do họ chấp trước những gì thâu nhận trước, trở thành thành kiến. Do cái kiến văn của họ, không ngoài quốc độ này, không biết thế giới nhiều không thể cùng tận; mặt trời mặt trăng nhiều cũng không thể cùng tận. Chỉ biết từ thuở khai thiên lập địa, bắt đầu từ Bàn Cổ, không biết Kiếp sơ, từ sau Đại Bình Đẳng Vương khai sáng, hiện tại đã trải qua tiểu kiếp thứ 9. Chỉ biết chỗ này, gọi là Trung Hoa, không biết ngay trong một châu Diêm-phù-đề, nước tự gọi là Trung Hoa ấy, đã có 16 đại quốc, 500 trung quốc, 10 vạn tiểu quốc. Chỉ biết đời người 70, liền gọi xưa nay hiếm, không biết người thời kiếp sơ, ban đầu tới 84.000 tuổi. Chỉ biết nguồn gốc cơm áo của phương này, phải do cày, dệt mà ra, không biết cõi Phật cõi trời, nghĩ áo có áo, nghĩ cơm có cơm. Chỉ biết vàng bạc châu báu, cõi này kiếm được rất khó, không biết cõi Phật mười phương, đất toàn bằng vàng. Chỉ thấy văn tự cõi này, chỉ có lục thư (tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thanh,

chuyển chú, giả tá) do Thương Hiệt tạo, không biết từ sau mở mang, thư pháp đã có 64 loại. Chỉ biết chút ít điển tịch của "Tả", "Quốc", "Sử", "Hán", liền xưng là tổ tiên của giới nghệ thuật, không biết trên điện Phổ Quang Minh, sách chất như núi. Chỉ biết cái thân thịt của nhân loại, do tinh cha huyết mẹ mà thành, không biết đầu thai hoa sen, sanh ra nơi thơm tho tinh khiết. Chỉ biết cưới được một người vợ đẹp, liền yêu thương, trân quý, chỉ có lời vợ là nghe theo. Đâu biết Chuyển Luân Vương khi lâm giá, ngoài ngọc nữ, còn có 2 vạn phu nhân mỹ lệ. Đến như trời Đao-lợi, ngọc nữ, nhiều cả ngàn vạn ức. Bên cạnh mỗi ngọc nữ, hoá một thiên vương, để thọ hoan lạc. Chỉ biết con người là tối linh của vạn vật, không biết nhân loại, chẳng qua chỉ là một đường trong sáu đường, một loài trong bốn loài, một pháp giới trong mười pháp giới. Chỉ biết thờ phụng một hai vị thánh, liền cho là tối tôn không ai bằng, ngoài ra tất cả thiên thần địa thần, đều không đáng tin, tất cả những gì không chính mắt thấy, đều là hoang đường. Đâu biết mỗi một quốc độ, tức có mấy vị thánh nhân, chủ trì giáo hoá. Cõi Diêm-phù-đề, nhân loại có tới 6400 chủng tộc, không chỉ ở đây có thánh nhân. Ôi! Cảnh giới này, há những kẻ vì thanh sắc lợi danh, mà có thể thấy được chút ít sao? Thí như con giun, chỉ biết vui ăn bùn trong mấy tấc đất, không biết rồng cuộn trong biển lớn, tạo sóng làm mưa; thí như con bọ hung, chỉ biết vui vo viên phân cứt, không biết đại bàng bay cao chín vạn dặm, siêu vượt mọi loài. Cho nên người học Phật, cần phải quan sát.

Kinh Tạng Không Thể Không Đọc

Heo dê gà chó, chỉ biết kêu không biết nói, so với con người biết nói, con người quý hơn. Người một chữ bẻ đôi không biết, chỉ nói được bằng miệng, không nói được bằng tay, so với người biết ít chữ có thể viết thư, người biết ít chữ quý hơn. Người biết ít chữ, tuy có thể dùng tay thay miệng, nhưng trọn không thể biến một tay thành trăm tay, và không thể giữ bàn tay ấy đến trăm nghìn năm. Nếu bác thông kim cổ, viết sách để đời, in ra trăm ngàn vạn cuốn, một cuốn giữ đến trăm ngàn năm, người ấy không quý hơn sao? Song đây vẫn là sách thế gian, nếu ngoài sách thế gian, bác lãm thêm kinh Phật, thì tất cả trên trời dưới trời, kiếp trước kiếp sau, cho đến biển Phật pháp, đều biết sơ lược đại khái, kiến văn không rộng hơn sao? Song, kiến văn dù rộng, nhưng nếu không có một phương pháp thẳng tắt, ra khỏi ba cõi, thì đối với hạt giống Bồ-đề, vẫn không có phần. Nếu bác thông tam tạng, lại được pháp môn Tịnh độ, một lòng tin tưởng hành trì, quả là phúc đức mười đời. Có người hỏi: Biển Phật pháp, tuy là lời thành thật của Như Lai, nhưng sao nhà nho không tin? Trả lời: Những việc văn võ của Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, nếu nói cho người không biết chữ, anh ta cũng cho là hoang đường. Cho nên kinh sách Phật, quả không thể không đọc.

Huyền Trang Khéo Khởi Phát

Thế gian có người thấy tăng không giới hạnh, nên khinh mà không tin Tịnh độ, là sai. Đâu thể đạo sĩ bất tiếu, mà khinh Lão tử; nhân sĩ bất tiếu, mà khi Khổng tử. Người trí còn không vì người bỏ lời, huống hồ vì giáo đồ mà coi thường giáo pháp? Ngày xưa Đường Thái Tông bảo với thầy Huyền Trang: "Trẫm muốn trai tăng, nhưng nghe tăng phần nhiều không có giới hạnh, phải làm sao?" Huyền Trang đáp: "Côn Sơn có ngọc, lẫn lộn trong bùn cát; Lệ Thuỷ sanh vàng, há không có ngói gạch? thổ mộc nặn khắc thành La-hán, cung kính thì phước sanh; đồng thiếc đúc thành tượng Phật, đập phá ắt có tội. Rồng đất tuy không thể cho mưa, nhưng cầu mưa phải xin rồng đất; phàm tăng tuy không thể giáng phước, nhưng tu phước phải kính phàm tăng". Thái Tông bừng tỉnh nói: "Trẫm từ nay về sau, dù thấy một chú Sa-di, cũng kính như Phật". Ôi! Thái Tông vốn đã có phước nhiều đời, nhưng vừa nghe liền tỉnh, thầy Huyền Trang cũng có thể đáng gọi là khéo khải phát vậy!

Phải Nơi Thân Thịt Sanh Tâm Yếm Ly

Nhân sinh ở đời, tám khổ bức bách. Nhưng người ta không tự biết khổ, còn cho là lạc, quả là từ khổ đi vào khổ, vĩnh viễn không có ngày ra. Lại lấy sinh khổ mà nói, ở trong bào thai, dưới phế phủ, trên đại tràng, từ mô tới bào, dần dần thành hình, ở trong bào thai, không được tự do. Người mẹ ăn thức ăn nóng vào, bào thai cảm giác như dội nước sôi; người mẹ uống thức uống lạnh vào, bào thai cảm giác như nằm trên băng lạnh. Chỗ ở là chỗ dơ uế, thức ăn đều là máu huyết bất tịnh. Thời gian trụ thai không đầy 300 ngày, nhưng chịu khổ đồng với mấy chục năm. Đầy một tháng, liền chúc ngược đầu xuống, đầu hướng xuống sản môn, hình chất lớn dần, muốn ra không được. Sự sống chết, trong khoảnh khắc này; sự sống chết của người mẹ, cũng trong khoảnh khác này. Lúc này bà đỡ kéo ra, đau như phanh thây, cho nên vừa ra khỏi bào thai, không đứa trẻ nào là không khóc. Sau khi ra khỏi bào thai, phân tiểu bề bộn, không biết xấu hổ. Dù là đại phú quý, cũng như vậy; đại hiền thánh, cũng như vậy. Nhưng do con người quen như vậy, nên không biết tỉnh giác. Nếu đêm khuya thanh vắng, ngồi nhìn lại, đâu không đáng thương đáng nhục? Như Lai đại thánh, thương xót thế gian, dạy người cầu sanh Tịnh độ, liên hoa hoá sanh, khỏi hoạn nạn này. Sao còn đắm nhiễm trầm mê, không sanh chán lìa.

Người Đại Hiếu Không Nguyện Nhập Thai

Thần thức đầu thai, không chỉ chính mình chịu khổ, mà người mẹ, cũng chịu đại thống khổ. Không nói trong thai mười tháng, một ngày bằng một năm, mà đến khi ra thai, người làm mẹ thống khổ vạn trạng, xấu hổ sợ hãi khôn xiết. Giờ phút nào quỷ cũng chực chờ hút tinh khí, cầu sống khó được. May mắn mẹ tròn con vuông, liền yêu con hơn châu báu. Do đó nhường khô nằm ướt, nuôi nấng ẵm bồng, tinh huyết một đời, âm thầm tiêu tốn. Ngày xưa có một Sa-di bảy tuổi, có túc mạng thông, biết được đời trước của mình, than rằng: "Thân của ta đây, luỵ bi phiền đến năm người mẹ. Khi làm mẹ con đời

thứ nhất, nhà hàng xóm cũng có người sanh, ta bị đoản mạng, mẹ thấy đứa con người hàng xóm trưởng thành, liền sanh bi não. Khi làm mẹ con đời thứ hai, ta lại chết sớm, mẹ nếu thấy người cho con bú, liền sanh bi não. Khi làm mẹ con đời thứ ba, 10 tuổi liền mất, mẹ thấy những đứa trẻ khác ăn uống giống ta, liền sanh ưu não. Khi làm mẹ con đời thứ tư, chưa có vợ mà chết, mẹ thấy đồng bạn lấy vợ, liền sanh bi não. Nay đời thứ năm, bảy tuổi xuất gia, mẹ ta nhớ con, lại sanh ưu não. Ta nghĩ sanh tử luân hồi, luỵ người thân đến vậy, nên tinh tấn tu hành". Nay thiên hạ đầy người, phần lớn liên luỵ người thân, những người báo đáp thân ân, đâu được mấy người? Đầu thai một đời, bi luỵ một cha mẹ; đầu thai trăm ngàn vạn đời, liên luỵ trăm ngàn vạn cha mẹ. Bằng ly trần thoát tục, liên hoa hoá sanh, vĩnh viễn không liên luỵ cha mẹ, chẳng lẽ không phải đại hiếu của đại hiếu sao? Chính những người ngày nay huỷ báng Phật pháp, cho xuất gia là bất hiếu, là cam lòng luôn ở trong thai, mà liên luỵ đến người thân vậy.

Đại Quý Nhân Nên Biết Hổ Thẹn

Gọi là quý nhân, chẳng phải tước lộc cao quan, học thức phong phú, mà chính là những người có khả năng trừ khử thái độ ti tiện, trừ khử trạng thái ti tiện đồng với cầm thú. Ti tiện là gì? Là tham, dâm, sát, đạo vậy, thứ này cầm thú đồng có. Ngoài ra còn có những thứ đáng xấu đáng hận hơn, đó là việc hoá làm phân trong bụng. Bất luận thức ăn ngon ngọt bao nhiêu, hễ qua khỏi yết hầu đều biến thành phẫn uế, gớm không muốn nhìn. Tích chứa lâu ngày, liền theo đường đại tiểu tiện, phân loại mà ra, kinh tởm không khác của heo chó. Trạng thái ti tiện này, lỡ phạm vào một, đã là xấu hổ, làm sao có thể ngày ngày như thế? Nếu có trang thái ti tiện này, không tự giác tri, không cầu yếm ly, thì không khác gì cầm thú. Nên phải tự oán tự trách, lúc nào cũng muốn trừ bỏ trạng thái ti tiện này, mới là đại quý nhân. Sáu cõi trời, tuy hưởng thiên cam lồ vị, thơm tho tinh khiết, trên mình mây thơm tuôn ra tự nhiên, trong chốc lát có thể đi lại trăm ngàn cõi nước, không có cái hôi dơ của đàm giải đại tiểu tiện, cho nên cái móng tay của chư thiên, giá trị bằng cả cõi Diêm-phù-đề, nhưng sở dĩ không được gọi là đại quý nhân, là do chưa tránh khỏi luân hồi. Cần phải vượt thoát, liên hoa hoá sanh, sau có thể dứt hẳn trạng thái ti tiện này. Đây chẳng phải sức của Khổng-Mạnh, có thể cứu ta.

Kén Tằm Dụ

Tằm làm kén, trái qua phải, trên xuống dưới, nhả hết trong bụng ra mà tạo thành. Để hết trong bụng, là an nhiên không có việc gì. Người ta đâu hay kinh doanh, là tự trói buộc. Những con tằm tưởng nhả tơ tạo kén là bảo vệ thân, ai ngờ vì đó mà bị sát thân. Hàng ngàn vạn con tằm, đâu con nào tránh khỏi nước sôi, nhưng con lại truyền con, cháu lại truyền cháu để vào nước sôi, không sự thê thảm nào bằng. Những con tằm trong hai cánh cổng thế gian, cũng lại như thế. Cả đời kinh doanh, vừa lo cho vợ con có chút y thực, kết oán cừu, tạo biết bao nhiêu tội nghiệp, đến khi gia đình có chút của cải, thì

thân này đã bị trói vào trong. Hàng vạn con người, đau ai tránh khỏi trả báo, nhưng con lại truyền con, cháu lại truyền cháu để trả quả báo, không sự kỳ lạ nào bằng. Nên kinh "Tứ Thập Nhị Chương" nói: "Vợ con nhà cửa trói buộc, chắc hơn lao ngục. Lao ngục có ngày ra, vợ con không có niệm xa lìa."

Mã Dụ

Ngựa có bốn loại: Ngựa hay nhất, thấy bóng roi liền chạy, không đợi ra roi; kế đến là đánh một roi liền chạy; kế nữa là đánh nhẹ không chạy, đánh mạnh mới chạy; ngựa tồi nhất, đánh mạnh cũng không chạy, phải đâm vào da, đau quá mới chạy. Con người cũng như thế. Người có trí tuệ, dễ tỉnh giác, trong một trăm dặm nghe có người chết, liền kinh hãi nói: "trong một trăm dặm có người chết, ta cũng là người, chết ắt đến ta. Vội vàng tu hành, để cầu giải thoát. Đây chính là con ngựa thấy bóng roi liền chạy vậy. Kế đến thì là thân thích chết mà giác ngộ, kế nữa là thấy người lân cận chết, rồi sau giác ngộ. Nếu đợi mình già, hoặc chính bị bệnh rồi mới giác ngộ, thì đây là con ngựa chờ đâm vào da rồi mới chạy vậy. Nếu già vẫn không giác ngộ, hoặc bệnh vẫn không giác ngộ, còn thua bốn loại người trên.

Hồ Ly Dụ

Hồ ly đêm tối vào nhà bếp, ăn no rồi ngủ quên mất, sáng mai không thể trốn chạy, bèn giả chết đợi người đem vứt. Không bao lâu, quả có người muốn vứt, một người nói: "Đuôi hồ ly đẹp quá, đợi tôi cắt rồi mang vứt". Hồ ly nghe mà sợ, chịu đau cho họ cắt. Chốc có một đứa trẻ đến, muốn cắt hai lỗ tai, hồ ly nghe càng sợ, nhưng nghĩ hai tai không ảnh hưởng đến tính mạng, lại chịu đau cho cắt. Chốc lại có người nói: "Da có thể may áo lông". Hồ ly kinh hãi nghĩ: "Nếu lấy da ta, chắc chắn cắt đầu mổ bụng, làm sao chịu nổi?" Thế là bật dậy phóng ra, liền thoát. Người ta ở trong lao ngục của ba cõi, không khác cái nhà bếp, nghiệp đã đầu thai làm người, khó tránh khỏi cái chết, chỉ có niệm Phật vãng sanh, mới có thể vượt qua cái chết. Bỏ lỡ thời trai tráng, là cái đuôi hồ ly đã bị cắt; đến khi tuổi già, đã sắp cắt đầu mổ bụng. Nếu chẳng lập hoằng thệ nguyện, phấn đấu quên mình, có thể ra khỏi mê đồ, mong Phật tiếp dẫn sao?

Đổ Tội Cho Diêm Vương

Một người chết, gặp Diêm chúa, theo tội hành phạt. Người ấy nói: "Sớm biết như vậy, sao đại vương không cho thần một tin trước?" Diêm chúa nói: "Ta đã báo cho ngươi mấy tin. Tóc ngươi bạc dần, đó là tin thứ nhất; răng ngươi rung rinh, đó là tin thứ hai; sức ngươi yếu dần, đó là tin thứ ba; tai mắt ngươi mờ điếc dần, đó là tin thứ tư thứ năm". Có một thiếu niên khóc rằng: "Người ấy được báo tin, nhưng con thì không". Minh chúa đáp: "Ta cũng báo cho ngươi mấy tin. Ngươi còn nhớ một thiếu niên nọ, bị bệnh dịch chết không? Một thiếu niên nọ treo cổ chết không? Một thiếu niên nọ bị chết nước không? … Đó đều là những tin báo cho ngươi đó. Đâu cần phải gọi tên mà báo. Cho dù ngươi có sức mạnh không ai bằng, có khả năng lật trời úp

đất, có tránh khỏi sự thẩm vấn của cõi này không? chỉ có vượt thoát thế gian, thì không chỉ tránh được sự thẩm vấn của cõi này, đồng thời có thể khiến cho diêm chúa kính nể, thì chỉ có người niệm Phật vãng sanh.

Con Thiêu Thân

Con thiêu thân chết nơi ngọn đèn, chẳng phải chết bởi ngọn đèn, mà là chết bởi cái thấy. Người ta thương mà đuổi đi, vừa đuổi đi nó lại tìm kẽ hở lao vào, cho rằng cái thấy của ta, là đúng. Quyết chí tiến lên, đến chết mới thôi. Con người ta háo thanh sắc, háo danh lợi, háo bài bạc, cũng do cái thấy của họ, ở tại nơi đây. Do đó quyết chí tiến lên, cho đến chết mới thôi, sao không lấy con thiêu thân làm gương.

Con Ruồi Trong Cửa Sổ

Có một con ruồi trong cửa sổ, bay qua bay lại cả ngày không ra được, là do nó chấp vào cái thấy nên không thể thoái lui một bước. Nếu biết thoái lui một bước, thì trời cao biển rộng. Thế giới Ta-bà, là một cái cửa sổ lớn, từ xưa đến nay, không biết đã nhốt bao nhiêu con ruồi bên trong. Ta nay may mắn biết thoái bước, bay về hướng Tây, bay về hướng Tây, sướng quá!

Bốn Cách Luyện Ngựa

Thời Phật tại thế, có một người giỏi luyện ngựa, Phật hỏi có mấy cách, ông trả lời có bốn cách: 1. Dịu ngọt, 2. Nạt nộ, 3. Trước nạt sau dỗ, 4. Trước dỗ sau nạt. Phật hỏi: “Nếu bốn cách ấy mà ngựa không nghe lời, thì làm sao?” Giết. Điều mã sư đáp. Thế tôn giáo hoá đệ tử, có mấy cách. Điều mã sư hỏi. Cũng có bốn cách. Đức Phật trả lời. 1. Hạng thứ nhất dùng lời dịu ngọt, có nghĩa người thiện tín, khuyên bảo tu hành. 2. Hạng thứ hai cảnh cáo, có nghĩa người tạo ác, cảnh báo luân chuyển tam đồ. 3. Trước khuyên tu hành học đạo. 4. Trước cảnh báo luân chuyển tam đồ. Điều mã sư hỏi: “Bốn cách ấy không dạy dỗ được, phải làm sao?” Ta cũng giết. Phật trả lời. Điều mã sư hỏi: Như Lai đại từ, sao lại giết người?” Phật đáp: “Không giáo hoá được, dạy cũng vô ích, thì không dạy nữa. Không dạy nữa, chính là giết vậy”.

Thuốc Chữa Mắt

Thế tôn sắp nhập Niết-bàn, hoàng hậu Ma-da trên cung trời Đao-lợi, gặp mấy cơn ác mộng, nội dung một giấc mộng rằng: Mộng mặt trời cõi Diêm-phù-đề bỗng tắt, cả thế gian đen tối, có vô số La-sát, tay cầm dao bén, móc mắt thế nhân. Ma-da than rằng: “Đây ắt là điềm Như Lai con ta nhập Niết-bàn”. Không lâu tôn giả A-na-luật, quả nhiên lên trời báo. Những sách vở phỉ báng Tam bảo của thế gian, chính là những con dao móc mắt người đời. Người thời mạt pháp, phước báu càng kém, thì những loại sách này càng nhiều; trí tuệ càng yếu, thì người phụng hành sách này càng nhiều. Nên người có phước, cần phải sớm tự giác ngộ, không bị nó móc, là hơn. Nếu đã bị chọc thương, phải nhanh chóng nhỏ thuốc. Thuốc gì? Sách này là một trong các thuốc đó!

Có Nguyện ắt Thành

Mông Chánh, tự Thánh Công, làm chức Công Chánh triều Tống Lã Văn, thời Tống Thái Tông, đỗ tiến sĩ hạng nhất, được phong làm Hứa Quốc công. Mỗi sáng khi lễ Phật, chú nguyện rằng: "Người không tin Phật, chớ sanh vào nhà tôi, nguyện con cháu tôi, đời đời ăn lộc vua, hộ trì Tam bảo". Sau cháu Di Giản, được phong làm Thân Quốc công. Mồng một tết hằng năm, sau khi lạy Từ đường, là lễ lạy thiền sư Quảng Huệ. Công Trứ con trai Thân Quốc công, cũng được phong làm Thân Quốc công, đối với thiền sư Thiên Y cũng như vậy. Tả thừa Hảo Vấn, đối với thiền sư Viên Chiếu cũng như vậy. Dụng Trung con trai Tả Thừa, đối với thiền sư Phật Chiếu cũng như vậy. Đời đời quý hiển phụng Phật, quả phù hợp với lời nguyện của Hứa Quốc công. Cái mà Văn Chánh mong cầu, chẳng qua chỉ nguyện thế gian, mà còn được thành tựu. Huống hồ phát Bồ-đề tâm, nguyện sanh An Dưỡng, mà không toại nguyện sao?

Người Tu Không Thể Không Tu Tịnh Độ

Thiền sư Thanh Thảo Đường đời nhà Tống, có giới hạnh, hơn 90 tuổi. Phật tử Tằng Thị thường cúng dường ngài, ngài cảm ân đức ấy, nên hứa sanh vào nhà họ Tằng. Sau nhà họ Tằng sanh con, người ta thấy ngài Thanh Thảo Đường, đã ngồi tịch. Đứa con ấy chính là Tằng Lỗ Công. Nhờ đời trước từng tu phước huệ, nên nên tuổi trẻ đậu cao, sau làm Hiền tể tướng. Lại như thời Minh Mạt, Đại Thành ở Chiết Giang, khất thực nuôi chúng trong chùa, một lần đi ngang quán cơm nhà họ Sử, họ Sử là một Phật tử thuần thành, nên thỉnh Đại Thành vào quán. Hôm đó họ Sử thấy Đại Thành khất thực chỉ được có ít, liền lấy cơm mình thêm vào cho đầy. Nhà họ sử vốn không có con, sau người vợ bỗng mang thai. Lúc lâm bồn, thấy Đại Thành vào phòng, bà vội hỏi thầy vào đây làm gì, nhưng bỗng biến mất. Lúc ấy bà sanh được một cậu con trai. Hôm ấy không thấy Đại Thành đến lấy cơm, đến chùa hỏi thăm, thì biết hôm đó Đại Thành tạ thế, liền đặt tên con là Đại Thành. Đứa trẻ còn nhỏ, thông minh hiếu hữu, ăn chay, trọn đời không phá giới, năm Ất Mùi niên hiệu Thuận Trị, thi đậu Trạng Nguyên. Từ thế tục mà nhìn, hai vị này, đều phú quý và có danh lớn. Nhưng từ người tu hành mà nhìn, thì hai vị tăng này nhầm to. Giả sử hai thầy biết có pháp môn Tây Phương, lấy công đức tu hành hồi hướng Tây phương Tịnh độ, cho dù không được thượng phẩm, cũng được trung phẩm, đâu đến nỗi chỉ là trạng nguyên, tể tướng mà thôi!

Cao Tăng Cũng Nên Tu Tịnh Độ

Nhà Tuỳ, Thích Huyền Cảnh ở Tương Châu, thông cả tông lẫn giáo, đạo phong truyền khắp. Tháng 6 năm thứ 2 niên hiệu Đại Nghiệp, sắp thị tịch, tắm rửa sạch sẽ, ngồi nhìn lên, bỗng nói: "Ta muốn sanh Đâu-suất nội viện, diện kiến Di-lặc Bồ-tát, sao lại làm Dạ-ma Thiên Vương?" Chúng hỏi sư nói gì, sư nói: "Không phải là chỗ thấy biết của các con?" Lát lại nói: "Trên trời rất bận, khách khứa rất nhiều". Nói xong ngồi yên thị tịch. Ôi! Khi sư tu hành, phát tâm gặp Bồ-tát Di-lặc, vậy mà không gặp Di-lặc, chuyển làm vua trời

Dạ-ma. Từ thế tục mà nhìn, địa vị ấy đã trên cả Thượng đế vậy, nhưng so với sanh Tây phương, thì thua xa, vì vậy cao tăng cũng nên tu Tịnh độ.

Không Thể Cam Tâm Làm Quỷ

Tất cả nhân loại trong ba cõi, bất luận giàu nghèo trí ngu, sau khi chết, nếu không vãng sanh, tất cả đều phải làm quỷ. Khuyên người niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ, là khuyên người đời không đi làm quỷ. Nhà nho không tin Phật pháp, lại còn phỉ báng, như vậy chính mình cam tâm làm quỷ, còn khuyên tất cả thế nhân làm quỷ. Hiện tại làm người, thở ra không hít vào, tất cả đều làm quỷ. Người ta không biết thời giờ mau chóng, nên nhọc hình lao sức cầu phú quý, dù nghèo hay giàu, một khi ra đi, cũng không mang theo được một xu, quỷ gọi liền đi, đâu phải giàu sang là khỏi? Chỉ có người niệm Phật, đến đây không bệnh không hoạn, an nhiên ra đi, thân không bệnh khổ, tâm không hôn mê, ác quỷ thấy hình chạy xa, Diêm vương nghe tên đảnh lễ, chẳng lẽ không phải đại trượng phu xuất thế sao? Chỉ có như thế, mới không làm quỷ, còn không làm quỷ, quả thật chẳng phải việc dễ!

Chín Loài Đều Nên Vãng Sanh

Chín loài là: Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hoá sanh, trời hữu sắc, trời vô sắc, trời hữu tưởng, trời vô tưởng, trời phi tưởng phi phi tưởng. Chín loài, là bao gồm hết quý, tiện, u (cõi âm), minh (cõi dương), trên trời dưới trời. Trong chín loài, ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là khổ nhất; 6 cõi trời dục giới, 18 cõi trời sắc giới, 4 cõi trời vô sắc giới là sướng nhất. Chưa ra khỏi sanh tử, cho nên luân hồi trong sáu đường, khổ cố nhiên là khổ, mà lạc cũng khổ. Cho dù chư thiên sống lâu hưởng phước vô tận, nhưng khi phước báo hết, vẫn rơi vào trong ba đường, sao bằng Cực lạc quốc độ vĩnh viễn ra khỏi luân hồi? Mỗi khi tiến hương nơi các miếu của Văn Xương, Quan Đế, Đông Nhạc, tôi thường nguyện rằng: “Nguyện các ngài tôn tín Tam bảo, phát Bồ-đề tâm, vãng sanh Tây phương, hành Bồ-tát đạo”. Lại thường đảnh lễ Đẩu Mẫu Tôn Thiên và Hạo Thiên Thượng Đế, tuy rất lo sợ, nhưng sau khi đảnh lễ, cũng nguyện chí tôn niệm Phật, hành Bồ-tát đạo, độ khắp tất cả. Vì sao? Vì người có trí tuệ, thấy được những việc cực cao minh của thế gian, cũng không bằng niệm Phật; có phước báu nhất, không bằng vãng sanh. Niệm Phật vãng sanh, không phước báo nào có thể so sánh. Đẩu Mẫu Tôn Thiên, tức Ma Lợi Chi Thiên Bồ-tát; Hạo Thiên Thượng Đế, tức Đao Lợi Thiên Vương. Mỗi khi Thế Tôn thuyết pháp, Đao Lợi Thiên Vương thường luôn cung kính hầu hai bên trái phải. Hôm nay nghe lời nguyện thầm này, tất nhiên vui vẻ, tuyệt không khai ngược tội lỗi. Chúng ta may mắn gặp pháp môn này, không lo dũng mãnh tinh tấn, hồi hướng Bồ-đề, chẳng phải là điều “rất đáng thương xót” mà đức Phật đã nói hay sao?

Niệm Phật Không Uổng Công

Việc đời, mưu mà không thành, thì bao nhiêu công lao trước bỏ hết. Chỉ có niệm Phật, cho dù hữu thỉ vô chung, công phu niệm Phật trước, cũng

nhất quyết không uổng phí. Ngày xưa có người đốn củi, gặp hổ leo lên cây, niệm một câu "Nam Mô Phật", sau 81 kiếp, vẫn nhờ phước ấy mà được xuất gia, dần đến thành Phật, huống hồ tinh tấn cả đời? Cho dù đời này không được vãng sanh, đời sau cũng ra khỏi sanh tử, không như thế tục học hành không xong, uổng phí tinh thần; kinh doanh không được, trở thành lỗ vốn.

Những Việc Tốt Đẹp ở Đời Không Bằng Niệm Phật

Kinh Thí Dụ nói: "Xưa có hai vợ chồng, cầu con, người vợ liền mang thai, sanh ra bốn vật: 1. Đấu gạo chiên-đàn, 2. Bình mật cam-lộ, 3. Túi gấm châu báu, 4. Bảy cây gậy thần. Người ấy than: 'Ta vốn cầu con, cần gì những vật này'. Thiên thần hỏi: 'Ngươi muốn con để làm gì?' Người ấy trả lời: 'Ta muốn con, để sau nương nhờ'. Thần nói: 'Gạo trong đấu, dùng hết lại đầy; cam-lộ trong bình, có thể chữa bách bịnh; túi châu báu, dùng không hết; bảy gậy thần, để phòng hung bạo' Hiếu tử ở đời, há được như thế?' Người ấy nghe xong sung sướng, liền được giàu to. Sau nước khác nghe biết chuyện, cho quân đến đoạt, người ấy cầm gậy vung lên, gậy đánh tan tác giặc cướp, ông được bảo toàn'. Người đời vội vội vàng vàng, không rảnh tu hành, chẳng qua chỉ vì vợ con. Nhưng dù vợ con cung phụng đến mấy, sao bằng bốn vật này! Con như vãng sanh Tây phương, vượt qua sanh tử, vạn phước trang nghiêm, sở cầu như ý, bốn vật kia làm sao sánh được! Cho nên sự việc tốt nhất của cõi trời cõi người, cũng không bằng niệm Phật.

Năm thứ 2 thứ 3 niên hiệu Quang Tự nhà Thanh, mấy tỉnh miền bắc gặp hạn lớn, thầy Liên Mỗ ở Úy Châu ở trong một cái miếu nhỏ ngoài thôn, có một người đói ở Sơn Đông đột ngột vào miếu, la gào bụng đói, muốn ăn cơm, sư nói: "Cơm tôi vừa ăn hết rồi, không còn chút nào cả". Người ấy càng thúc dục hơn, sư nói: "Tôi nấu ít cơm cho ông". Sư Liên thời khóa hằng ngày 6 vạn danh hiệu Phật. Miệng tuy hứa nấu, nhưng muốn lần cho xong tràng hạt. Người ấy ý cho rằng không nấu cơm cho, liền cầm búa, trở sống búa vào đầu sư, sư ngã xuống, người ấy dùng cái vá cào than, múc hai vá não, vùi dưới than rồi đi. Sư hôn mê, bất tỉnh nhân sự. Lát sau tỉnh dậy, đến đại hồng chung, đánh dồn dập mấy mươi tiếng. Trong thôn hễ có việc quan, đều động chuông làm hiệu lịnh. Thôn dân kéo đến, thấy sư nằm trên vũng máu. Mọi người thấy sư còn thở, lay gọi hỏi, sư đáp: "Bị một người đói đánh". Mấy mươi người chia nhau tứ ngã đi tìm, bắt được người ấy, bắt đền mạng, dẫn về trong miếu, sư nói: "Tôi với ông ấy chắc chắn đời trước có gây oán kết, nay ông ấy đánh tôi, các ông lại bắt giết ông ấy, há chẳng phải làm tôi chịu đánh vô ích sao? Không chỉ oán cũ không được cởi, mà còn kết thêm oán mới, vậy thì thiệt cho tôi dữ lắm, tôi có một ngàn tiền đây, mang đưa ông ta rồi cho ông ta đi". Sau đầu sư lành lặn, cứng chắc như bình thường. Nhưng đầu không có một sợi tóc, và quanh đầu đầy những vết sẹo, nghĩ cũng lạ! Năm Quang Tự thứ 13, Quang tôi cùng Liên Như sư đệ sư ấy, từ núi Hồng Loa hành hương Ngũ Đài Sơn, về đến miếu sư ấy, lúc bấy giờ sư đã hơn 60 tuổi,

diện mục hồng hào quắc thước, vừa nhìn liền biết sư là người có tu. Liên Như chỉ đỉnh đầu sư, nói cho Quang tôi. Bổ sung vào đây, giúp thêm niềm tin. Dân Quốc năm thứ 21, sa môn Thích Ấn Quang.

Vãng Sanh Sự Lược

(Phát minh) những chuyện không có chứng cứ, không tin; những chuyện có bằng chứng, chắc chắn thật. Niệm Phật vãng sanh, chính là chuyện có bằng chứng. Vì ở đời mọi sự có thể giả, chỉ có việc vãng sanh, là hào tơ không thể giả. Những thánh hiền hào kiệt, giảng đạo luận đức, tu nhân hành nghĩa xưa nay, đâu chỉ ngàn vạn, nhưng cái chết của họ, thường là già bệnh. Còn biết trước giờ chết, tắm rửa sạch sẽ mà hóa, hoặc hương lạ khắp nhà, hoặc nhạc trời nghinh đón, thì từ lúc có nhân loại đến nay, chưa có một người. Chỉ có người niệm Phật, những điềm lành này, nhiều vô số, chẳng ai hưởng dụng hơn người niệm Phật, cũng chẳng ai tôn quý hơn người niệm Phật. Khi sắp ra đi, đã an nhàn như thế, thì chỗ đến, chắc chắn là rất phúc. Vì vậy muốn đem chuyện người vãng sanh trích lục mấy mươi điều, đặt tên "Vãng Sanh Sự Lược", cũng muốn kiến hiền tư tề, cùng sanh an dưỡng.

Bồ-tát Vãng Sanh Loại

Như Lai thọ ký vãng sanh. Đại Vô Lượng Thọ Kinh nói: "Di-lặc bạch Phật rằng: 'Ở thế giới này, có bao nhiêu Bồ-tát vãng sanh Cực Lạc?' Phật bảo Di-lặc: 'ở thế giới này, có 62 ức Bồ-tát bất thoái, vãng sanh nước ấy. Bồ-tát tiểu hạnh, không thể tính đếm. Không chỉ nước này, mà những cõi Phật khác, như nước Phật Viễn Chiếu, có 180 ức Bồ-tát, đều sẽ vãng sanh, cho đến mười phương cõi Phật, người vãng sanh nhiều vô số. Nếu ta nói cho hết, một kiếp cũng không thể hết.'

Văn Thù Nguyện Sinh. Quán Phật Tam Muội Kinh nói: Phật thọ ký Văn Thù, sẽ sinh Cực Lạc. Kệ phát nguyện của Văn Thù rằng: "Nguyện con khi lâm chung, trừ hết các chướng ngại, diện kiến Phật Di-đà, vãng sanh nước An Lạc. Sanh nước Phật kia rồi, thỏa mãn đại nguyện con, A-di-đà Như Lai, hiện tiền thọ ký cho."

Phổ Hiền cầu sanh. Hoa Nghiêm Kinh, Bồ-tát Phổ Hiền, liệt kê mười đại nguyện, khắp vì chúng sanh, cầu sanh Tịnh độ. Kệ rằng: "Nguyện con khi mạng sắp chung, trừ hết tất cả các chướng ngại, mắt thấy đức Phật A-di-đà, liền được vãng sanh nước An Lạc".

Kệ luận Tịnh độ. Bồ-tát Thiên Thân, người Thiên Trúc, tạo rất nhiều bộ luận. Lên nội viện Đâu-suất, gặp Phật Di-lặc. Tạo "Vô Lượng Thọ Kinh Luận" và "Tịnh Độ Kệ", "Ngũ Môn Tu Pháp", phổ khuyến vãng sanh.

Thỉnh Phật giáng thế. Bồ-tát Ngũ Thông ở chùa Kê Đầu Ma, Thiên Trúc, dùng thần thông đến nước Cực Lạc, gặp Phật A-di-đà, thỉnh rằng: "Chúng sanh ở cõi Ta-bà, nguyện sinh Tịnh độ, không có bóng Phật, xin Phật giáng xuống". Phật bảo: Ngươi xuống trước, Ta sẽ xuống liền". Ngũ Thông

trở về, đã thấy Phật ở đó, Phật cùng 50 vị Bồ-tát, ngồi trên hoa sen. Ngũ Thông bèn chép lại truyền bá, xem "Cảm Thông Truyện".

Tạo Luận Khởi Tín. Bồ-tát Mã Minh, tổ thứ 12 Tây Trúc, viết "Luận Khởi Tín", sau cầu sanh Tịnh độ.

Tập thiện vãng sanh. Kinh Đại Bi nói: "Phật bảo: sau khi ta diệt độ, Bắc Thiên Trúc quốc có một Tỳ-kheo, tên Kỳ-bà-ca, tu tập vô lượng đủ các Bồ-đề thiện căn tối thắng. Sau khi mạng chung, sanh sang nước Phật Vô lượng Thọ. Ở nước Phật ấy, trồng các thiện căn, sau sẽ làm Phật, hiệu Vô Cấu Quang".

Được vô sanh nhẫn. Bồ-tát Sanh Địa Kinh nói: "Phật bảo: 'Lúc bấy giờ Sai-ma-kiệt, được vô sanh pháp nhẫn, 500 thiện năm, 25 tín nữ, đều lên vị bất thoái, sau khi mạng chung đều được về nước Phật Vô lượng Thọ'".

Ghi tên vào thắng hội. Thiền sư Trường Lô Trách, theo di chúc của đại sư Huệ Viễn, lập Liên Hoa Thắng hội. Một đêm nọ nằm mộng thấy một thiếu niên, mặc đồ trắng quấn khăn đen, tướng mạo khôi ngô, chắp tay nói: "Muốn gia nhập Liên Hoa Thắng hội của ngài, xin ghi danh". Sư hỏi tên gì, tên "Phổ Tuệ", thiếu niên đáp. Ghi xong, lại nói: "Anh tôi tên Phổ Hiền, cũng muốn ghi danh". Tỉnh dậy thấy lạ, bỗng nhớ tới phẩm Ly Thế Gian của kinh Hoa Nghiêm có tên hai vị Bồ-tát Phổ Tuệ, Phổ Hiền. Hai đại Bồ-tát này, sao thầm gia hộ như thế? Liền ghi hai Bồ-tát làm hội thủ. Đại sư Liên Trì nói: 'Hễ tăng kết liên xã, cổ thanh ghi danh. Đúng! Tịnh độ chẳng phải là duyên nhỏ, hễ bằng sự chân thành, thì minh thông linh ứng, chẳng phải miễn cưỡng.

Cao Tăng Vãng Sanh Loại

Đại sư Huệ Viễn. Huệ Viễn người Lâu Phiền, Nhạn Môn, thời Đông Tấn. Bác thông thế điển, đặc biệt giỏi lục kinh (Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu). Nghe pháp sư Đạo An giảng kinh Bát-nhã, liền khai ngộ xuất gia. Năm thứ 6 niên hiệu Thái Nguyên, qua Tầm Dương, thấy Lô Sơn nhàn tịch, có thể ẩn tu, liền cảm sơn thần hiện mộng, một đêm mưa gió sấm sét, cây gỗ tự đến. Thứ sử Hoàn Y, xây đại điện, đặt tên Thần Vận. Do Huệ Vĩnh ở Tây Lâm, nên gọi chỗ ngài là Đông Lâm. Lập Liên Hoa xã, 30 năm không ra khỏi chùa, chuyên chí Tây Phương. Đặt ra sáu thời, niệm Phật không dứt. Cao tăng, học giả nhà Nho sự Liên xã 123 vị, trừng tâm hệ niệm, ba lần thấy Phật A-di-đà, nhưng giấu không nói ra. 19 năm sau, đêm 30 tháng 7, ở Bát-nhã, vừa xuất định, thấy Phật A-di-đà, thân khắp hư không, vô lượng hoá Phật, Quan Âm Thế Chí hầu hai bên trái phải. Lại thấy dòng chảy ánh sáng, phân làm 14 nhánh, chảy vòng quanh lên xuống, diễn thuyết diệu pháp. Phật bảo: "Ta dùng bổn nguyện lực, đến an ủi con, sau bảy ngày, con sẽ sanh lên nước ta". Lại thấy Phật-đà-da-xá, Tuệ Trì, Tuệ Vĩnh, Lưu Di Dân, đều ở bên Phật. Sư mừng rỡ, bảo các môn nhân rằng: "Khi ta mới tới đây, đã ba lần thấy Thánh tướng, nay lại thấy nữa, ắt sanh Tịnh độ vậy". Đến kỳ, ngồi yên mà hoá, lúc đó vào ngày mồng 6 tháng 8 năm niên hiệu Nghĩa Hy thứ 12.

Tuệ Vĩnh. Tuệ Vĩnh đời nhà Tấn, người Hà Nội. Xuất gia năm 2 tuổi, đệ tử Đạo An, cùng bổn sư với Tuệ Viễn. Năm đầu niên hiệu Thái Nguyên, đến Lô Sơn, thứ sử Đào Phạm sửa nhà làm chùa Tây Lâm cho ngài ở. Ngài dứt hết duyên trần, để chí nơi An Dưỡng. Năm thứ 10 niên hiệu Nghĩa Hy mắc bệnh nặng, bỗng dậy mặc áo liệm chắp tay, chúng thất kinh hỏi, sư nói: "Phật đến rước ta". Nói xong thị tịch, hương lạ bảy ngày mới hết. Đường Huyền Tông ban thuỵ Giác Tịch Đại Sư.

Tăng Duệ. Đông Tấn tăng, người Ký Châu. Sư từng du học các phương, đến tới Thiên Trúc, sau khi trở về Quan Trung, theo đại sư La-thập, bẩm thọ nghĩa kinh. Sau nhập Liên Xã ở Lô Sơn, chuyên tâm niệm Phật. Năm thứ 16 niên hiệu Nguyên Gia đời nhà Tống, bỗng báo chúng rằng: "Ta sắp đi đây". Quay mặt về phía tây chắp tay mà tịch. Mọi người thấy một hoa sen bằng vàng trước giường sư, rồi biến mất, khói thơm ngũ sắc, trong phòng bay ra.

Tăng Hiển. Trúc Tăng Hiển đời nhà Tấn, du lịch Giang Tả, mắc bệnh, chuyên tâm niệm Phật vãng sanh Tây Phương, vất vả không lùi. Bỗng thấy ánh sang của Phật A-di-đà chiếu vào thân mình, liền hết bệnh, ngồi dậy tắm rửa, nói với mọi người những gì mình thấy, đồng thời giảng nhân quả, lời lẽ khẩn thiết, sang hôm sau ngồi yên mà chết.

Tuệ Quang. Tuệ Quang nhà Tề, ở Lạc Dương, viết các bộ sớ Hoa Nghiêm, Niết Bàn, Thập Địa. Một hôm mắc bệnh, thấy chư thiên xuống đón, Quang nói: "Tôi chỉ nguyện sanh về Tịnh độ mà thôi". Liền chuyên chí niệm Phật, sau thấy hoá Phật xuống đón, Quang lạy xuống nói: "Nguyện nhiếp thọ con". Vừa nói xong, liền tắt thở.

Đạo Trân. Đạo Trân đời nhà Lương, ở Lô Sơn tu tịnh nghiệp, từng mộng thấy có một chiếc thuyền đi về phía tây, hỏi đi đâu, người trên thuyền trả lời về nước Cực Lạc. Trân xin đi theo, người trong thuyền nói: "Ông chưa xây nhà tắm cho tăng, chưa tụng kinh A-di-đà, không được theo". Sau khi tỉnh dậy, liền xây nhà tắm cho tăng, tụng kinh A-di-đà. Sau thấy một cái đài bạc hạ xuống mặt hồ. Trân giữ kín tướng lành ấy, không nói cho ai nghe. Một đêm nọ, người trong thôn thấy lưng chừng núi, có cả ngàn ngọn nến, tưởng là các vua chư hầu bái kiến thiên tử. Ngày mai hỏi thăm, mới biết Trân đã thị tịch.

Thần Loan. Đàm Loan nhà Hậu Nguỵ, lúc nhỏ du lịch Ngũ Đài Sơn, cảm động sự linh dị mà xuất gia, nhưng tánh thích trường sinh, theo học Tiên Kinh của Đào Ẩn Cư. Sau gặp Bồ-đề Lưu-chi, bèn hỏi: "Phật có thuật trường sinh bất tử không?" Chi cười nói: "Trường sinh bất tử, là của đạo Phật". Bèn trao cho cuốn "Thập Lục Quán Kinh", bảo: "Hành trì theo kinh này, thì không còn sanh trở lại trong tam giới nữa, không còn qua lại trong sáu đường nữa, đó là trường thọ vậy, hằng sa kiếp thạch cũng không thể sánh". Loan vui mừng, đốt kinh Tiên, chuyên tu tịnh nghiệp. Nóng lạnh bệnh tật, chưa từng có chút biếng nhác, vua Nguỵ gọi là Thần Loan. Một hôm thấy một thầy

người Thiên Trúc bảo rằng: "Tôi là Long Thọ, vì thầy cùng chí, nên đến thăm". Loan tự biết giờ đến, tập họp chúng dạy: "Các khổ địa ngục, không thể không sợ; cửu phẩm Tịnh độ, không thể không tu". Bảo đệ tử niệm Phật lớn tiếng, rạp mình lạy về hướng Tây mà tịch. Đại chúng nghe nhạc trời từ hướng Tây đến, rất lâu mới hết.

Đại sư Trí Giả. Trí Khải đời nhà Tuỳ, hiệu Trí Giả đại sư. Lúc nhỏ thấy tượng là lễ, thấy sư là xá, năm 18 tuổi, xuất gia ở chùa Quả Nguyện. Sau lễ Tuệ Tư làm thầy, viết "Quán Kinh Sớ", và "Thập Nghi Luận", tán dương Tịnh độ. Sắp thị tịch, bảo chúng đệ tử rằng: "Duyên đời đã mãn". Xướng đề kinh "kinh Thập Lục Quán" xong, lại nói: "Tây Phương Tịnh độ, dễ đến không người, tướng xe lửa hiện. Một niệm cải hối, còn được vãng sanh, huống người giới định huân tu?" Trí Lãng hỏi: "Không biết đại sư lên quả vị nào?" Sư nói: "Chỉ lên ngũ phẩm". Lại nói: "Quán Âm đại sĩ đến đón ta". Nói xong, xưng Tam bảo danh, như nhập thiền định.

Đăng pháp sư. Đăng pháp sư đời nhà Tuỳ, giảng kinh Niết-bàn ở chùa Hưng Quốc, Tịnh Châu. Những người đến nghe kinh, sư đều khuyên niệm Phật vãng sanh. Năm thứ 12 niên hiệu Khai Hoàng mạng chung, hương lạ đầy phòng. Khi chôn, mây lành thơm phúc, che khắp trời đất.

Hoà thượng Thiện Đạo. Thiện Đạo đời nhà Đường, nào năm Trinh Quán gặp đạo tràng Cửu Phẩm của thiền sư Đạo Xước ở Tây Hà, vui mừng nói: "đây quả là cốt yếu của nhập Phật". Bèn hết long tu tập, ngày đêm không nghỉ. Mỗi khi nhập thất, quỳ niệm Phật, hết sức mới nghỉ. Bất kể lạnh như nóng, ra khỏi thất là nói pháp Tịnh độ cho người, hơn 30 năm chưa từng ngủ nghỉ. Thích ăn đồ thừa bỏ, hôi dơ tự dọn. Suốt cuộc đời, tiền cúng dường, ngài mang chép được 10 vạn quyển kinh Di-đà, vẽ 300 tấm Tịnh Độ Biến Tướng Đồ (Biến tướng: tranh vẽ hình Phật và những câu chuyện trong kinh), những người được ngài giáo hoá rất nhiều. Có người tụng kinh Di-đà 10 vạn biến, đến 50 vạn biến; có người niệm Phật một ngày một vạn danh hiệu, đến 10 vạn danh hiệu; những người đắc niệm Phật Tam-muội, vãng sanh Tây phương rất nhiều, không thể tính đếm. Kệ khuyến thế của ngài rằng: "Dần dần da nhăn tóc bạc, kìa ai gối mỏi chân run; dù cho vàng ngọc đầy nhà, khó tránh thân già khổ bệnh; dù anh đủ các khoái lạc, vô thường cũng đến ghé thăm; chỉ có đường tắt tu hành, là niệm A-di-đà Phật". Một hôm bỗng bảo mọ người rằng: "Thân này đáng chán, tôi về Tây đây". Bèn leo lên cây liễu mà tịch. Cao Tông biết, ban hiệu chùa "Sắc Tứ Quang Minh".

Khang Pháp sư. Thiếu Khang đời nhà Đường, người Tấn Vân, 15 tuổi thông "Pháp Hoa", "Lăng Nghiêm". Trong những năm Trinh Nguyên, thấy chữ trong chùa Bạch Mã phóng quang, đến nơi, thì là "Văn Hoá Đạo Tây Phương" của hoà thượng Thiện Đạo. Liền nguyện rằng: "Nếu có duyên với Tịnh độ, xin phóng quang lần nữa". Nguyện xong, ánh sáng rực rỡ hơn. Bèn đến ảnh đường của hoà thượng Thiện Đạo ở Trường An chiêm lễ, bỗng thấy

di ảnh bay lên không trung. Sau đến Tân Định, trước dạy trẻ con niệm Phật. Lúc đầu, người nào niệm một câu, cho một xu. Kế đến niệm mười câu, cho một xu. Hơn một năm, bất kể lớn nhỏ giàu nghèo đều biết niệm Phật. Lại xây dựng đạo tràng Tịnh độ ở núi Ô Long, khuyến khích tu học. Hai mươi mốt năm sau, vào ngày 3 tháng 10, dặn dò tăng tục rằng: "Nên khởi tâm vui thích Tịnh độ, khởi tâm yếm ly Ta-bà". Liền phóng mấy đường ánh sáng rồi tịch.

Hoài Ngọc. Hoài Ngọc đời nhà Đường, người Đài Châu. Mặc áo bố ăn ngày một bữa, thường ngồi không nằm. Tụng kinh Di-đà 30 vạn biến, niệm Phật một ngày năm vạn câu. Thiên Bảo Nguyên niên, Thấy thánh tượng đầy khắp hư không, một người mang đài bạc tới, Hoài Ngọc nghĩ: "Ta một đời tinh tấn tu hành cốt chí tâm ở đài vàng, nay chỉ được đài bạc ta quyết không vãng sinh. Suy nghĩ thế xong thì thấy Đức A Di Đà từ từ bay về hương Tây biến mất. Từ ấy trở đi Hoài Ngọc càng thêm tinh tấn, ngày 21, Phật cùng chư Bồ Tát lại hiện khắp cả hư không, đức A Di Đà lần này tay cầm đài vàng đến tiếp dẫn. Ngọc nghĩ: Nguyện ta đã trọn vậy. Bèn chắp tay hướng về phía Tây thị tịch, lúc ấy trong không trung phát ra muôn ngàn âm nhạc. Thái Thủ Tụng nói rằng : "Thầy tôi một niệm lên sơ địa, trăm ngàn khí nhạc thảy đồng ca; cây hòe cổ thụ nơi đầu ngõ, trên cành có quải một kim đài".

Đạo Ngang. Đạo Ngang đời nhà Đường, người Nguỵ Quận, thường giảng Hoa Nghiêm, Địa Luận, khuyên người cầu sanh Tây phương. Sau biết trước giờ chết, bảo tháng 8 thị tịch, nhiều người không tin. Đến ngày mồng 1 tháng 8, không bệnh hoạn, hỏi giờ ngọ đến chưa, bèn thăng toà, tự đốt hương trầm, dẫn tứ chúng thuyết giới Bồ-tát. Thuyết xong, thấy chư thiên sặc sỡ, âm nhạc lảnh lót, bảo chúng rằng: "Đâu-suất Đà Thiên đón ta. Nhưng thiên đạo là gốc sanh tử, chẳng phải bổn nguyện của ta. Ta vốn cầu sanh Tây phương, nhưng không biết vì sao không được". Chốc lát thiên nhạc ẩn mất, hương hoa kỹ nhạc Tây phương hiện ra, đầy cả hư không. Đại chúng nhìn lên, trầm trồ khen ngợi. Ngang nói: "Tướng Tịnh độ hiện, ta vãng sanh đây". Nói xong, lư hương bỗng rơi xuống tay, liền nơi toà cao mà hoá.

Tăng Huyễn. Tăng Huyễn đời nhà Đường, người Tịnh Châu. Ban đầu niệm Di-lặc, cầu sanh trời Đâu-suất. Năm 90 tuổi, gặp ngài Đạo Xuyết, được nghe Tịnh độ, mới đổi sang niệm Phật Di-đà, ngày lạy cả ngàn lạy, một long không mệt mỏi. Sau có bệnh, bảo đệ tử rằng: "Phật A-di-đà, trao cho ta hương y. Quan Âm, Thế Chí hầu hai bên trái phải, ta đi đây". Nói xong thị tịch. Bảy ngày hương lạ chưa hết. Lúc ấy có hai thầy Khải Phương, Viên Quả, chính mắt thấy việc ấy, cũng phát tâm dũng mãnh, nguyện sanh Tây phương. Ngày đêm niệm Phật không ngừng, bỗng thấy bên hồ thất bảo, Phật và đại sĩ ngồi bảo đài, hai thầy đảnh lễ. Đức Phật A-di-đà nói: "Người nào niệm danh hiệu ta, đều được sanh lên nước ta". Lại thấy ba bậc thềm báu, bậc dưới toàn người cư sĩ, bậc thứ hai nửa tăng nửa tục, bậc thứ ba toàn tu sĩ. Tất cả đều chí

tâm niệm Phật, sanh lên nước ấy. Năm ngày sau, bỗng nghe tiếng chuông, hai thầy cùng viên tịch.

Thọ Hồng. Thọ Hồng đời nhà Đường, người Phần Dương. Một long niệm Phật, cầu sanh Tây phương. Lâm chung, thấy thiên tử trời Đâu-suất đến đón. Hồng nghĩ: "Ta cầu Tây phương, không sanh lên cõi trời". Liền bảo chúng niệm Phật, không lâu, Hồng nói: "Phật từ Tây phương đến". Nói xong liền ra đi.

Đại Hành. Đại Hành đời nhà Đường, ở núi Thái, tu Phổ Hiền Sám Pháp ba năm, cảm đại sĩ hiện thân. Về già vào nhà chứa kinh, thuận tay rút cuốn kinh A-di-đà, ngày đêm trì tụng đến 21 ngày. Thấy trên đất lưu ly, Phật và thánh chúng hiện thân. Vua Hy Tông nghe chuyện, vời vào cung, ban hiệu Thường Tinh Tấn Bồ-tát. Một năm sau, đât lưu ly lại hiện, ngày hôm đó vãng sanh. Mùi hương lạ cả tuần, nhục thân không hoại.

Minh Thiêm. Minh Thiêm đời nhà Đường, về già chuyên tâm nơi Cực Lạc, niệm Phật không ngừng. Có người mỉa mai già rồi, sư nói: "Mười niệm thành công, vẫn được thấy Phật. Lo gì?" Sau có chút bệnh, làm chay từ biệt mọi người ở chùa Hưng Thiện. Lúc ấy Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối đều có dự. Quá ngọ, sửa thân niệm Phật, liền nói: "Phật đến rồi, hai đại sĩ cũng đến". Đứng dậy chắp tay mà tịch.

Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ. Diên Thọ thời Ngô Việt, người Dư Hàng. Lúc chưa xuất gia làm quan coi kho của huyện, lấy bạc của kho đến Tây Hồ mua cá phóng sanh, mắc tội chết. Nghe sắp tử hình, sung sướng nói: "lần này tuy chết, nhưng chắc chắn được vãng sanh Tây phương. Chúng sanh được ta thả, không biết bao nhiêu mà kể". Tiền Mục Vương phóng thích cho làm tăng, ban cho tên Diên Thọ. Xuất gia với Thuý Nham, tham học với Thiều quốc sư ở Thiên Thai, phát minh tâm yếu. Sau ở chùa Vĩnh Minh, chuyên tu tịnh nghiệp, tối qua núi khác, hành đạo niệm Phật. Người ta thường nghe nhạc trời trên không, vua Trung Ý khen rằng: "Từ xưa đến nay cầu Tây phương, chưa ai thiết tha như vậy". Bèn cho xây dựng Tây Phương Hương Nghiêm Điện, để cho thành tựu chí nguyện. Sáng sớm ngày 26 tháng 2 năm thứ 8 niên hiệu Khai Bảo, đốt hương báo chúng, ngồi kiết già mà tịch. Sau có một thầy đến từ Lâm Xuyên, hằng ngày đi nhiễu quanh tháp. Có người hỏi vì sao nhiễu tháp, sư nói: "Tôi bị bệnh chết xuống âm phủ, thấy bên trái điện thờ một tượng tăng, Minh Vương sáng tối lễ bái, hỏi, có người nói: "Đó là thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ ở Hàng Châu. Ai chết cũng qua đây, thầy này sanh Tây phương thượng thượng phẩm, Diêm vương trọng đức, nên lễ kính".

Chí Thông. Chí Thông nhà Hậu Tấn, người Phụng Tường. Nhân thấy nghi thức Tịnh độ của đại sư Trí Giả, thích quá, từ đó chuyên tâm niệm Phật. Sau thấy bạch hạc khổng tước phía Tây hạ xuống, lại thấy hoa sen búp nở trước mặt, bèn nói: "bạch hạc khổng tước, là cảnh Tịnh độ; tướng liên hoa

quang, là nơi thọ sanh. Tịnh độ hiện vậy". Liền đứng dậy lễ Phật mà đi. Khi hoả tang, có mây lành ngũ sắc, quây quần trên ngọn lửa, xá lợi vô số.

Viên Tịnh Thường pháp sư. Tỉnh Thường đời nhà Tống, người Tiền Đường, bảy tuổi xuất gia, 17 tuổi thọ giới Cụ túc, giới luật tinh nghiêm. Sau trụ ở chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ, Hàng Châu, mộ di phong của Lô Sơn, bèn chích máu chép phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm, hồi hướng Tây phương. Những sĩ đại phu dự hội, xưng đệ tử Tịnh Hạnh, và Văn Chánh Công Vương Đán làm thượng thủ, nhất thời công khanh quan lại cộng 120 người, Tỳ-kheo 1000 người. Hàn lâm Tô Dị Giản, viết lời tựa phẩm Tịnh Hạnh, đến nói: "Tôi sẽ trải tóc để nâng chân Phật, xẻo thịt để được nghe pháp, mà còn không từ, huống hồ một chút học thức kém cõi, mà tiếc sao!" Ngày 12 tháng giêng năm Thiên Hy, kiết già niệm Phật. Một lát, bỗng nói: "Phật đã đến." Rồi an nhiên mà tịch.

Tịnh Quán. Tịnh Quán đời nhà Tống, trụ am Tịch Quan ở Gia Hoà, tu Tịnh Độ Sám Pháp hơn 10 năm, bảo đệ tử rằng: "Ta qua ngày 27 sẽ đi". Đến kỳ trước hai ngày, thấy hoa sen hồng, ngày kế lại thấy sen vàng đầy thất, có hoá đồng tử ngồi trên hoa sen, buộc đai tiên. Đến ngày thứ ba, vào khám thờ ngồi, bảo chúng niệm Phật, một lát liền đi.

Từ Vân Sám Chủ. Tuân Thức đời nhà Tống, người huyện Lâm Hải, Đài Châu. Học hàng cao cổ, nổi danh cả Chiết Tây, Chiết Đông. Chuyên tu Tịnh độ, thường hành Ban Chu Tam-muội, 90 ngày đêm không ngủ nghỉ, da chân rách nát, ói ra máu. Mộng thấy Quan Âm lấy tay chỉ vào miệng, cho uống Cam-lộ, thấy thân tâm mát mẻ, bệnh liền lành. Viết "Tịnh Độ Quyết Nghi Hạnh Nguyện", và "Tịnh Độ Sám Pháp" lưu hành nơi cõi đời. Hôm sắp lâm chung, đốt hương lễ Phật, nguyện sanh Tây phương, tối thì viên tịch, mọi người thấy sao rơi ở núi Linh Thứu.

Viên Chiếu Tông Bổn thiền sư. Tông Bổn đời nhà Tống, người Vô Tích, Thường Châu. Ban đầu nương thiền sư Thiên Y Hoài, niệm Phật có chút đắc lực, sau đến Tịnh Từ, phụng chiếu vào Đông Kinh. Hằng ngày mật tu Tịnh độ. Pháp sư Lôi Phong, hồn du Tịnh độ, thấy một đoá hoa đẹp, hỏi, có người nói: "Hoa này đợi Tịnh Từ Tông Bổn thiền sư." Lại Tư Phúc Hi Công, cũng đến đảnh lễ cúng vàng, hỏi nguyên do, Công nói: "Trong định thấy hoa sen bằng vàng, sen ấy đợi Tông Bổn". Lại thấy hoa sen vô số, trong đó có một hoa bị héo, hỏi thì được trả lời: "Sen này của người thoái đoạ". Hỏi: "Tông Bổn tu thiền, vì sao có tên nơi Tịnh độ?" Trả lời: "Tuy ở nhà Thiền, nhưng cũng tu Tịnh độ". Sau lâm chung, ngồi yên mà tịch. Thuỵ hiệu Viên Chiếu thiền sư.

Cửu Pháp Hoa. Khả Cửu đời nhà Tống, ở Minh Châu, thường tụng Pháp Hoa, nguyện sinh Tịnh độ, người thời bấy giờ gọi "Cửu Pháp Hoa". Năm Nguyên Hựu thứ 8, 81 tuổi, ngồi tịch. Ba ngày sau sống lại, bảo mọi người rằng: "Ta thấy cảnh Tịnh độ, giống như trong kinh nói, trên đài sen,

đều có tên người được sanh lên. Thấy một đài vàng, ghi tên Huân Công viện Quảng Giáo phủ Thành Đô, một ghi Tôn Thập Nhị Lang ở Minh Châu, một ghi Khả cửu. Một đài bạc, ghi Từ Đạo Cô ở Minh Châu". Nói xong lại chết. Năm năm sau Từ Đạo Cô chết, hương lạ khắp phòng. Mười hai năm sau Tôn Thập Nhị Lang chết, nhạc trời cung đón, đều như báo trước. Hoa sen đề tên, có người sẽ cho là không thật, nhưng một người sau khi ngồi tịch sống lại, lại huyền ký trước mấy năm, chẳng lẽ không đáng tin sao?

Đại sư Tiệt Lưu. Đại sư tên Hành Sách, con thứ 8 của Tưởng Tư Nông (một chức quan) ở Nghi Hưng thời Minh mạt. Cha là Lộc Trường tiên sinh, mộng thấy đại sư Hám Sơn vào phòng ngủ của hai ông bà, lát được báo Dương phu nhân sanh được một công tử, chính là sư. Năm 18 tuổi, cha mất, chôn cất xong, theo hoà thượng Nhược Am Thông Vấn xuất gia. Sau nhận lời thỉnh mời của viện Phổ Nhân ở Ngu Sơn, xiển dương pháp môn Tịnh độ, mỗi ngày sáu thời niệm Phật, tự đặt công khoá ngày một vạn danh hiệu Phật, dù bận cũng không được thiếu. Từng soạn "Liên Tạng" 1 tập. Ngày mồng 9 tháng 7 năm thứ 19 niên hiệu Khang Hy thị tịch. Phút lâm chung, có đồng tử phương xa ngay giờ ngọ trai, đang ăn bỗng thả đũa, cả buổi mới tỉnh. Hỏi vì sao, đồng tử nói: "Giờ khắc đó có Tiệt Lưu hoà thượng vãng sanh, thổ địa sai con nâng phan để tiễn". Lại có người họ Ngô ở phía Nam thành, chết đã mấy ngày, bỗng nhập vào đứa nhỏ trong nhà nói, đích thân thấy Minh vương quỳ đưa tiễn, hôm đó ở Minh Phủ nghỉ hành hình một ngày.

Tăng Ni Vãng Sanh Loại

Ni Đại Minh. Ni Đại Minh đời nhà Tuỳ, mỗi khi vào thất lễ niệm, mặc đồ sạch sẽ, miệng ngậm trầm hương, Văn Đế sau rất tôn trọng. Ngày lâm chung, mọi người nghe trầm hương đầy thất, phút chốc ánh sáng như mây, mờ dần về hướng Tây.

Ni Tịnh Chân. Ni Tịnh Chân đời nhà Đường, ở chùa Tích Thiện, Trường An, đi khất thực mặc áo vá, tụng kinh Kim Cang 10 vạn biến, một long niệm Phật. Bảo đệ tử rằng: "Trong 5 tháng, thấy Phật mười lần, hai lần thấy đồng tử đùa vui trên hoa sen báu, ta đã được sanh thượng phẩm". Nói xong, kiết già mà tịch, ánh sáng lành đầy thất.

Ni Ngộ Tánh. Ni Ngộ Tánh đời nhà Đường, ở Lô Sơn niệm Phật, chí nguyện vãng sanh, bỗng nghe âm nhạc trên không trung, bảo các đệ tử rằng: "Ta đã được sanh trung phẩm, thấy những người cùng chí tinh tấn niệm Phật, đều có hoa sen đợi chờ, các con cố gắng nỗ lực". Nói xong liền tịch.

Ni Năng Phụng. Ni Năng Phụng đời nhà Tống, người Tiền Đường. Chuyên tu tịnh nghiệp, từng nằm mộng thấy ánh sáng Phật chiếu vào thân mình, và nghe những tiếng an ủi trong không trung, báo với đồ chúng rằng: "Giờ vãng sanh đã đến". Giây lát, nghe tiếng niệm Phật của Phụng rất mãnh liệt, nhìn vào thì thấy chắp tay về phía Tây mà tịch, hương lạ khắp phòng, âm nhạc xa xa phía Tây.

Ni Pháp Tạng. Ni Pháp Tạng đời nhà Tống, ở Kim Lăng, chuyên chí niệm Phật, bất kể bận rảnh, đêm thấy Phật Bồ-tát đến, ánh sáng chiếu diệu, chắp tay niệm Phật mà đi.

Lời bàn: Đại sư Liên Trì nói: "Phật cho Di mẫu xuất gia, than chánh pháp do đây mà diệt. Những người nữ xuất gia, đều được như năm người trên, thì chánh pháp xương thạnh, nhưng thực sự không được vậy, Phật huyền ký, không sai vậy".

Vương Thần Vãng Sanh Loại

Ô Trường quốc vương. Vua Ô Trường, tuy bận trăm công ngàn việc, nhưng vẫn tranh thủ niệm Phật. Từng bảo thị thần rằng: "Trẫm làm vua, tuy hưởng phúc lạc, nhưng đâu tránh được vô thường. Nghe nước Phật A-di-đà ở Tây phương, có thể bền lâu, trẫm sẽ phát nguyện, cầu sanh Tây phương". Do đó ngày đêm sáu thời hành đạo niệm Phật, mỗi lần cúng tăng, vua và phu nhân, đích thân sớt bát, suốt 30 năm không gián đoạn. Khi sắp băng hà, sắc mặt tươi vui, cùng thấy hoá Phật đến đón, rất nhiều điềm lành.

Tống Thế tử. Tống Nguỵ Thế Tử, cha con ba người, cùng một quận chủ, cùng tu Tây phương, chỉ vợ không tu. Sau quận chủ chết sớm, chết 7 ngày sống lại, bảo mẹ rằng: "Con thấy trong hồ thất bảo ở Tây phương, con, ba và anh, ba người đều có hoa sen, sau sẽ sanh lên ở đó. Chỉ có mẹ không có, do đó con quay trở lại báo đáp, mong mẹ sớm niệm Phật". Nói xong, lại nhắm mắt ra đi. Người mẹ từ đó phát khởi niềm tin, niệm Phật không mệt mỏi, sau cũng ngồi mà tịch, lâm chung đều có điềm lành.

Tham quân Lưu Di Dân. Lưu Di Dân đời nhà Tấn, người Bành Thành, hậu duệ của Sở Nguyên Vương. Từ nhỏ đã mồ côi cha, thờ mẹ nổi tiếng có hiếu. Ban đầu làm Phủ tham quân, sau từ chức ẩn cư. Tạ An, Lưu Dụ cùng tiến cử nhưng không chịu, vào Lô Sơn, tham dự Liên xã của đại sư Tuệ Viễn, chuyên chí niệm Phật, siêng năng không biếng trễ. Từng trong định, thấy ánh sáng của Phật, toàn sắc vàng. Trải qua 15 năm, thấy Phật A-di-đà phóng ánh sáng nơi giữa chân mày, đưa tay an ủi. Di Dân chắp tay khẩn thiết nói: "Như Lai có thể lấy tay xoa đầu con, lấy y che thân con không?" Phật liền lấy tay xoa đầu, lấy y đắp lên cơ thể Di Dân. Một đêm nọ, lại mộng thấy Phật A-di-đà sau gáy có viên quang, ngực có chữ 卍 vạn, chỉ nước tám công đức trong hồ, bảo uống, Di Dân uống thấy ngọt, nghe mùi hương lạ phát ra các lỗ chân long, bèn bảo mọi người rằng: "Duyên Tịnh độ đến rồi". Thắp hương đối trước Phật nguyện: "Con nhờ di giáo của Phật Thích-ca, biết có Phật A-di-đà, con đốt hương trước cúng Phật Thích-ca, kế cúng Phật A-di-đà, và kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nguyện tất cả chúng sanh, đều sanh về Tịnh độ". Nói xong, chắp tay về hướng Tây mà tịch.

Trương Địch trợ giáo. Trương Địch đời nhà Tống, người Tiền Đường. Quan trợ giáo, thọ Bồ-tát giới với luật sư Viên Tịnh. Hỏi thăm pháp môn Tịnh độ, dốc chí tu trì, thệ sanh An Dưỡng. Mỗi khi niệm Phật, rống cao cho

đến khi hết hơi mới thôi. Một hôm nói với Viên Tịnh rằng: "Trong định thấy chim Ca-lăng-tần-già trắng, chao liệng trước mắt". Ba năm sau, ngồi quay mặt hướng Tây, niệm Phật mà tịch.

Tiến sĩ Vương Long Thư. Vương Nhật Hưu đời nhà Tống, người Long Thư. Thanh khiết đoan tịnh, thông khắp kinh sử. Một hôm bỏ hết, nói rằng: "Những thứ ấy đều là nghiệp tập, chẳng phải pháp rốt ráo, tôi quyết về Tây phương". Từ đó tinh tấn niệm Phật. Năm 60 tuổi, ăn mặc đơn giản, ngày lạy ngàn lạy, nửa đêm mới ngủ. Soạn "Tịnh Độ Văn" khuyên đời tu tịnh nghiệp. Ba ngày trước khi mất, từ biệt bạn bè, qua giờ đọc sách, như thường lễ niệm, bỗng cao giọng niệm Nam mô A-di-đà Phật, "Phật đến đón ta", ngồi yên mà tịch. Có người mộng thấy hai đồng tử, dắt ngài đi về hướng Tây, vì vậy nhà nhà vẽ tượng, cúng ngài như thần.

Cát Phồn đại phu. Cát Phồn đời nhà Tống, người Trừng Giang. Còn nhỏ đã đỗ Khoa Đệ, làm quan đến Triều Tán. Nơi công sở nhà riêng, đều làm tịnh thất, thiết tượng Phật. Từng vào thất lễ tụng, xá-lợi từ trên không rơi xuống. Hằng ngày dung tịnh nghiệp khuyến hoá mọi người, phần nhiều nghe theo. Có một thầy trong định hồn lên Tịnh độ, thấy Cát Phồn ở đó. Sau không bệnh, ngồi quay mặt về phía Tây mà tịch.

Đề Hình Dương Vô Vi. Dương Kiệt đời nhà Tống, người Vô Vi châu, hiệu Vô Vi Tử. Tuổi trẻ đăng khoa, làm quan đến chức Thượng Thư, Đề điểm hình ngục Chiết đông, Chiết tây. Tôn sung Phật pháp, giác ngộ thiền tong, nhưng bảo chúng sanh căn có lợi độn, chỉ có Tây phương Tịnh độ, dễ hiểu dễ hành. Từng viết lời tựa của "Thiên Thai Thập Nghi Luận", lời tựa của "Tịnh Độ Quyết Nghi Tập", xiển dương pháp môn Tịnh độ. Về già vẽ tượng Phật Di-đà một trượng sáu, tuỳ hạnh cúng dường. Chiêu cảm Phật đến đón, ngồi yên mà tịch.

Văn Ngạn Bác lộ công. Văn Ngạn Bác đời nhà Tống, sung tín Tam bảo, chuyên tu tịnh nghiệp. Lúc ở Kinh Sư, kết xã niệm Phật với pháp sư Tịnh Nghiêm. Từng giáo hoá cả vạn người, các đại sĩ phu thời bấy giờ từng viết kệ tặng Ngạn Bác rằng: "Biết anh dũng cảm lớn như trời, nguyện kết Tây phương chục vạn người; không chỉ một mình sanh Tịnh độ, mọi người đều được đứng đầu thuyền". Lâm chung không bệnh, an nhiên niệm Phật mà đi.

Chung Ly Thiếu sư. Chung Ly Cẩn đời nhà Tống, ngày còn làm Đề Hình ở Chiết Tây, gặp Từ Vân Sám chủ, bèn tin sâu Tịnh độ. Sau làm ở Khai Phong, ra cơ quan thì tận tuy với việc nước, về nhà thì niệm Phật không mệt mỏi. Bỗng nửa đêm hối thúc gia nhân dậy, đòi tắm rửa thay áo ngồi tịch. Cả nhà thấy Cẩn ngồi trên hoa sen xanh, nhạc trời cung đón về Tây.

Quận thủ Tiền Tượng Tổ. Tiền Tượng Tổ đời nhà Tống, hiệu Chỉ Am. Ngày còn làm quận thủ Kim Lăng, ngoài việc quan, niệm Phật không nghỉ. Từng ở Hương Châu, xây dựng hơn mười nơi tiếp đãi am viện, đều lấy Tịnh độ Cực Lạc đặt tên. Từ khi từ chức Tả Thừa Tướng, càng chuyên tâm niệm

Phật hơn. Tháng 2 năm thứ 4 niên hiệu Gia Định, có chút bệnh, đòi bút viết kệ, kiết già mà tịch. Sau có người mộng Tượng Tổ sanh Tây phương làm Bồ-tát Từ Tế.

Vương Mẫn Trọng Thị Lang. Vương Cổ đời nhà Tống, tự Mẫn Trọng, làm quan đến chức Lễ Bộ Thị Lang. Từ nhân ái vật, 7 đời không sát sanh, tỏ ngộ thiền tông, lại để tâm Tịnh độ. Sáng tác "Trực Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập" 3 quyển, phổ khuyến niệm Phật, đi đứng nằm ngồi, chỉ quán tưởng niệm Phật, tay chưa từng rời xâu chuỗi. Sau ngồi yên niệm Phật, tắm rửa thay đồ mà tịch. Có một thầy hồn lên Tịnh độ, thấy Vương Cổ và Cát Phồn ở đó, vãng sanh càng có chứng cứ.

Cư sĩ Vãng Sanh Loại

Chu Tục Chi. Chu Tục Chi đời nhà Tấn, người Nhạn Môn. Mười hai tuổi thông Ngũ kinh (thi, thư, dịch, lễ, xuân thu), Ngũ vĩ (kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ), hiệu "Thập Kinh Đồng Tử". Công Khanh tiến cử, đều không chịu nhậm chức. Theo Tuệ Viễn ở Lô Sơn, tham dự Liên xã. Văn Đế lên ngôi, triệu vào cung đối đáp, vua đại hỷ, thời bấy giờ gọi Thông Ẩn tiên sinh. Sau ở Chung Sơn, chuyên tâm niệm Phật, càng già càng tinh tấn. Một ngày nhìn lên không trung nói: "Phật đến đón ta". Chắp tay mà tịch.

Tống Mãn. Tống Mãn đời nhà Tuỳ, người Thường Châu. Đếm hạt đậu niệm Phật, chứa được 30 thạch (1 thạch = 10 đấu). Tháng 9 năm thứ 8 niên hiệu Khai Hoàng, sau khi trai tăng xong, ngồi mà tịch. Mọi người thấy thiên hoa và nghe hương lạ, Tống Mãn cưỡi không về Tây.

Trịnh Mục Khanh. Trịnh Mục Khanh đời nhà Đường, cả nhà niệm Phật, trong những năm Khai Nguyên bệnh nặng, có người xin làm thịt cá dâng, cự tuyệt không cho. Tay cầm lư hương, nguyện cầu vãng sanh, bỗng hương lạ nghe khắp, yên lặng mà tịch. Người cậu là thượng thư Tô Đĩnh, mộng thấy Mục Khanh ngồi trên sen báu.

Nguyên Tử Tài. Nguyên Tử Tài đời nhà Đường, ở chùa Quan Âm, Nhuận Châu, thông kinh A-di-đà, niệm Phật. Bỗng mắc bệnh nhẹ, nghe mùi hương tiếng nhạc trong không trung, tợ có người nói: "Nhạc thô đã qua, nhạc tế tiếp đến, anh sắp đi vậy". Niệm Phật mà tịch, hương lạ mấy ngày mới hết.

Tôn Lương. Tôn Lương đời nhà Tống, người Tiền Đường. Ẩn cư đọc đại tạng, nhất là được yếu chỉ kinh Hoa Nghiêm. Thọ Bồ-tát giới với luật sư Đại Trí, ngày niệm Phật cả vạn lời, 20 năm không ngừng nghỉ. Bỗng bảo gia nhân thỉnh tăng hộ niệm, hỗ trợ vãng sanh. Chư tăng đến, niệm Phật mới một lát, hướng không trung chắp tay nói: "Phật Bồ-tát đã đến". Liền ngồi xuống mà tịch.

Vương Điền. Vương Điền đời nhà Tống, người Tứ Minh, hiệu Vô Công Tẩu. Thông đạt tong chỉ của Thiền tông, giáo môn của Thiên thai. Sáng tác "Tịnh Độ Tự Tín Lục", vãn niên chuyên tâm niệm Phật, ngồi hướng về phía Tây mà tịch. Hương lạ thơm phức, khi thiêu, được 108 viên xá lợi.

Tôn Trung. Tôn Trung đời nhà Tống, người Tứ Minh. Sớm mộ Tây phương, dựng am niệm Phật. Sau có bệnh, thỉnh trăm tăng niệm Phật, bỗng hướng không trung chắp tay, bắt Song Ấn, vui vẻ mà tịch. Cả thành nghe nhạc trời hương lạ, dần dần mất về phía tây. Hai con cũng chuyên tâm niệm Phật, lần lượt ngồi tịch.

Trầm Thuyên. Trầm Thuyên đời nhà Tống, nhà ở Tiền Đường, cùng vợ là Thi Thị, chuyên tu Tịnh độ. Những việc lành nào làm được, đều hồi hướng Tây phương Tịnh độ. Sau vợ chồng lần lượt vãng sanh, đều được Phật Bồ-tát đến đón, thiên nhạc vang rền.

Đường Thế Lương. Đường Thế Lương đời nhà Tống, người Cối Kê, trì giới niệm Phật, tụng kinh Di-đà 10 vạn biến. Một hôm bỗng nói: “Phật đến đón ta”. Nói xong tác lễ, liền mệnh chung. Có người ở núi Đạo Vị, mộng phía Tây có ánh sáng lạ, phan hoa thiên nhạc, có tiếng nói trong không trung rằng: “Đường Thế Lương đã vãng sanh Cực Lạc”.

Lục Tuấn. Lục Tuấn đời nhà Tống, người Tiền Đường. Lúc trẻ làm quan, về sau từ quan, chuyên tu Tịnh độ. Mỗi khi sám hối trước Phật, là lệ ướt mi. Lâm chung thỉnh luật sư Viên Tịnh, khai thị Tây phương, tụng “Quán Kinh” đến “Phẩm Thượng”, Viên Tịnh nói: “có thể đi được rồi”. Tuấn nói: “Chúng thánh chưa đông đủ, đợi một lát”. Giây lát, bỗng dậy đến giường tre, ngồi quay mặt về hướng Tây mà tịch.

Ngô Tử Chương. Ngô Tử Chương đời nhà Nguyên, người Tô Châu. Làm nghề thầy thuốc, cùng với anh là Tử Tài, theo hoà thượng Vân Ốc, tinh cần niệm Phật, đóng cửa hành trì. Sau không bệnh chắp tay niệm danh hiệu Phật, an nhiên mà tịch.

Liên Hoa Thái Công. Liên Hoa Thái Công đời nhà Minh, người Việt. Cả đời mộc mạc, siêng năng niệm Phật ngày đêm, sau khi chết, trên quan tài bỗng nở đoá sen, bà con kinh ngạc tán than, do đó biết chắc Thái công ắt vãng sanh.

Hoa cư sĩ. Hoa Mỗ đời nhà Minh, người Gian Can. Chân chất, chỉ biết niệm Phật cầu sanh Tây phương. Trung niên, giao hết sự nghiệp cho con cái, ở thất, không màng chuyện thế gian, sáng tối chỉ siêng năng niệm Phật. Khi sắp chung, tự biết giờ chết, thay áo mũ, vĩnh biệt mọi người mà tịch.

Ngô cư sĩ. Ngô Mao, sáu chi tộc hai họ Dương, Ngô đời nhà Thanh. Trì giới tu thiện, niệm Phật không nghỉ. Năm đầu niên hiệu Thuận Trị, gặp lính Tả Thị vượt sông, cả nhà lánh hết, chỉ một mình Ngô Mao ở lại giữ nhà, bị giặc đâm bảy giáo mà chết. Giây lát, người em đến thăm, tỉnh lại nói rằng: “Ta bị nghiệp xưa, đáng lẽ phải làm thân heo 7 kiếp, nhưng nhờ trì trai giữ giới, bị 7 mũi giáo để giải oán kia, từ đây sinh thẳng Tây phương”. Sau chủ binh Tả thị hoảng hốt thấy trên không có một vị thần, cờ lọng trước sau, tôn nghiêm không gì sánh, nói: “Ta là Ngô Mao đây. Trên đường lên thiên giới,

đi ngang qua đây”. Nói xong không thấy nữa, chủ binh liền vẽ tượng Ngô Mao để kính lễ.

Chu Ích Sinh. Chu Ích Sinh, thế tộc ở Côn Sơn. Ở sau Thị Kiều, làm nghề thầy thuốc, những ai nghèo khó chỉ giúp, không lấy tiền. Cả ngày niệm Phật không nghỉ, một lòng cầu sanh Tây phương. Năm Ất Tỵ niên hiệu Khang Hy, tuổi đã gần 70, bỗng muốn thệ thế, bảo mọi người rằng: “Lấy bút nghiên lại, ta muốn viết kệ”. Viết xong, liền an nhiên niệm Phật mà đi.

Trầm Thừa Tiên. Trầm Thừa Tiên ở Côn Sơn, ở phường Tuyên Hoá, làm nghề thợ mộc. Hơn 70 tuổi, trì trai niệm Phật, chuyên tu Tịnh độ, tay không rời búa rìu, mà tiếng niệm Phật không dứt. Tháng 3 năm thứ 10 niên hiệu Khang Hy, biết trước giờ chết, trước ba ngày, từ biệt bạn bè bà con, nói: “Tôi sắp vãng sanh Tây phương, từ đây không còn gặp nhau nữa”. báo với con cái rằng: “Cha ngày mai 15 sẽ vãng sanh”. Sáng sớm tắm rửa thay đồ, ngồi quay mặt về hướng Tây, đốt hương niệm Phật mà tịch.

Vương Mãnh Lân. Vương Mãnh Lân, con nhà Nho ở Côn Sơn, cả đời dạy học, chân chất. Có một đứa con trai, hiệu Tương Thần, rất có hiếu với cha mẹ. Mạnh Lân cả ngày chỉ niệm Phật. Niên hiệu Khang Hy thứ 41, đã ngoài 70 tuổi. Đầu đông, có chút bệnh, vào thượng tuần tháng 11 tôi hỏi, Mạnh Lân nói: “ngày 17, là ngày vía đản sanh của Phật A-di-đà, hôm đó tôi đi”. Tôi nói: “Đến ngày ấy, tôi sẽ đến tiễn tiên sinh”. Đến ngày 17, sáng sớm đến hỏi thăm, tuy nằm bệnh, nhưng vẻ mặt tự tại. Tôi nói: “tiên sinh nên phát tâm Bồ-đề. Kinh nói: ‘Tu hành không phát tâm Bồ-đề, giống như cày mà không xuống giống’”. Tôi đọc Tứ hoằng thệ nguyện, rồi giải thích kỹ, Mạnh Lân gật đầu. Tôi nói: “Tôi tạm biệt, lát nữa quay lại”. Rồi tôi dặn dò con trai Tương Thần rằng: “Nếu cha con mất, chớ có khóc lóc”. Sau giờ cơm, tôi lại đến, Mạnh Lân đã niệm Phật mà đi. Trong gia tộc của Mạnh Lân, có Trinh Sinh, là bà con bên nội của tôi. Cha Trinh Sinh là Nhan Phu, là bạn đạo của Côn Tường, sùng phụng Tam bảo. Còn anh chàng đẹp trai Trinh Sinh, giỏi viết lách, nhiều tập khí, nhưng không tín phụng. Một hôm mắc bệnh, thấy một con quỷ mặt đen to lớn, bảo là oán cừu đời trước, Trinh Sinh sợ hãi, mới tinh tấn niệm Phật, cầu sanh Tây phương. Niệm Phật hơi biếng nhác, là quỷ lại hiện. Khi lâm chung, khí lực kiệt tận, tiếng niệm nhỏ dần, mất dần về hướng Tây. Theo lý mà đoán, tuy không có dị hương thiên nhạc, nhưng chắc chắn vãng sanh Tây phương.

Tô Kỳ Sơn. Tô Kỳ Sơn ở Côn Sơn, tên Khởi Phụng, ấu niên để chí thiền tông, tham khắp tri thức, có ngộ nhập. Một đời không giết hại, trùng kiến không làm tổn thương. Về già chuyên tu Tịnh độ, đi đứng nằm ngồi, chưa từng gián đoạn. Năm Kỷ Mão niên hiệu Khang Hy, tuổi đã 80, gặp trời lạnh, quấn chăn mà ngồi, trưa ngày 26 tháng 11, bảo cháu Điện Phương rằng: “Duyên Tịnh độ đã chín, ba ngày trước, đã thấy Phật đến, ta không muốn nói ra, giờ tý đêm nay, ta sẽ vãng sanh”. Rồi dậy mặc thêm áo, đốt hương đèn,

ngồi hướng về phía Tây, bảo mọi người trong nhà trợ niệm vãng sanh. Sắp đến canh ba, tiếng niệm nhỏ dần, yên lặng mà tịch.

Ngô Kính Sơn. Ngô Kính Sơn với Tô Kỳ Sơn, ở cùng làng, bạn đạo với nhau, hơn 70 tuổi, phát nguyện tham học. Thiện hữu Tô Điện Phương thấy ông tuổi già, khuyên chuyên tu về Tây phương, có thể một đời thành tựu. Ngô Kính Sơn tin theo, ngày đêm niệm Phật không nghỉ. Chưa đến một năm, người thân của Ngô Kính Sơn đến, nói với Điện Phương rằng: "Sáng nay Kính Sơn, thấy thần Hộ Pháp hiện, tiếp dẫn vãng sanh". Lúc sắp đi an nhiên mà tịch, dặn tôi đến cám ơn".

Vương Cư Vinh. Thái Thương Vương Cư Vinh, từ nhỏ giữ giới tu học, kiến địa siêu việt. Sau tu Tịnh độ, ngày niệm cả vạn danh hiệu, nóng lạnh không nghỉ. Ngày 2 tháng 8 năm Khang Hy thứ 56, biết trước giờ chết, thỉnh trưởng lão Kiền Hành am Tịnh Danh đến, muốn ngài khai thị, đồng thời chứng minh. Mặt trời vừa đứng bóng, thầy Kiền Hành bảo: "Sao không để ngày mai hẳn đi?" Cư Vinh đáp: "Con đã quyết định hôm nay rồi". Sau khi viết kệ, bảo con gái chuẩn bị quan tài, liền chắp tay niệm Phật mà đi. Con gái bồng để vào quan tài, nhưng bồng không nổi, nguyện thầm, liền bồng lên được. Thọ thế 81 tuổi.

Đồng Tử Vãng Sanh Loại

Hai Sa-di. Hai Sa-di ở Vấn Châu đời nhà Tuỳ, cùng niệm Phật. Một trưởng giả bỗng chết, đến Tịnh độ gặp Phật,bạch rằng: "Có hai Sa-di trẻ cùng tu, có được vãng sanh không?" Phật đáp: "Nhờ họ khuyên ông, ông mới phát tâm, nay ông được về, trợ tu tịnh nghiệp, sau ba năm, sẽ cùng đến đây". Đến kỳ hai người đều thấy đến, đại địa chấn động, thiên hoa phấp phới, hai Sa-di cùng tịch.

Đồng tử Nguyện Vãng. Sư Duy Ngạn đời nhà Đường, tu Tịnh độ Sám Pháp, tinh tấn không mệt mỏi. Thấy Quan Âm, Thế Chí hiện ra trong không trung, vui mừng, muốn tìm hoạ sĩ để vẽ. Bỗng có hai người, tự nói họ vẽ được, vẽ xong biến mất. Ngạn bèn báo cho chúng đệ tử rằng: "Ta nay vãng sanh, ai đi cùng ta?" Đồng tử Nguyện Vãng xin theo, sư bảo về từ biệt cha mẹ, cha mẹ cho là nói đùa, không tin. Lát sau, tắm rửa thay đồ, đi trước. Ngạn lấy bút làm kệ khen, viết xong, cũng ngồi yên mà tịch.

Sư Tán. Sư Tán đời nhà Tống, người Ung Châu. Xuất gia từ nhỏ, năm 14 tuổi, niệm Phật không dứt. Bỗng mắc bệnh chết đột ngột, lát sau tỉnh lại, nói với thầy và cha mẹ rằng: "Phật A-di-đà ở đây, con sẽ đi theo". Hàng xóm thấy đài báu trên không trung, năm màu sáng lạ, mất dần về hướng Tây.

Hà Đàm Tích. Hà Đàm Tích đời nhà Nguyên, năm 18 tuổi, thọ Bồ-tát giới, cả ngày niệm Phật. Một hôm nghe trống canh tư liền dậy, mẹ bảo còn sớm quá. Tích nói: "Con thấy Phật A-di-đà đến, lọng hoa đón con". Bèn ngồi mà tịch.

Ngô Mỗ. Ngô Mỗ, người Chiết, tổ phụ đều là tú tài. Năm đầu niên hiệu Thuận Trị, đại binh vây thành, cha mẹ ly tán. Ngô bị bắt, phục dịch cho tướng, lúc ấy mới 13 tuổi, tự than ta vốn con nhà Nho, nay hạ tiện như vầy, ắt là túc nghiệp. Bèn lập thệ trước Phật, ăn chay niệm Phật, ngày tụng kinh Kim Cang một biến, hồi hướng Tây phương. Năm 16 tuổi, bổn quan phát lương, bèn dung tiền lương, mua hương cúng Phật, quỳ tụng thánh hiệu A-di-đà. Đến ngày 22 tháng 10 năm Đinh Dậu, bỗng báo với bổn quan, muốn sanh Tây phương. Bổn quan không tin, mắng là vọng ngôn, nói bậy. Ngày hôm sau, lại đến Đề đốc xin, Đề đốc tức giận, đưa đến bổn quan đánh 15 roi, Ngô không chút oán hận. Lại từ biệt tất cả bạn bè, nói mồng 1 tháng 11 vãng sanh. Canh 5 hôm đó, tắm rửa đốt hương, lạy Phật xong, rồi đến trên thuyền bổn quan lạy từ biệt. Bổn quan giận quá, sai lính theo đến chỗ đốt thân, thấy Ngô lạy về hướng Tây ba lạy, ngồi yên nói kệ. Nói kệ xong, tự phun lửa Tam-muội, đốt thân. Cả trại lính đều nhìn lạy từ xa, bổn quan đóng cửa trai giới. Khen rằng: "Thân mặc giáp sắt, chân đạp kim liên; nguyện các tướng sĩ, mỗi tỉnh thức liền".

Phụ Nữ Vãng Sanh Loại

Tuỳ hoàng hậu. Hoàng hậu vua Văn Đế đời nhà Tuỳ, họ Độc Cô, tuy ở vương cung, nhưng rất chán thân nữ, thường niệm Phật A-di-đà, cầu sanh Tịnh độ. Ngày Giáp Tý tháng 8 tạ thế, hương lạ đầy thất, tất cả âm nhạc, tự nhiên khởi xướng. Vua hỏi Đô-đề-tư-na, điềm lành gì vậy? Tư-na trả lời: "Hoàng Hậu chuyên tu tịnh nghiệp, được sanh nước Phật, nên có điềm lành này".

Vợ Ôn Tĩnh Văn. Vợ Ôn Tĩnh Văn đời nhà Đường, người Tịnh Châu. Nằm bệnh khá lâu, chồng khuyên niệm Phật, bèn chí tâm niệm Phật một năm. Một hôm bỗng thấy thánh cảnh Tịnh độ, nói với chồng rằng: "Em đã thấy Phật, tháng sau sẽ đi. Đồng thời dặn dò cha mẹ, cũng sanh Tây phương". Nói xong, an tường mà tịch.

Lý Thị. Lý Thị ở Hồ Môn đời nhà Tống, người Thượng Ngu. Sau khi chồng chết, ngày đêm cao thanh niệm Phật, và tụng kinh A-di-đà hơn 10 năm không biếng trễ. Một hôm thấy một thầy đội ô đỏ, nói: "Cô vào giờ Tý ngày 15 vãng sanh". Hỏi thầy là ai, thầy đáp: "Là người mà cô niệm đó". Lý Thị bèn từ biệt thân thích, ngồi yên thị tịch. Mọi người thấy ánh sáng lạ chói mắt, sau bảy ngày, thân thể như bình thường, trà tỳ xá lợi vô số. Hôm sau chỗ trà tỳ, sanh một bông hoa, giống hoa Anh Túc trắng.

Trịnh Thị. Trịnh Thị đời nhà Tống, người Tiền Đường. Hằng ngày tụng kinh Phổ Môn, niệm Phật không nghỉ. Sau khi bệnh đòi tắm rửa, tắm xong, ngồi quay mặt về hướng Tây, hỏi người nhà: "Nghe tiếng khánh không? Phật và Bồ-tát sắp đến". Kế đó mừng nói: "Phật và Bồ-tát đến rồi". Chắp tay mà tịch.

Vương Thị phu nhân. Vương Thị vợ Tống Kinh Vương, chuyên tu tịnh nghiệp, sáng tối cần mẫn. Tất cả những người hầu hạ, đều bắt chước phu nhân. Chỉ có một người thiếp giải đãi, phu nhân la trách, bèn tỉnh ngộ tinh tấn. Người thiếp ấy bỗng không bệnh mà chết, trở về báo mộng cho người thiếp khác rằng: "Nhờ phu nhân dạy, em đã được sanh An Dưỡng". Phu nhân chưa tin. Lát sau, mộng cùng dạo chơi ao báu với thiếp, thấy một hoa áo trời phấp phới, ghi rằng Dương Kiệt; một hoa triều phục dáng ngồi, ghi rằng Mã Vu. Lại thấy đài vàng, quang minh chiếu diệu. Thiếp chỉ tay nói: "Đây là chỗ sanh của phu nhân". Tỉnh mộng, càng them tinh tấn, năm 81 tuổi, sáng sinh nhật, tả hữu vừa dâng quà mừng thọ, phu nhân tay cầm hương đèn, đứng trước Quan Âm đại sĩ mà tịch.

Lục Thị Nghi Nhân. Lục Thị Nghi Nhân đời nhà Tống, vợ quan Triều Thỉnh Vương dư. Thường tụng Pháp Hoa, để tâm nơi Tịnh độ, mỗi khoá lễ, niệm cả vạn danh hiệu Phật, luôn như vậy 30 năm. Một hôm bỗng nghe trống trời tự kêu, liền ngồi quay mặt hướng Tây, hai tay bắt ấn mà tịch.

Cung Thị. Cung Thị ở Tiền Đường đời nhà Tống, ngày đêm niệm Phật, tụng kinh Di-đà. Sau mắc bệnh, thỉnh luật sư Hanh khai thị, khai thị chưa xong, ngồi yên mà tịch. Lão thiếp theo thị, cũng niệm Phật không nghỉ. Một hôm mộng thấy Cung Thị báo rằng: "Con đã sanh Tịnh độ, mẹ bảy ngày nữa vãng sanh". Đến ngày quả nhiên không bệnh mà tịch.

Hạng Thị. Hạng Thị đời nhà Tống, pháp danh Diệu Trí, goá bụa, có hai đứa con gái đều đi tu, siêng năng niệm Phật. Khi chết hương lạ đầy thất, kiết ấn quay mặt về phía Tây, cười nhẹ mà đi.

Bùi thị Nữ. Bùi thị Nữ ở Phần Dương đời nhà Tống, chuyên chí niệm Phật, nóng lạnh không nghỉ. Ngày lâm chung, đốt hương, nói "Phật mang đài sen đến đón, ta sẽ vãng sanh". Sau đó thiên hoa rơi xuống, an toạ mà tịch.

Trầm Thị. Trầm Thị đời nhà Tống, từ nhỏ ăn chay niệm Phật, lấy họ Chương, cứu người đói lạnh. Có chút bệnh, càng tinh tấn niệm Phật. Bỗng thấy chư thiên Bồ-tát thánh chúng, hiện ra trước mắt, ngày đó an tường mà đi.

Tôn Thị. Tôn Thị ở Tứ Minh đời nhà Tống, goá bụa niệm Phật, 30 năm không biếng trễ. Sau có chút bệnh, mộng thấy cùng lễ sám với 8 thầy. Tỉnh dậy, tắm rửa thay đồ, thỉnh tăng lễ sám, ngồi tụng kinh đến nhất tâm bất loạn. tay trái bắt ấn mà tịch, xa gần đều nghe tiếng nhạc trong không trung.

Lâu Thị. Huệ Tĩnh họ Lâu đời nhà Tống, lấy Chu Nguyên Khanh ở Tự Bạc. Từng đọc "Truyền Đăng", phát minh tâm địa. Đặc biệt lấy Tịnh độ làm ý hướng, niệm Phật không dứt. Về già mắc bệnh, bỗng thấy hoa sen sắc tía, có vô số hoá Phật, hương lạ đầy thất. Bảo người nhà trợ niệm, lát sau liền đi.

Tần Thị. Tịnh Kiên họ Tần đời nhà Tống, chán ghét thân nữ, trì trai giữ giới. Đọc các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Quang Minh, Bát Nhã, không để thời gian rảnh rỗi. Sáng tối tu Di-đà sám, lạy ngàn lạy mỗi ngày. Lâu sau, thấy ánh sáng vào nhà, ngồi quay mặt hướng Tây mà tịch.

Lương Thị Nữ. Lương Thị Nữ đời nhà Tống, ở Phần Dương, hai mắt đều mù, gặp sa môn khuyên niệm Phật. Hơn ba năm, hai mắt sáng lại. Sau bỗng thấy Phật Bồ-tát phan lọng đến đón, ngay hôm ấy thị tịch.

Tưởng Thị. Tưởng Thị ở Hưng Hoá, năm 40 tuổi, chồng chết, chôn cất xong, khóc với con rằng: "Vô thường đến, chẳng ai có thể thay thế. Thí như mẹ nay cũng chết, các con cũng không biết làm sao. Từ nay về sau, mẹ phát tâm ăn chay niệm Phật, mọi việc giao hết cho các con. Mấy đứa con thuận ý mẹ, che cho mẹ một chòi lá, cấm túc niệm Phật, nóng lạnh không nghỉ, trải qua 5 năm như vậy. Đến ngày 20 tháng 5 năm Canh Tý niên hiệu Thuận Trị, bỗng nói với các con rằng: "Làm cho mẹ cái quan tài, giờ ngọ ngày 23, mẹ về Tây phương". Rồi đi từ biệt hàng xóm. Đến ngày, niệm Phật mà đi.

Hạ Thị. Hạ Thị ở Tỳ Lăng, vợ Phan Hướng Cao. Hướng Cao rất tin Phật, Hạ và chồng cùng tu tịnh nghiệp, hằng ngày tụng kinh Kim Cang. Sáng tối, lễ bái niệm Phật, hồi hướng Tây phương. Tháng 7 năm Canh Thân niên hiệu Khang Hy, có bệnh, biết trước giờ ngọ ngày 29 vãng sanh. Đến ngày, con cháu tụ tập, lại thỉnh chư thiện hữu đến, đồng thanh niệm Phật, chắp tay mà đi.

Lục Thị. Lục Thị ở Thái Thương, vợ Trương Quý Tư ở Quan Ngoại. Năm 17 tuổi, trường trai niệm Phật, đồng thời tụng kinh Kim Cang, chú Đại Bi hồi hướng Tây phương. Thấy người sát sanh, tức phát nguyện cứu độ. Tháng 9 năm thứ 24 niên hiệu Khang Hy, thấy trên không trung thuyền và kiệu về hướng tây, kiệu và thuyền đều do chư tăng khiêng và chèo. Hai hôm sau, an nhiên niệm Phật mà đi, hôm ấy là ngày 26 tháng 9.

Ác Nhân Vãng Sanh Loại

Trương Thiện Hoà. Trương Thiện Hoà đời nhà Đường, làm nghề mổ trâu. Lâm chung thấy đàn trâu lại nói tiếng người đòi mạng, sợ quá bảo vợ rằng: "Nhanh thỉnh tăng sám hối cho tôi". Tăng đến bảo Trương Thiện Hoà rằng: "trong Quán Kinh nói: người lâm chung tướng ác hiện ra, chí tâm niệm Phật, tức được vãng sanh". Hoà nói: "Địa Ngục đến rồi, không có thì giờ lấy lư hương". Liền dùng tay phải bật lửa, tay trái cầm hương, quay mặt về phía Tây chí thiết niệm Phật, chưa được 10 tiếng, nói: "Phật đến đón tôi", liền ra đi.

Oánh Kha. Oánh Kha đời nhà Tống, tuy là người xuất gia, nhưng không kiêng rượu thịt. Tự nghĩ ta là người tu, mà lại làm như vậy, tương lai đoạ lạc làm sao? Nhờ huynh đệ mang cho cuốn "Vãng sanh truyện", đọc xong một truyện, gật đầu đắc ý, bèn ngồi quay mặt hướng Tây, tuyệt thực niệm Phật. Qua 3 ngày, mộng thấy Phật báo cho biết: "Con còn sống được 10 năm nữa, phải cố gắng". Kha bạch Phật rằng: "Cõi năm trược Diêm –phù, dễ mất chánh niệm, con mong sớm về An Dưỡng, phụng sự chúng thánh". Phật nói: "được, sau ba ngày ta sẽ đón con". Đến ngày, thỉnh chúng tụng kinh A-di-đà, và nói: "Phật và đại chúng đã đến". An nhiên mà tịch.

Trọng Minh. Trọng Minh, đời nhà Tống, ở chùa Báo Ân, Sơn Âm, không có giới hạnh. Một hôm mắc bệnh, bảo đồng tu Đạo Ninh rằng: "Tôi nay tâm thức tán loạn, thuốc gì trị được?" Ninh dạy tuỳ tức niệm Phật, Minh nghe lời chí tâm niệm Phật. Đến 7 ngày, kiệt lực, Ninh lại bảo quán tượng niệm Phật, lúc lâu, bỗng thấy hai vị Bồ-tát, tiếp lại thấy Phật, rồi nhắm mắt mà tịch.

Người ác vãng sanh, tâm niệm Phật cần phải dõng mãnh trăm lần, mới có thể thành công mười niệm, không thì, chắc chắn đoạ lạc tam đồ.

Ác Thú Vãng Sanh Loại

Rồng. Kinh "Bồ-tát Xử Thai" nói: "Có một con rồng, nói với Kim Xí Điểu rằng: 'Ta từ khi làm thân rồng, chưa từng sát sanh, xúc nhiễu thuỷ tộc, sau khi mạng chung, sẽ sanh về nước Phật A-di-đà'".

Chim Anh Vũ. Niên hiệu Trinh Nguyên đời nhà Đường, Bùi thị ở Hà Đông nuôi một con chim Anh Vũ, thường niệm Phật, quá ngọ không ăn, lâm chung mười niệm, tắt thở. Hoả thiêu, được mười viên Xá-lợi, sáng chói mắt. Thầy Tuệ Quán xây tháp thờ, Doãn Vi Cao ở thành đô viết lời.

Chim Sáo. Quán Công chùa Chánh Đẳng ở Hoàng Nham đời nhà Tống nuôi một con chim sáo, biết nói tiếng người. Thường niệm Phật không nghỉ. Một hôm đứng chết trong lồng, Quán Công bèn mang chôn. Ít lâu sau, nơi đầu lưỡi sanh một đoá sen màu tía.

Lại ở Đàm Châu có người nuôi một con sáo, thường niệm Phật. Khi chết, mang chôn. Không lâu sau cũng nở một đoá sen, tìm gốc, lại từ nơi đầu lưỡi.

Đại sư Liên Trì nói: "Anh Vũ, chim Sáo, người dạy niệm Phật, là chuyện thường tình. Nay không thấy vãng sanh. Ôi! Tỉ như người đời, cũng được dạy niệm Phật, nhưng có người tín tâm niệm, có người khinh tâm niệm. Do đó người niệm Phật nhiều, người vãng sanh ít. Những con Anh Vũ, chim Sáo kia, cũng như vậy.

Thêm: Thắng Liên La cư sĩ truyện

Cư sĩ Thắng Liên, chính là Duẫn Mai, con trai Lâu Đông La. Ban đầu hiệu Vô Thiên cư sĩ, sau vì sao gọi Thắng Liên cư sĩ? Mùa thu năm thứ 40 niên hiệu Khang Hy, Duẫn Mai bệnh nặng, sắp làm kệ giả từ, bỗng nghe tên không nói rằng: "Thắng Liên cư sĩ còn sống được 12 năm nữa, đừng làm kệ". Từ đó bệnh lành, người thân thấy lạ, nên đều gọi là Thắng Liên cư sĩ. Cư sĩ khi còn trong thai, cha mộng thấy một vị tăng đến xin ở nhờ, đêm đó liền sinh. Sớm biết có căn lành nhiều kiếp, năm 4, 5 tuổi, còn nhớ dung mạo, chỗ ở cha mẹ đời trước. Một hôm chạy quanh cột nhà, chóng mặt té xuống đất, bị mẹ đánh, khóc rồi ngủ, tỉnh dậy liền không nhớ nữa. Mới biết những chuyện đời trước của Dương Thúc Tử, Đổng Thanh Kiến, Tô Đông Pha mà sử sách ghi lại quả là có thật. Lúc bắt đầu đi học, không mê chơi, không có tuổi thơ. Về sau học càng thăng tiến, lòng luôn nghĩ thế nào cũng đỗ đạt. Nhưng cha

nhiều bệnh, thương cha, nên không đi thi. Cư sĩ khéo hiểu lòng cha, tuy theo nghiệp thi thư, nhưng không cầu hiển đạt, chỉ viết một quyển làm vui. Cư sĩ soạn quyển "Hoàng Diệp Thảo", lấy tâm tánh tông chỉ, phát làm văn chương Lý Bạch Đỗ Phủ. Do cư sĩ lúc nhỏ để tâm nơi thuật đạo dẫn, kế tham Bích Nham lão nhân, nên thấu triệt tông môn nhất trước. Sau khi cha già, cư sĩ gánh vác gia nghiệp, không để cha phải lo toan, tận lao tận dưỡng, suốt đời không nghỉ, quân tử không ai là không tôn sùng. Năm 52 tuổi, cư sĩ lại bệnh, bấm ngón tay đã đến năm thứ 12. Mọi người lo lắng, nhưng cư sĩ tuyệt không để tâm. Ban đầu, ít người tu tịnh nghiệp, cư sĩ đề xướng lien xã ba bốn nơi, từ đó người niệm Phật nhiều. Một hôm nằm mộng thấy người báo rằng: "Ngươi khuyên người tu tịnh, công ấy rất lớn, tuổi thọ được kéo dài thêm, chưa đi đâu!" Bệnh lại lành. Do đó mọi người càng thấy lạ. Cư sĩ một đời tánh tình từ thiện, rất thích bố thí, phàm các thiện sự phóng sanh, nuôi trẻ mồ côi, cứu đói, không việc nào là không được lãnh tụ vui vẻ giúp đỡ. Và đối với phóng sanh càng tích cực hơn. Năm Kỷ Sửu niên hiệu Khang Hy, hạn lâu không mưa, người chết đói đầy đường. Quan lại bấy giờ biết cư sĩ là người hiền đức, có sức kêu gọi, nên nhờ cư sĩ giúp cứu tai hoạ. Sau khi tai ách được cứu, cư sĩ được Đại Trung Thừa Vu Thành Long tặng hoành phi biểu dương.

Mùa đông năm Ất Mùi, có hai người cùng làng đến vay cư sĩ 200 lượng bạc đi buôn ở Sùng Xuyên, khi thuyền đến cung Thiên Phi, 200 lạng bạc bỗng biến đâu mất. Không có vốn, không thể buôn bán, bảy người cùng thuyền đành phải quay về. Hai người vay tiền ấy cho rằng chủ thuyền và những người cùng thuyền trộm tiền của mình, nên định báo lên quan cầu truy cứu. Cư sĩ biết được nói: "Các anh báo quan, họ chắc chắn sẽ bị khổ hình. Nếu thật họ lấy tiền của các anh, bị chút khổ hình cũng được. Nhưng nếu họ không phải là kẻ ăn cắp mà chịu khổ hình, há không phải các anh bị tổn âm đức sao? Trong 7 người cùng thuyền, có hai người ở Gia Hưng, mùa đông lạnh thế này, nếu họ bị tống ngục, không người mang cơm, mang áo, mang chăn, tất nhiên đói lạnh mà chết. Như vậy càng tổn thương âm đức của các anh. Thôi vậy nhé! Hai trăm lạng bạc ấy các anh không phải trả, các anh cũng không phải báo quan. Như vậy, tất cả đều lợi ích.

Lời nói của cư sĩ khiến mọi người cảm kích, nể phục, không báo quan nữa.

Tết Đoan Ngọ năm ấy, cư sĩ thấy tôi đến chơi, rất vui mừng nói: "Từ lâu tôi rất muốn viết bộ "Tây Quy Trực Chỉ" khuyên người tu tịnh nghiệp, nay anh đến, nhờ anh viết cho, để tôi tròn tâm nguyện. Tôi đồng ý, đến ngày 14 tháng 6, thì sách viết xong, cộng có 4 quyển. Ngay hôm tôi báo sách đã viết xong ấy, cư sĩ không bệnh mà tịch, vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Thì ra, cư sĩ có ý muốn vãng sanh vào ngày sách viết xong, cho nên vào ngày mồng 2 tháng 6, đã từ biệt khắp bạn bè người thân, vốn dự định vãng sanh vào giờ ngọ ngày mồng 6, lúc ấy dặn dò con trai rằng: "Con nhất

định phải phát hành cuốn "Tây Quy Trực Chỉ" do Chu tiên sinh soạn nhé. Đến ngày mồng 6, cư sĩ tắm rửa đoan toạ, nói kệ thệ thế, kệ rằng: "bảy mươi mốt năm, mang chiếc đãy da, hôm nay buông xuống, tự tại biết bao". Rồi niệm Phật mà đi, người nhà khóc lóc không ngừng, qua một lúc lâu, cư sĩ bỗng mở mắt nói: "Sao phải làm tôi trễ mất 7 ngày nữa?" Sáng sớm ngày 14, cư sĩ nói với người nhà rằng: "Hôm nay tôi nhất định vãng sanh, mọi người không được khóc". Hôm ấy người nhà đều dằn được thương cảm, còn có trưởng lão Can Hành và mấy người bạn đạo, mọi người đều niệm Phật giúp cư sĩ Tây quy. Đến giờ Thìn, cư sĩ bỗng nhún mình nói: "Bồ-tát Đại Thế Chí đến rồi". Nói xong, chắp tay về hướng tây mà tịch. Ôi! Bất cứ việc gì ở đời đều có thể giả, chỉ có sanh tử là không thể giả. Cư sĩ ra đi tự tại như vậy, không phải công phu niệm Phật một sớm một chiều mà được. Do đó có thể thấy, người tại gia chỉ cần thành tâm niệm Phật, niệm đến nhất tâm bất loạn, nhất định vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đây là pháp môn người người có thể tu, người người có thể vãng, đáng được mọi người tu học.

Văn Khuyên Phát Tâm Bồ-đề

Phàm phu Thật Hiền tôi là kẻ ngu muội, cúi đầu lạy khóc, thương xót báo với đại chúng hiện diện và nam nữ tịnh tín sau này, mong muốn từ bi, hãy nghe cho kỹ. Thường nghe cửa chính yếu vào đạo, phát tâm làm đầu; việc gấp tu hành, lập nguyện làm trước. Lập nguyện, chúng sanh mới có thể độ; tâm phát, thì Phật đạo mau thành. Nếu không phát tâm rộng lớn, lập nguyện bền chắc, thì cho dù trải qua kiếp sống nhiều như hạt bụi đi nữa, vẫn ở trong luân hồi, cho dù có tu hành, chỉ là mệt nhọc. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: "quên mất tâm Bồ-đề, mà tu các pháp lành thì là nghiệp ma." Quên mất mà còn như thế, huống hồ gì chưa phát? Nên biết muốn học Như Lai thừa, cần phải trước tiên phát Bồ-tát nguyện, không thể chậm trễ.

Nhưng tâm nguyện khác nhau, tướng nó lại nhiều, nếu không nói ra, biết đâu mà hướng? Nay xin lược nói ra cho đại chúng, tướng nó có tám: đó chính là tà, chánh, chân, nguy, đại, tiểu, thiên, viên.

Tà, chánh, chân, nguy, đại, tiểu, thiên, viên là gì?

Ở đời có những người, một đời tu hành, không chịu cứu xét bản tâm của mình, chỉ biết chạy theo những việc bên ngoài: kẻ cầu lợi dưỡng, kẻ chuộng tiếng hay, kẻ tham dục lạc hiện đời, kẻ cầu vị lai quả báo. Phát tâm như thế thì gọi là tà.

Đã không cầu lợi dưỡng tiếng hay, lại không tham quả báo dục lạc, chỉ vì sanh tử, vì Bồ-đề. Phát tâm như thế, thì gọi là chánh.

Niệm niệm trên cầu làm Phật, tâm tâm dưới độ chúng sanh. Nghe Phật đạo xa dài, không sanh thối thất. Quán chúng sanh khó độ, không sanh mệt mỏi. Như leo lên núi cao vạn nhẫn, phải lên tới đỉnh mới thôi. Như leo tháp chín tầng, lên cho được ngọn. Phát tâm như thế, thì gọi là chân.

Có tội không hối, có lỗi không chừa. Trong dơ ngoài sạch, trước siêng sau nhác. Tuy có tâm tốt nhưng phần nhiều bị danh lợi chen vào. Tuy có thiện pháp, nhưng lại bị tội nghiệp làm cho ô nhiễm. Phát tâm như thế, thì gọi là nguy.

Cõi chúng sanh hết, nguyện tôi mới hết. Đạo Bồ-đề thành, nguyện tôi mới thành. Phát tâm như thế, thì gọi là đại.

Quán ba cõi như nhà ngục, nhìn sanh tử như oan gia, chỉ mong độ mình, không muốn độ người. Phát tâm như thế, thì gọi là tiểu.

Nếu ngoài tâm thấy có chúng sanh và Phật đạo, nguyện độ nguyện thành, công huân không quên, tri kiến không mất. Phát tâm như thế, gọi đó là thiên.

Nếu biết tự tánh là chúng sanh, nên nguyện độ thoát; tự tánh là Phật đạo, nên nguyện thành tựu. Không thấy một pháp, lìa tâm mà có. Lấy tâm hư không, phát nguyện hư không, hành hạnh hư không, chứng quả hư không; cũng không có tướng hư không có thể được. Phát tâm như thế, thì gọi là viên.

Biết được tám sự sai khác này, thì biết thẩm sát; biết thẩm sát thì biết lấy bỏ; biết lấy bỏ thì có thể phát tâm.

Thẩm sát là sao? Có nghĩa phát tâm của ta đối với tám loại này, thế nào là tà? thế nào là chánh? thế nào là chân? thế nào là nguỵ? thế nào là đại? thế nào là tiểu? thế nào là thiên? thế nào là viên?

Thế nào là lấy bỏ? Gọi là bỏ tà, bỏ nguỵ, bỏ tiểu, bỏ thiên. Lấy chánh, lấy chân, lấy đại, lấy viên. Phát tâm như thế, mới được gọi là chân chánh phát tâm Bồ-đề.

Tâm Bồ-đề này, là vua của các pháp lành. Tất có nhân duyên mới được phát khởi. Nay nói nhân duyên, lược có 10 loại. Mười loại nào? 1. Nhớ Phật ân nặng; 2, nhớ ân cha mẹ; 3, nhớ ân sư trưởng; 4, nhớ ân thí chủ; 5, nhớ ân chúng sanh; 6, nghĩ đến khổ sanh tử; 7, tôn trọng tánh linh của mình; 8, sám hối nghiệp chướng; 9, cầu sanh Tịnh độ; 10, mong cho chánh pháp trụ lâu ở đời.

Vì sao nhớ ân Phật nặng? Vì Đức Phật Thích-ca của chúng ta, đầu tiên phát tâm, vì chúng ta mà hành đạo Bồ-tát, trải qua vô lượng kiếp chịu các khổ não. Khi ta tạo nghiệp, thì Phật thương xót, đưa ra đủ các phương tiện để giáo hoá, nhưng ta ngu si không biết tin nhận. Ta đoạ địa ngục, Phật lại đau xót, muốn thay ta chịu khổ, nhưng do ta nghiệp nặng nên không thể cứu. Ta được sanh ra làm người, Phật dùng phương tiện, để trồng căn lành, đời đời kiếp kiếp, theo mãi bên ta, tâm không tạm rời.

Khi Phật ra đời, con còn trầm luân, nay được thân người, Phật đã diệt độ. Tội gì mà sanh vào thời mạt pháp? Phước gì mà được xuất gia? Chướng gì mà không thấy Phật thân? May gì mà được chiêm bái xá-lợi? Suy tư như vầy, nếu không trồng thiện căn, lấy gì được nghe Phật pháp? Không nghe Phật pháp, làm sao biết thường chịu Phật ân? Ân này đức này, núi đồi khó dụ. Mình không phát quảng đại tâm, hành Bồ-tát hạnh, kiến lập Phật pháp, cứu độ chúng sanh, thì cho dù thịt nát xương tan, đâu thể báo đáp. Đó là nhân duyên thứ nhất phát tâm Bồ-đề vậy.

Vì sao nhớ ân cha mẹ? thương thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn, mười tháng ba năm, mang thai bú mớm, thay khô đổi ướt, nuốt đắng nhả ngọt, mới được thành người, chỉ mong nối tiếp môn phong, cung thừa tế tự. Nay chúng ta đã được xuất gia, lạm xưng người con Phật, hổ thẹn gọi sa-môn. Ngon ngọt không cung phụng, tế tự không chu toàn. Cha mẹ sống không nuôi, cha mẹ chết không dẫn được thần hồn. Ở đời thì là đại tổn, xuất thế lại chẳng ích gì, hai đường đều mất, tội nặng khó lường. Tư duy như vầy: chỉ có trăm kiếp ngàn đời thường hành Phật đạo, mười phương ba đời độ khắp chúng sanh, thì không chỉ cha mẹ một đời, mà cha mẹ đời đời cũng đều được cứu độ. Không chỉ cha mẹ của một người, mà cha mẹ của người người, đều được siêu thăng tất cả. Đó là nhân duyên thứ hai của phát tâm Bồ-đề vậy.

Vì sao nhớ ân sư trưởng? Cha mẹ tuy sanh ra thân ta, nhưng nếu không có sư trưởng thế gian, thì không biết lễ nghĩa; nếu không có sư trưởng xuất thế gian, thì không biết Phật pháp. Không biết lễ nghĩa, thì có khác gì cầm thú; không biết Phật pháp, thì có khác gì người đời? Sự hiểu biết lễ nghĩa cạn cợt, sự hiểu biết Phật pháp thiển cận của chúng ta hôm nay đây, ca-sa che thân, giới phẩm triêm thân, những ân nặng này, đều từ sư trưởng. Nếu cầu quả nhỏ, chỉ được lợi mình; nay vì đại thừa, phổ nguyện lợi người, thì hai loại thầy thế, xuất thế gian đều được lợi ích. Đó là nhân duyên thứ ba của phát tâm Bồ-đề vậy.

Vì sao nhớ ân thí chủ? Vì chúng ta hôm nay đây, đồ dùng hằng ngày, chẳng có cái gì của mình cả. Cơm cháo ngày ba bữa, y áo mặc bốn mùa, thuốc thang khi tật bệnh, phí dụng cho thân khẩu, tất cả của này đều từ nơi khác mang đến cho ta dùng. Họ thì hết sức cày cấy, còn chưa đủ ăn; ta thì ngồi yên thọ thực, còn không vừa ý! Họ thì dệt vải không ngừng, mà còn không đủ che thân; ta thì y phục có thừa, đâu biết quý tiếc? Họ thì nhà tranh vách lá, bận loạn cả đời; ta thì chùa to Phật lớn, nhàn rỗi quanh năm! Họ lấy công quả khó khổ mà cúng, ta phóng dật, tâm có an không? lấy lợi của họ mà mập thân mình, lý có thuận không? Nếu như bi trí cùng vận, phước tuệ nghiêm thân. Thí chủ mới được nhờ ân, chúng sanh mới được được phước báu? Không thì hạt gạo tấc tơ, chắc chắn đền trả, quả ác khó tránh. Đó là nhân duyên thứ tư của phát tâm Bồ-đề vậy.

Vì sao nhớ ân chúng sanh? Vì ta và chúng sanh, từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp từng làm cha mẹ của nhau, nên có ân với nhau. Nay tuy cách thế hôn mê, không quen biết nhau, nhưng lấy lý suy, đâu không báo đáp? Những con vật mang lông đội sừng đời nay, sao biết chẳng phải ngày xưa từng làm con mình? Những loài bò bay cựa động đời nay, sao biết chẳng từng làm cha của ta? Thường thấy trẻ con xa cha mẹ, lớn lên mặt mũi đều quên, huống hồ thân duyên nhiều kiếp, nay thì Trương, Vương khó nhớ. Họ đang kêu gào dưới địa ngục, trôi lăn trong ngạ quỷ, đau đớn ai hay? Đói khát ai giúp? Ta tuy không thấy không nghe, nhưng họ tất cầu cứu tế. Chẳng phải kinh không thể chỉ rõ chuyện này, chẳng Phật không thể nói được lời này. Bọn người tà kiến, lấy gì để biết việc này? Cho nên Bồ-tát nhìn sâu nơi trùng kiến, đều là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai, thường nghĩ đến lợi ích, nhớ báo thâm ân. Đó là nhân duyên thứ năm của phát tâm Bồ-đề vậy.

Vì sao nghĩ đến khổ sanh tử? Vì ta và chúng sanh, từ vô thỉ kiếp đến nay, luôn ở trong sanh tử, chưa được giải thoát. Cõi trời cõi người, cõi này phương khác, vào ra vạn lần, chốc lên chốc xuống. Chốc thì làm trời, chốc thì làm người, chốc thì làm địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Địa ngục sáng ra tối lại vào, hầm sắt tạm rời rồi lại nhập. Lên núi đao, nhúc nhích là thân thể tan nát; vin cây kiếm, thì tất vuông đều cắt nát. Hòn sắt nóng không trừ được đói, nuốt vào thì gan ruột chín rục; nước đồng sôi khó trừ cơn khát, uống vào thì

xương thịt đều tan. Cưa bén phân thây, đứt rồi liền lại; gió vừa thổi vào, chết rồi lại sanh. Trong thành lửa lớn, nỡ nghe tiếng thảm kêu gào? trong chảo dầu sôi, chỉ nghe tiếng rên thống khổ. Băng giá mới ngưng, thì trạng tợ nhụy sen xanh kết; máu thịt đã phân, thì thân như hoa sen hồng nở. Một đêm sống chết, địa ngục trải qua vạn lần; một mai đau khổ, nhân gian đã quá trăm năm. Liên tục phiền nhọc ngục tốt, ai tin sự giáo giới của Diêm vương? Lúc chịu mới biết khổ, hối hận nhưng đã muộn màng. Thoát ra rồi quên, lại tạo nghiệp như cũ. Đánh Lừa chảy máu, ai hay mẹ ta đang khóc? Kéo heo đến lò mổ, đâu biết chính là nỗi đau của cha anh? Ăn thịt con mà không biết, Văn vương còn thế; ăn thịt người thân mà không hay, phàm phu đều thế. Năm xưa ân ái, nay làm oan gia; ngày xưa thù địch, nay thành cốt nhục. Xưa làm mẹ mà nay làm vợ, xưa làm ông nay lại làm chồng. Có túc mạng thông biết được, chắc là xấu hổ lắm! có thiên nhãn thông thấy được, đáng cười đáng thương lắm!

Trong đống phẩn uế, mười tháng bao tàng khó chịu; trong đường máu mủ, đột nhiên lộn cổ (sanh ra) đáng thương! Còn nhỏ chẳng biết chi, đông tây chẳng rõ; lớn lên biết chút ít, tham dục liền sanh. Thoáng chốc già bệnh cùng tìm, nhanh chóng vô thường lại đến. Gió lửa tranh nhau, thần thức bên trong náo loạn; tinh huyết đã kiệt, da thịt bên ngoài khô khan. Không một lỗ chân lông nào không bị chui đâm, có nhiều lỗ nhưng không lỗ nào không bị dao cắt. Con rùa bị nấu chín, mới lột được xác, nhưng cũng còn dễ; thần thức sắp tàn, nhưng rời thân thể quả cực khó!

Tâm không làm chủ, giống khách buôn chốn chốn chạy tìm; thân không có hình trạng cố định, thay đổi nhiều lần như nhà cửa. Lấy hạt bụi của cả đại thiên, cũng khó sánh được thân qua lại; nước của bốn biển, đố ai tính được nước mắt biệt ly. Xương chất như núi cao, cao hơn cả núi; xương vãi thành đống, nhiều hơn cả đại địa. Nếu không nghe lời Phật, việc này ai thấy ai hay? Chưa đọc kinh Phật, lý này ai hay ai biết?

Nhiều kẻ tham luyến như xưa, vẫn mê như cũ. E rằng vạn kiếp ngàn đời, một sai trăm sai. Thân người khó được mà dễ mất, cơ hội tốt dễ qua mà khó tìm. Đường đi mịt mờ, biệt ly trường cửu. Ác báo ba đường, rồi mình tự chịu. Đau không thể nói, ai kẻ thay cho? Thương xót mở lời, đâu không lo sợ?

Cho nên phải cắt đứt dòng sanh tử, ra khỏi biển ái, mình người đều cứu, bỉ ngạn cùng lên, công huân của muôn ngàn kiếp, chỉ một bước này. Đó là nhân duyên thứ sáu phát tâm Bồ-đề vậy.

Vì sao tôn trọng tánh linh của mình? Vì hiện tại ta đây cùng Phật Thích-ca không khác, tại sao đức Thế tôn đã thành Phật từ kiếp nào, mà chúng ta đây hôn mê điên đảo còn làm phàm phu? Lại đức Phật thì có đủ vô lượng thần thông, trí huệ, công đức trang nghiêm, còn chúng ta thì chỉ có vô lượng nghiệp chướng, phiền não, sanh tử trói buộc. Tâm tánh thì một, mà mê ngộ xa nhau như trời vực. Lẳng lặng mà xét, đâu thể không thẹn? Thí như viên bảo châu vô giá, bị vùi trong bùn, giống như ngói gạch, không biết quý

trọng. Vì thế nên dùng vô lượng pháp lành, để đối trị phiền não. Tu đức có công thì tánh đức mới hiện. Như viên bảo châu được rửa sạch, treo trên cờ cao, thấu triệt ánh sáng, che đậy tất cả. Có thể gọi là không phụ ơn Phật, không phụ tánh linh của mình. Đó là nhân duyên thứ bảy của phát tâm Bồ-đề vậy.

Vì sao phải sám hối nghiệp chướng? kinh nói phạm một tội nhẹ, như trời Tứ thiên vương thọ 500 tuổi đoạ trong địa ngục. Tội nhẹ mà còn bị quả báo ấy, huống hồ tội nặng? Quả báo của nó khó mà nói hết! Trong đời sống hằng ngày của chúng ta, nhất cử nhất động, đều trái giới luật; chén cơm bát nước, luôn phạm thi-la (giới). Một ngày phạm tội, cũng đáng vô lượng, huống hồ phạm giới đời này qua kiếp khác! tội ấy, càng không thể nói hết. Tạm lấy năm giới mà nói, mười người phạm hết chín, ít người phát lộ, phần nhiều che giấu. Năm giới gọi là giới tại gia, còn chưa hành trì viên mãn, huống hồ các giới sa-di, Tỳ-khưu, Bồ-tát, lại càng không cần phải nói. Hỏi danh, thì nói tôi là Tỳ-khưu; hỏi thực, thì còn không bằng một người cư sĩ tại gia. Thật đáng hổ thẹn! Phải biết giới Phật không thọ thì thôi, thọ rồi không được huỷ phạm; không phạm thì thôi, phạm thì tất bị đoạ lạc. Nếu không thương mình thương người, đau cho mình đau cho người, thân khẩu cùng khẩn thiết, bi thương cùng tột, khắp vì chúng sanh cầu xin sám hối, thì ngàn đời vạn kiếp, ác báo khó trốn. Đó là nhân duyên thứ tám của phát tâm Bồ-đề vậy.

Vì sao phải cầu sanh Tịnh độ? Bởi vì tu hành ở cõi Ta-bà này, rất khó tiến đạo. Vãng sanh Tịnh độ, thành Phật rất dễ. Dễ nên một đời có thể thành Phật, khó nên nhiều kiếp không thành. Do đó thánh hiền xưa, ai cũng hướng về; ngàn kinh muôn luận, cũng đều chỉ về; tu hành thời mạt pháp, không pháp nào qua pháp môn Tịnh độ. Nhưng kinh nói ít thiện không sanh, nhiều phước mới được sanh lên cõi ấy (Tịnh độ). Nói nhiều phước, không gì bằng chấp trì danh hiệu; nói nhiều thiện, không gì bằng phát quảng đại tâm. Do đó vừa trì danh hiệu Phật, phước hơn bố thí trăm năm; phát quảng đại tâm, vượt hơn tu hành muôn kiếp. Bởi niệm Phật vốn mong làm Phật, mà đại tâm không phát thì niệm để mà làm gì? Phát tâm vốn để tu hành, mà Tịnh độ không sanh, thì phát rồi cũng dễ thoái thất. Do đó trồng hạt giống Bồ-đề, cày bằng cày niệm Phật, thì đạo quả tất nhiên tăng trưởng. Thuyền đại thừa nguyện, chèo trong biển Tịnh độ, thì Tây phương chắc chắn vãng sanh. Đó là nhân duyên thứ chín của phát tâm Bồ-đề vậy.

Vì sao phải làm cho chánh pháp trụ lâu ở đời? Bởi vì đức Phật của chúng ta từ vô lượng kiếp cho đến ngày nay, vì chúng ta mà tu đạo Bồ-đề, làm những việc khó làm, nhẫn những điều khó nhẫn, nhân viên quả mãn, liền được thành Phật. Đã thành Phật rồi, hoá duyên xong khắp, mới vào Niết-bàn. Chánh pháp tượng pháp, đều đã qua rồi, chỉ còn mạt pháp. Có tu mà không có chứng, tà chánh không phân, thị phi chẳng rõ, cạnh tranh nhân ngã, toàn

theo lợi danh. Đưa mắt nhìn quanh, ai cũng như thế. Không biết Phật là người nào, pháp nghĩa là gì, tăng gọi là gì! Suy tàn đến độ, không nói nên lời, mỗi khi nghĩ đến, là nước mắt rơi! Ta là đệ tử Phật, không thể báo ân. Trong chẳng ích gì cho mình, ngoài chẳng ích gì cho người. Sống chẳng ích gì cho hiện tại, chết chẳng ích gì cho mai sau. Trời tuy cao không thể che ta, đất tuy dày không thể chở ta. Kẻ mang tội nặng nhất, chẳng phải ta thì là ai? Do đó đau không chịu nổi, tính không ra đường, nhưng vội quên bỉ lậu, phát Bồ-đề tâm. Tuy không thể cứu vãn mạt vận ngay lúc này, nhưng quyết sẽ hộ trì chánh pháp cho lai thế. Cho nên cùng chư thiện hữu, cùng đến đạo tràng, làm pháp sám-ma (hối lỗi – xin người khác nhẫn thứ tội lỗi cho mình), lập pháp hội này. Phát 48 đại nguyện, nguyện nguyện độ sanh. hẹn với thâm tâm trăm kiếp ngàn đời, tâm tâm làm Phật.

Bắt đầu từ hôm nay, cho đến muôn đời sau, bỏ thân mạng này, nguyện về cực lạc. Lên được cửu phẩm, trở lại Ta-bà. Làm cho Phật pháp ngày một sáng lên, pháp môn ngày càng tỏ rạng, tăng hải trong sạch nơi cõi này, nhân dân được hoá ở nhân gian. Kiếp vận vì đó kéo dài, chánh pháp nhờ đó cửu trụ, đây là chút lòng chân thật tha thiết. Và là nhân duyên thứ mười của phát tâm Bồ-đề vậy. Rõ đủ mười duyên, biết khắp tám pháp như vậy, thì xu hướng có nơi, khai phát có chỗ. Cùng nhau được thân người này, sanh nơi Trung Quốc, sáu căn đầy đủ, tứ đại điều hoà, có đủ tín tâm, không bị ma chướng. Huống nay chúng ta lại được xuất gia, được thọ cụ giới, được gặp đạo tràng, được nghe Phật pháp, được chiêm bái xá-lợi, được tu sám pháp, được gặp bạn lành, được đủ thắng duyên, không ngay hôm nay phát đại tâm này, còn đợi đến ngày nào nữa?

Mong đại chúng, thương cho sự chân thành ngu muội của tôi, thương cho khổ chí của tôi, cùng lập nguyện này, cùng phát tâm này. Ai chưa phát, giờ phát; đã phát rồi, tăng trưởng thêm; đã tăng trưởng, nay tiếp tục tăng trưởng nữa. Chớ sợ khó mà thoái khuất, chớ thấy dễ mà khinh lờn, chớ muốn nhanh mà không lâu dài, chớ biếng nhác mà không dũng mãnh, chớ uỷ mị mà không phấn chấn, chớ lần lữa mà lại ngóng mong, chớ vì ngu độn mà một bề vô tâm, chớ vì chậm lụt mà tự ti yếu kém. Giống như trồng cây, trồng lâu thì rễ cạn thành sâu; lại như mài dao, mài lâu thì dao cùn thành bén. Đâu thể vì cạn mà không trồng, mặc cho nó khô; vì cùn mà không mài, vứt đi không dụng. Nếu nói tu hành là khổ, thì đâu biết biếng nhác càng khổ; tu hành tuy khổ nhọc tạm thời, nhưng an lạc vĩnh kiếp; biếng nhác tuy sung sướng một đời, nhưng chịu khổ đa sanh. Huống hồ lấy Tịnh độ làm thuyền, thì lo gì thoái chuyển? Lại được vô sanh làm sức nhẫn, thì lo gì gian nan? Nên biết những tội nhân trong địa ngục, mà còn phát Bồ-đề từ nhiều đời kiếp trước; đâu thể là con người, lại là đệ tử Phật, mà không chịu lập đại nguyện ở đời nay?

Vô thỉ hôn mê, việc qua rồi không ngăn được; nhưng nay giác ngộ, tương lai vẫn còn đuổi kịp. Tuy nhiên mê không tỉnh ngộ, cố nhiên đáng thương; nếu biết mà không làm, lại càng đau xót! Nếu sợ cái khổ địa ngục, thì tinh tấn liền sinh; nếu nghĩ cái nhanh chóng của vô thường, tự nhiên không giải đãi. Lại phải lấy Phật pháp làm cây roi, bạn lành làm người nâng đỡ, một phút không rời, cả đời nương tựa, thì không có nỗi lo thoái thất! Chớ bảo một niệm nhỏ nhoi, chớ bảo nguyện không vô ích; tâm chân thì việc thật, nguyện lớn thì hạnh sâu. Hư không không lớn, tâm vương mới lớn; kim cương không bền, nguyện lực mới bền. Đại chúng quả thật có thể không bỏ ngoài tai những lời của tôi, thì quyến thuộc Bồ-đề trở thành đối tác từ đây, Liên xã tông ước hẹn tốt từ đó. Nguyện cùng sanh về Tịnh độ, cùng thấy Di-đà, cùng hoá chúng sanh, cùng thành chánh giác, thì biết đâu 32 tướng tốt đời vị lai, trăm phước trang nghiêm, không bắt đầu từ phát tâm lập nguyện từ hôm nay?

Mong đại chúng cùng cố gắng! Rất mong! Rất mong!